

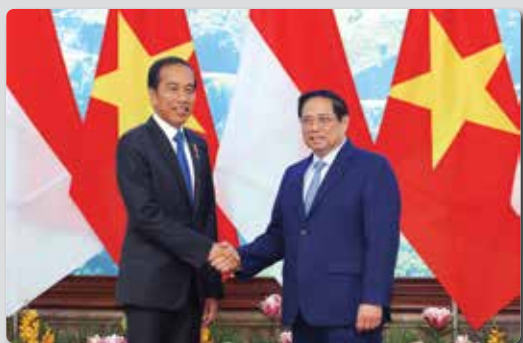


FIGURES & EVENTS REVIEW  
OF THE GSO (MPI)

# TẠP CHÍ Con số SỰ KIỆN

ISSN 2734-9136

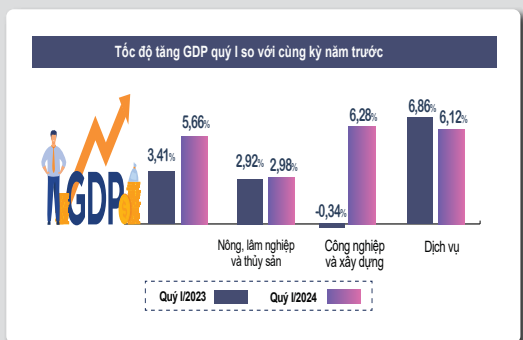
TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 63 - Số 667 / Kỳ I - 4/2024



**KỶ VỌNG THỨC ĐẨY**  
**KIM NGẠCH THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG**  
**VIỆT NAM - INDONESIA**



**CẢ NƯỚC RA QUÂN ĐIỀU TRA**  
**DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỶ NĂM 2024**



**TĂNG TRƯỞNG GDP QUÝ I ĐẠT 5,66%**  
**LÀ BƯỚC KHỞI ĐẦU TÍCH CỰC**  
**CHO KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2024**



**TOÀN NGÀNH THỐNG KÊ TIẾN HÀNH**  
**ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2024**  
**VÀO NGÀY 01/4/2024**

## CON SỐ & SỰ KIẾN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 4/2024 (667) Ra hàng tháng. Năm thứ 63

Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

# TRONG SỔ NÀY

## HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Tổng cục Thống kê hợp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý I năm 2024

2. Cả nước ra quân điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024

4. Sự ủng hộ, hợp tác của Nhân dân là yếu tố quan trọng quyết định thành công điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024

7. Một số điểm mới của Điều tra Dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024

Cao Văn Hoạch

9. Những điểm cần lưu ý khi triển khai Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024

Nguyễn Tuấn Anh

11. Toàn ngành Thống kê tiến hành điều tra doanh nghiệp năm 2024 vào ngày 01/4/2024

## KINH TẾ - XÃ HỘI

13. Tình hình kinh tế - xã hội cả nước quý I năm 2024

17. Tăng trưởng GDP quý I đạt 5,66% là bước khởi đầu tích cực cho kinh tế Việt Nam năm 2024

Nguyễn Thị Mai Hạnh

19. Tình hình sản xuất công nghiệp quý I và dự báo quý II năm 2024

Phí Thị Hương Nga

23. Lạm phát được kiểm soát trong quý I năm 2024

Nguyễn Thu Oanh

25. Phát triển nền kinh tế tri thức tại Việt Nam

ThS. Nguyễn Phương Tú

28. Nghị quyết 02/2024: Điểm tựa phục hồi và phát triển của doanh nghiệp

ThS. Lê Thị Huyền Trang

31. Cởi trói nút thắt cơ chế cho phát triển năng lượng tái tạo

ThS. Mai Thị Châu Lan

ThS. Nguyễn Thị Phương Liên

34. Tận dụng tốt cơ hội phát triển công nghiệp điện tử

Linh Nguyễn

36. Ngành ô tô Việt Nam - Kỳ vọng lấy lại nhịp tăng trưởng trong năm 2024

Thu Hường

38. Ngành dệt may: Cần bước tiến dài trong chuyển đổi xanh

ThS. Hoàng Lan Anh - ThS. Nguyễn Thị Kim Anh

41. Thủy sản Việt Nam 2024: Cơ hội và thách thức đan xen

Thu Hòa

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

44. Lộ trình áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế tại Việt Nam

ThS. Nguyễn Thị Bích Liên

## QUỐC TẾ

47. EVFTA sau 3 năm thực thi: Cơ hội rộng mở nhưng doanh nghiệp Việt Nam vẫn gặp khó

ThS Nguyễn Thị Ánh Ngọc - ThS. Nguyễn Thị Diễm

ThS. Lê Hương Bình - ThS. Nguyễn Quốc Bình

51. Kỳ vọng thúc đẩy kim ngạch thương mại song phương Việt Nam - Indonesia

Minh Huyền

Giá: 27.000 đ

# TỔNG CỤC THỐNG KÊ HỌP BÁO

## CÔNG BỐ SỐ LIỆU THỐNG KÊ KINH TẾ - XÃ HỘI QUÝ I NĂM 2024

Sáng ngày 29/3/2024, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý I năm 2024. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì buổi họp báo.

Tham dự họp báo trực tiếp tại điểm cầu Tổng cục Thống kê có các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Thanh Dương, Nguyễn Trung Tiến; đại diện lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK; các cơ quan báo chí, truyền thông. Họp báo được kết nối trực tuyến đến điểm cầu của 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 2 Trường Cao đẳng Thống kê.

Theo Báo cáo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, trước bối cảnh thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, với quyết tâm tạo động lực đột phá để phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu đề ra, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các Bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024; Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 15/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau Tết Nguyên đán. Các Bộ, ngành, địa phương đã tập trung xây dựng kế hoạch hành động để thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng. Kinh tế - xã hội quý I/2024 của nước ta đạt được kết quả tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, khẳng định chính sách quản lý và điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương từng bước phát huy hiệu quả. Kết quả đạt được của các ngành, lĩnh vực trong quý I/2024 như sau:

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2024 ước tính tăng 5,66% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng của quý I các năm 2020-2023. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,98%, đóng góp 6,09% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,28%, đóng góp 41,68%; khu vực dịch vụ tăng 6,12%, đóng góp 52,23%.

Sản xuất nông nghiệp quý I/2024 tiếp tục tăng trưởng ổn định. Sản xuất công nghiệp trong quý I/2024 tiếp tục khởi sắc, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp quý I/2024 ước tính tăng 6,18% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2024, cả nước có hơn 36,2 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 332,2 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký gần 258,8 nghìn



lao động, tăng 6,9% về số doanh nghiệp, tăng 7% về vốn đăng ký và tăng 21,9% về số lao động so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động thương mại và dịch vụ diễn ra sôi động trong quý I năm 2024. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 1.537,6 nghìn tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2023 tăng 13,9%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,1% (quý I/2023 tăng 10,1%).

Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam tăng mạnh, quý I/2024 đạt hơn 4,6 triệu lượt người, tăng 72% so với cùng kỳ năm trước và tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch Covid-19. Qua đó, phản ánh hiệu quả của chính sách thị thực thuận lợi, các chương trình kích cầu du lịch.

Hoạt động vận tải duy trì đà tăng trưởng tích cực cả về vận tải hành khách và hàng hóa. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trong quý I/2024 theo giá hiện hành tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước đã phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh trong nước có xu hướng phục hồi ở nhiều ngành, lĩnh vực. Đời sống dân cư được cải thiện, công tác an sinh xã hội được chính quyền các cấp quan tâm thực hiện; chương trình xây dựng nông thôn mới trong những năm qua có tác động tích cực, góp phần nâng cao đời sống người dân khu vực nông thôn, đẩy mạnh phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn. Nhiều lễ hội truyền thống và hoạt động văn hóa, văn nghệ, được tổ chức khắp nơi, tạo nên bức tranh đặc sắc, ấn tượng trên cả nước. Các phong trào tập luyện thể dục thể thao được tổ chức rộng khắp, nhiều phong trào thể thao quần chúng được phát động.

Qua đây, Tổng cục Thống kê khuyến nghị một số nhóm giải pháp chủ yếu để đạt mục tiêu phát triển



kinh tế - xã hội trong thời gian tới như: (1) Kiên trì giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát giá cả, thị trường, đảm bảo cung ứng hàng hóa và các cân đối lớn của nền kinh tế; (2) Đẩy mạnh tiêu dùng, tập trung phát triển thị trường trong nước; (3) Tập trung triển khai hiệu quả các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu; (4) Bộ ngành, địa phương có các giải pháp quyết liệt thực hiện và giải ngân vốn (5) Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, chủ động phương án phòng chống thiên tai; (6) Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của các ngành, các cấp.

Tại Họp báo, dưới sự chủ trì của Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương, đại diện lãnh đạo các Vụ chuyên môn của TCTK đã trả lời các câu hỏi của phóng viên với các nội dung xoay quanh tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2023.

Một số vấn đề được giải đáp liên quan đến các lĩnh vực như: Điểm sáng của bức tranh kinh tế, đóng góp của các động lực tăng trưởng mới, giải pháp thúc đẩy tiêu dùng, nhận xét và giải pháp giảm áp lực lạm phát, kim ngạch xuất khẩu, điều hành giá, nông nghiệp, thương mại - dịch vụ, thị trường lao động...

Tại Họp báo, Tổng cục Thống kê công bố các thông cáo báo chí: Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội quý I/2024; Thông cáo báo chí tình hình giá quý I/2024; Tổng quan PPI quý I/2024; Thông cáo báo chí chỉ số giá sinh hoạt theo không gian năm 2023; Thông cáo báo chí tình hình lao động - việc làm quý I/2024; Báo cáo xu hướng sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và xây dựng quý I/2024 và xu hướng quý II/2024; Tổng quan dự báo tình hình kinh tế thế giới quý I/2024; Thông cáo báo chí Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024; Thông cáo báo chí về Điều tra doanh nghiệp năm 2024./.

**Thu Hiền**

**S**áng ngày 01/4/2024, cả nước đồng loạt ra quân tiến hành Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024. Đây là cuộc điều tra được thực hiện theo Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành tại Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Phương án Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 (ĐTDSGK 2024) do Tổng cục Thống kê ban hành.

Tại Hà Nội, Lễ ra quân Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 được Tổng cục Thống kê (TCTK) phối hợp với Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức tại Nhà Văn hóa và Thể thao quận Tây Hồ với sự tham dự của bà Nguyễn Thị Hương - Tổng cục trưởng TCTK, ông Matt Jackson, Trưởng đại diện Quỹ Dân số Liên Hợp quốc tại Việt Nam, Đại diện lãnh đạo một số đơn vị thuộc TCTK, Cục Thống kê thành phố Hà Nội, lãnh đạo UBND quận Tây Hồ, các điều tra viên, tổ trưởng, giám sát viên cùng phóng viên của các cơ quan thông tấn báo chí.

Phát biểu tại Lễ ra quân, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương cho biết, điều tra DSGK 2024 là cuộc điều tra có quy mô mẫu lớn nhất trong các cuộc điều tra mẫu do ngành Thống kê chủ trì và được thực hiện giữa hai cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 và năm 2029. Đây là lần thứ hai cuộc Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ được tổ chức. So với cuộc điều tra năm 2014, điều tra lần này có một số thay đổi, đặc biệt đây là lần đầu tiên cuộc điều tra tiến hành thu thập thông tin đối với người nước ngoài hiện đang ăn, ở tại hộ với kỳ vọng sẽ góp phần thu hẹp khoảng trống thông tin về người nước ngoài đang thường trú trên lãnh thổ Việt Nam, từ đó tạo tiền đề cho kỳ Tổng điều tra dân số và nhà ở kế tiếp.

Việc tổ chức thành công Lễ ra quân Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 có ý nghĩa quan trọng trong việc tuyên truyền để các hộ dân cư hiểu được mục đích, ý nghĩa của cuộc Điều tra, từ đó các hộ dân cư tích cực phối hợp với điều tra viên trong quá trình phỏng vấn thu thập thông tin. Để triển khai công tác thu thập thông tin một cách hiệu quả, góp phần vào việc thực hiện thành công Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024, thay mặt Tổ công tác Trung ương, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đề nghị các điều tra viên, giám sát viên và Tổ công tác Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ thành phố Hà Nội nghiêm túc thực hiện và bám sát các nhiệm vụ được giao trong quá trình thực hiện điều tra.

Tại Lễ ra quân, ông Nguyễn Đình Khuyến - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND quận Tây Hồ cho biết, nhận thức rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc Điều tra, UBND Quận Tây Hồ đã xây dựng Kế hoạch số 80/KH- UBND ngày 08/3/2024 để chỉ đạo tổ chức thực hiện cuộc điều tra trên địa bàn Quận, phân công các phòng, ban, ngành, UBND các phường phối hợp chặt chẽ, huy động các lực lượng tham gia vào cuộc.

Tây Hồ là một trong những quận nội thành có địa bàn rộng với 9.037 hộ dân được lập bảng kê tại 63 địa bàn điều tra, 1.890 hộ điều tra, trong đó có nhiều hộ kinh doanh buôn bán, các khu căn hộ cao cấp, hộ người nước ngoài sinh sống,... nên có những khó khăn nhất định trong việc tiếp cận và khai thác thông tin. Quận đã trưng tập gần 60 người tham gia cuộc điều tra bao gồm: Lực lượng giám sát viên, điều tra viên, người dẫn đường tại các địa bàn tổ dân phố, cán bộ Văn phòng - Thống kê của các phường. Đặc biệt, lực lượng điều tra viên tham gia Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ lần này chủ yếu là lực lượng sinh viên đại học được tuyển chọn là lực lượng trẻ, có trình độ, kỹ năng tốt,



# CẢ NƯỚC RA QUÂN ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024

sử dụng thành thạo phần mềm máy tính bảng và điện thoại thông minh, có kinh nghiệm thực hiện điều tra bằng Capi cũng như cách tiếp cận hộ tại địa bàn.

Theo ông Matt Jackson, Trưởng đại diện Quỹ Dân số Liên Hợp quốc tại Việt Nam, Lễ ra quân Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ năm 2024 là một dấu ấn quan trọng trong lĩnh vực thống kê vì kết quả của cuộc điều tra này sẽ là nền tảng để đưa ra các quyết định chính sách quan trọng nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững ở Việt Nam. UNFPA Việt Nam tự hào được đồng hành cùng Tổng cục Thống kê trong gần 50 năm qua. Với quan điểm những quốc gia có dữ liệu chất lượng là những quốc gia đạt được mức tăng trưởng ấn tượng và giải quyết được các nhu cầu của người dân, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia. Qua đây, UNFPA cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật cho Chính phủ Việt Nam và Tổng cục Thống kê nhằm tạo ra và tối đa hóa việc sử dụng dữ liệu có chất lượng hướng tới thúc đẩy công bằng xã hội và phát triển bền vững ở Việt Nam.

Sau Lễ ra quân, đoàn công tác Tổng cục Thống kê tiến hành giám sát điều tra thực địa tại một số hộ gia đình trên địa bàn quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Thời gian thu thập thông tin trong Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 được bắt đầu từ ngày 01/4/2024 đến ngày 30/4/2024.

Cùng ngày, các đoàn công tác của Tổng cục Thống kê do đại diện Lãnh đạo Tổng cục Thống kê



dẫn đầu cũng tham dự Lễ ra quân Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 tại một số địa phương trên cả nước: Đoàn công tác của Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Thanh Dương tham dự lễ ra quân và giám sát điều tra DSGK2024 tại tỉnh Bình Định; Đoàn công tác của Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến tham dự lễ ra quân và giám sát điều tra DSGK2024 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Đoàn công tác do Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu tham dự lễ ra quân và giám sát điều tra DSGK2024 tại tỉnh Tiền Giang; Đoàn công tác do Phó Tổng cục trưởng Đỗ Thị Ngọc tham dự lễ ra quân và giám sát điều tra DSGK2024 tại tỉnh Hưng Yên.

Theo năm bắt tình hình từ các địa phương trên cả nước, Lễ ra quân Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 được các Cục Thống kê tổ chức trang trọng, khí thế, đúng phương án tuyên truyền với sự tham gia, phối hợp và ủng hộ tích cực từ Chính quyền, sở, ban,

ngành địa phương. Trong ngày đầu ra quân, các điều tra viên đã nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình từ tổ trưởng tổ dân phố, công an khu vực,... nên việc tiếp cận hộ dân cư khá dễ dàng, thuận lợi, đồng thời, các hộ dân đã tạo điều kiện và hợp tác với điều tra viên trong việc trả lời các câu hỏi để hoàn thành phiếu điều tra điện tử.

Được biết trong các ngày từ 01/4/2024 đến ngày 30/4/2024, Tổng cục Thống kê tổ chức 13 đoàn giám sát đến các địa phương nhằm phát hiện những vướng mắc, khó khăn, các lỗi mang tính hệ thống và các sai sót khác gặp phải trong việc tổ chức thực hiện điều tra tại địa bàn, giúp các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biện pháp giải quyết kịp thời; bảo đảm việc thu thập thông tin được tiến hành theo đúng quy trình, nội dung hướng dẫn trong phương án Điều tra DSGK; bảo đảm tiến độ, chất lượng thông tin thu thập./. **P.V** tổng hợp

# SỰ ỦNG HỘ, HỢP TÁC CỦA NHÂN DÂN LÀ YẾU TỐ QUAN TRỌNG QUYẾT ĐỊNH THÀNH CÔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024

Từ ngày 01/4-30/4/2024, Tổng cục Thống kê (TCTK) tiến hành thu thập thông tin Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ (DSGK) trên phạm vi cả nước, để làm rõ hơn nội dung về cuộc điều tra này, phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện đã có cuộc phỏng vấn với bà NGUYỄN THỊ HƯƠNG, Tổng cục trưởng TCTK



**Phóng viên:** Được biết cuộc Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ được tiến hành giữa 2 kỳ Tổng điều tra dân số và nhà ở, Tổng cục trưởng có thể cho biết Mục đích của cuộc điều tra này và vì sao chúng ta phải tiến hành Điều tra DSGK trong khi chúng ta đã có Tổng điều tra dân số và nhà ở?

**Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương:**

Trước hết, Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 là cuộc điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia được ban hành theo Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia, ngày 14 tháng 7 năm 2023, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký Quyết định số 629/QĐ-TCTK về Ban hành Phương án Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024.

Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 được thực hiện nhằm hai mục đích chính:

*Thứ nhất*, thu thập thông tin về dân số và nhà ở làm cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 - 2025; xây dựng chính sách, lập kế hoạch dân số và nhà ở phục vụ lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2026 - 2030; giám sát thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên hợp quốc mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết.

Cần nhấn mạnh rằng thông tin từ Cuộc điều tra này là nguồn dữ liệu quan trọng để báo cáo mục tiêu phát triển bền vững (SDG), có tới 107 trong số 232 chỉ tiêu của mục tiêu phát triển bền vững yêu cầu dữ liệu dân số để tính toán. Gần 20 chỉ tiêu SDG có thể được tính toán trực tiếp và đầy đủ chỉ từ dữ liệu Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2024, giúp chúng ta

có hệ thống dữ liệu chất lượng phục vụ cho việc theo dõi, giám sát và đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra cũng như Các mục tiêu Phát triển Bền vững nhằm đảm bảo không để ai bị bỏ lại phía sau.

*Thứ hai*, cung cấp số liệu về quy mô dân số đến cấp huyện 5 năm sau Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; làm cơ sở rà soát, hiệu chỉnh số liệu dân số hàng năm giai đoạn 2020 - 2024; cập nhật kho dữ liệu dân số và nhà ở do Tổng cục Thống kê quản lý phục vụ nghiên cứu, phân tích và dự báo quá trình phát triển dân số và nhà ở giữa hai kỳ tổng điều tra trên phạm vi cả nước và từng địa phương; đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế.

Ngoài hai mục đích chính trên, do quy mô mẫu đủ lớn nên kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2024 sẽ được sử dụng để tiến hành các phân tích chuyên sâu



về sự chuyển dịch nhân khẩu học ở Việt Nam, xu hướng già hóa dân số, vấn đề lựa chọn giới tính khi sinh, tình trạng sử dụng nhà ở và điều kiện sống của người dân.

Con người vừa mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển và thịnh vượng của mỗi quốc gia, dân tộc. Vì vậy phát triển con người luôn được chú trọng và đề cập trong các nghị quyết của Đảng và các chính sách của Nhà nước. Việc cung cấp các thông tin đầy đủ, kịp thời và đáng tin cậy về quy mô dân số, tình trạng nhà ở và một số các đặc trưng cơ bản khác ở phạm vi quốc gia và ở các cấp hành chính nhỏ hơn có giá trị đặc biệt quan trọng phục vụ cho việc quản lý, quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội. Mặc dù hiện nay, Việt Nam đã xây dựng thành công cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Cơ sở dữ liệu này hiện đang giao cho Bộ Công an quản lý), song chúng ta vẫn cần triển khai Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ vì một số lý do sau:

Trước hết, Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2024 nói riêng nhằm thu thập thông tin về con người trong đời sống kinh tế - xã hội thực tế của một khu vực địa lý, một quốc gia theo các tiêu chí được quy định và áp dụng trên toàn thế giới. Các tiêu chí này chưa có và không hoàn toàn thống nhất với quy định của cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Bên cạnh đó, điều tra dân số không chỉ thu thập thông tin về dân số mà còn thu thập các thông tin về nhà ở của các hộ dân cư cùng với một số chỉ tiêu thống kê quan trọng khác để đánh giá chất lượng cuộc sống của người dân như: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi chưa được đăng ký khai sinh, trình độ học vấn của dân số, tỷ lệ người biết chữ phổ thông, tỷ suất

di cư thuần của dân số; tỷ suất sinh, tỷ suất chết, các đặc điểm nhà ở của hộ dân cư...

Những chỉ tiêu thống kê này hiện chưa thể tính toán được từ nguồn cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia. Ngoài ra, các thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là thông tin cá nhân, trong khi các thông tin thu thập từ Điều tra dân số là thông tin về cá nhân sống trong một hộ dân cư.

Trên thực tế, đặc trưng của mỗi cá nhân bị tác động rất nhiều bởi đặc trưng của hộ, những người sống cùng trong hộ và các điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt của họ. Các nghiên cứu, phân tích và chính sách phần nhiều phải dựa vào hộ dân cư, mà thông tin về hộ và các đặc điểm của hộ thì chưa có được từ cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia.

Trên tất cả, các thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mang tính pháp lý, bảo mật và riêng tư. Hiện nay, cơ chế chia sẻ nguồn dữ liệu này phục vụ công tác thống kê còn đang thiếu, vì vậy khả năng tiếp cận nguồn thông tin này phục vụ các hoạt động nghiên cứu và phân tích của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước còn gặp nhiều hạn chế.

**Phóng viên:** Đây là lần thứ hai ngành Thống kê thực hiện Điều tra DSGK, xin Tổng cục trưởng cho biết quy mô, tính chất của cuộc điều tra này?

**Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương:**

Thời gian thu thập thông tin trong Điều tra DSGK 2024 bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2024 đến ngày 30 tháng 4 năm 2024. Thời điểm điều tra là 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2024.

Điều tra DSGK 2024 được thực hiện trên phạm vi cả nước tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

(tỉnh, thành phố), gồm tất cả các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (huyện), ngoại trừ 4 huyện đảo nhỏ là: Bạch Long Vỹ (thành phố Hải Phòng); Côn Cỏ (tỉnh Quảng Trị); Hoàng Sa (thành phố Đà Nẵng); Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa).

Điều tra DSGK 2024 là cuộc điều tra chọn mẫu, mẫu được thiết kế đảm bảo mức độ đại diện đến cấp huyện đối với chỉ tiêu về quy mô dân số và cấp tỉnh đối với các chỉ tiêu còn lại. Điều tra DSGK 2024 sử dụng dàn mẫu tổng thể của Tổng điều tra 2019 làm dàn chọn mẫu. Điều tra DSGK 2024 có cỡ mẫu 20% địa bàn điều tra của cả nước (tương đương gần 40.000 địa bàn), mẫu được chọn ở tất cả các huyện với quy mô mẫu đảm bảo các chỉ tiêu về quy mô dân số được đại diện đến cấp huyện (khoảng trên 1,1 triệu hộ mẫu).

Điều tra DSGK 2024 áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp. Điều tra viên (ĐTV) đến từng hộ để hỏi người cung cấp thông tin và ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điều tra điện tử được thiết kế trên thiết bị di động thông minh (CAPI). Một số trường hợp đặc biệt, đối với những đối tượng điều tra không thể tiếp cận trực tiếp hoặc tiếp cận nhiều lần không được, Cục trưởng Cục Thống kê quyết định lựa chọn phương pháp thu thập thông tin phù hợp bằng cách gửi mẫu phiếu giấy để đối tượng điều tra tự cung cấp thông tin.

Điều tra DSGK 2024 thu thập thông tin về 7 nội dung chính là: Thông tin về nhân khẩu học của các thành viên hộ; Thông tin về di cư; Thông tin về giáo dục; Thông tin về hôn nhân; Thông tin về lịch sử sinh của nữ từ 10 - 49 tuổi; Thông tin về người chết của hộ; Thông tin về nhà ở và điều kiện sống của hộ.

**Phóng viên:** Với tính chất, quy mô của một điều tra giữa kỳ thì yêu cầu đặt ra cho cuộc điều tra này là gì, thưa Tổng cục trưởng? Và kết quả của cuộc điều tra có ý nghĩa như thế nào đối với xã hội?

**Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương:**

Đây là cuộc điều tra quan trọng, cần đảm bảo các yêu cầu: Thực hiện đúng các nội dung quy định trong Phương án. Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê. Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Kết quả điều tra phải đáp ứng yêu cầu thông tin liên quan đến dân số của các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (đối với các chỉ tiêu dân số phân tổ đến cấp tỉnh, cấp huyện); đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế.

Xuất phát từ mục đích của Điều tra DSGK năm 2024 có thể thấy, kết quả của cuộc điều tra phục vụ Đảng, Chính phủ đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 - 2025; xây dựng chính sách, lập kế hoạch dân số và nhà ở phục vụ lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2026 - 2030; giám sát thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết. Đồng thời, cung cấp số liệu về quy mô dân số đến cấp huyện; làm cơ sở rà soát, hiệu chỉnh số liệu dân số hàng năm giai đoạn 2020 - 2024; cập nhật kho dữ liệu dân số và nhà ở do Tổng cục Thống kê quản lý phục vụ nghiên cứu, phân tích và dự báo quá trình phát triển dân số và nhà ở giữa hai kỳ tổng điều tra trên phạm vi cả nước và từng địa phương; đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế.

Cũng từ kết quả cuộc điều tra, chúng ta sẽ thấy được sự chuyển dịch nhân khẩu học ở Việt Nam, xu hướng già hóa dân số, vấn đề lựa chọn giới tính khi sinh, tình trạng sử dụng nhà ở và điều kiện sống của người dân trong thời gian qua, để từ đó có những chính sách, giải pháp giải quyết các xu hướng, vấn đề xã hội đang tồn tại.

**Phóng viên:** Điểm mới trong nội dung Điều tra DSGK năm 2024 là thu thập thông tin của người có quốc tịch nước ngoài đang sinh sống và làm việc trên lãnh thổ Việt Nam. Vậy Tổng cục trưởng có thể cho biết vì sao phải thu thập thông tin về người nước ngoài?

So với các cuộc điều tra trước về dân số, Điều tra DSGK 2024 có một số điểm mới, trong đó điểm mới đáng chú ý là người có quốc tịch nước ngoài lần đầu tiên được đưa vào là đối tượng điều tra. Việc bổ sung đối tượng điều tra là người có quốc tịch nước ngoài nhằm bảo đảm các tiêu chuẩn thống kê và khuyến nghị của quốc tế về thống kê dân số, cũng như thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững để “không ai bị bỏ lại phía sau”. Công tác thu thập thông tin đối với người nước ngoài được quy định cụ thể như sau:

- Đối với hộ có người nước ngoài sống cùng người Việt Nam: Thu thập các thông tin như đối với người Việt Nam (trường hợp người nước ngoài nghe và nói được tiếng Việt: Phỏng vấn trực tiếp người nước ngoài; trường hợp người nước ngoài không thể nghe và nói được tiếng Việt: Hỏi thông tin về người nước ngoài qua người Việt Nam sống cùng trong hộ).

- Đối với hộ chỉ bao gồm người nước ngoài: Sử dụng phiếu dành riêng cho người nước ngoài chỉ gồm 10 câu hỏi để thu thập thông tin về giới tính, tuổi, quốc tịch,

nơi sinh, tình trạng di chuyển, tình trạng nhà ở của hộ (phiếu điều tra được dịch ra 6 ngôn ngữ (Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản) để phù hợp nhất với hộ người nước ngoài được chọn).

Cũng từ điểm mới đưa người có quốc tịch nước ngoài là đối tượng điều tra nên ngoài phương pháp thu thập thông tin phỏng vấn trực tiếp như các cuộc điều tra trước đây, Điều tra DSGK 2024 còn kết hợp phương pháp gián tiếp, áp dụng đối với những hộ mà toàn bộ thành viên là người nước ngoài, không giao tiếp được bằng tiếng Việt. Thêm vào đó, bên cạnh việc sử dụng phiếu điều tra điện tử cài đặt trên thiết bị di động là chính, Điều tra DSGK 2024 còn sử dụng phiếu điều tra in trên giấy để gửi đến hộ kèm "Thư gửi hộ" đối với những hộ mà toàn bộ thành viên là người nước ngoài, không giao tiếp được bằng tiếng Việt.

**Phóng viên:** Trong cuộc điều tra này, công tác phối hợp giữa Bộ ngành, địa phương... được thực hiện ra sao, nhất là với Bộ Công an khi họ đã có hệ thống dữ liệu về dân cư?

Ngay từ khi ngành Thống kê tiến hành xây dựng Phương án điều tra DSGK 2024 cho đến khâu lập bảng kê, tập huấn... đều có sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành và địa phương, đặc biệt là Bộ Công an.

Dữ liệu dân cư là tài nguyên quan trọng và là một trong những cơ sở để chuyển đổi số trong cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Để phát triển ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia một cách linh hoạt, sáng tạo phù hợp Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, ngày 06/01/2022, Thủ tướng Chính phủ



Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) theo Quyết định số 06/QĐ-TTg. Đề án 06 giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) thực hiện nhiệm vụ thống kê, phân tích dân số đảm bảo nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm chi phí nhà nước. Kết quả cuộc điều tra sẽ góp phần thực hiện nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) trong Đề án 06.

Bên cạnh đó, TCTK còn nhận được sự hỗ trợ của nhiều tổ chức quốc tế, đặc biệt là Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) tại Việt Nam. Trong suốt gần 50 năm qua, UNFPA luôn đồng hành cùng Tổng cục Thống kê và ngành Thống kê Việt Nam trong các kỳ Tổng điều tra dân số thông qua hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực trong thu thập, phân tích và sử dụng kết quả điều tra thống kê. Trong cuộc Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ lần này, UNFPA được mời tham gia thử nghiệm phương án điều tra (thông qua Điều tra thí điểm tại Thái Nguyên và Thành phố Hồ Chí Minh), thử nghiệm bảng hỏi, hội nghị tập huấn cấp Trung ương cho điều tra viên và lực lượng giám sát.

**Phóng viên:** Xin Tổng cục trưởng cho biết yếu tố nào quyết định thắng lợi của cuộc điều tra: Trách nhiệm của ĐTV? Tinh thần ủng hộ của người dân, sự phối hợp của các bộ, ngành của Tổ công tác các cấp (trung ương, tỉnh)? Trong không khí ra quân hôm nay, Tổng cục trưởng có nhắn nhủ gì tới các điều tra viên, đến mọi người dân?

**Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương:**

Có rất nhiều yếu tố quyết định thắng lợi cuộc điều tra như: Sự chỉ đạo sát của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Sự quyết liệt chỉ đạo chuyên môn trong toàn ngành Thống kê. Cùng với đó là sự vào cuộc, phối hợp tích cực của bộ, ngành, địa phương; tinh thần trách nhiệm của thành viên Tổ công tác các cấp (trung ương, tỉnh), giám sát viên, điều tra viên và đặc biệt là sự ủng hộ, hợp tác của mọi người dân trong việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác cho điều tra viên, đây được cho là yếu tố quan trọng quyết định thành công của Điều tra DSGK 2024.

Trong không khí ra quân Điều tra DSGK, tôi đề nghị các điều tra viên, giám sát viên, thành viên tổ công tác điều tra các cấp (trung ương, tỉnh) phát huy cao tinh thần trách nhiệm trong triển khai thực hiện điều tra DSGK 2024 tại các địa phương trên cả nước. Tôi cũng mong muốn nhận được sự ủng hộ, hợp tác của Nhân dân trong cung cấp thông tin cho các điều tra viên, để chúng ta có được thông tin đầu vào chính xác, từ đó có được bộ dữ liệu liên quan đến dân số và nhà ở, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp trong giai đoạn mới theo đúng tinh thần “Dữ liệu tốt hơn, cuộc sống tốt hơn” và “Không để ai bị bỏ lại phía sau”.

**Phóng viên:** Trân trọng cảm ơn Tổng cục trưởng!

# MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024

**Cao Văn Hoạch**

Phó Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu  
và Ứng dụng CNTT thống kê - TCTK

**Đ**iều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 (Điều tra DSGK 2024) là cuộc điều tra chọn mẫu thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia, ban hành theo Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là cuộc điều tra được tiến hành giữa hai kỳ Tổng điều tra dân số.

Điều tra DSGK 2024 được thực hiện trên phạm vi cả nước tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tỉnh, thành phố), gồm tất cả các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (huyện), ngoại trừ 4 huyện đảo nhỏ là: Bạch Long Vỹ (thành phố Hải Phòng); Cồn Cỏ (tỉnh Quảng Trị); Hoàng Sa (thành phố Đà Nẵng); Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa) với các mục đích chính sau:

- Thu thập thông tin về dân số và nhà ở làm cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 - 2025; xây dựng chính sách, lập kế hoạch dân số và nhà ở phục vụ lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2026 - 2030; giám sát thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết.

- Cung cấp số liệu về quy mô dân số đến cấp huyện 5 năm sau Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (viết gọn là Tổng điều tra 2019); làm cơ sở rà soát, hiệu chỉnh số liệu

dân số hàng năm giai đoạn 2020 - 2024; cập nhật kho dữ liệu dân số và nhà ở do Tổng cục Thống kê quản lý phục vụ nghiên cứu, phân tích và dự báo quá trình phát triển dân số và nhà ở giữa hai kỳ tổng điều tra trên phạm vi cả nước và từng địa phương; đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế.

Thời gian thu thập thông tin trong Điều tra DSGK 2024 bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2024 đến ngày 30 tháng 4 năm 2024. Thời điểm điều tra là 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2024.

So với các cuộc điều tra trước về dân số, Điều tra DSGK 2024 có một số điểm mới:

*Thứ nhất*, kết quả Điều tra DSGK 2024 góp phần thực hiện Đề án 06. Dữ liệu dân cư là tài nguyên quan trọng và là một trong những cơ sở để chuyển đổi số trong cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Để phát triển ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia một cách linh hoạt, sáng tạo phù hợp Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, ngày 06/01/2022, Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) theo Quyết định số 06/QĐ-TTg. Đề án 06 giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) thực hiện nhiệm vụ thống kê, phân tích dân số đảm bảo nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm chi phí nhà nước. Kết quả của Điều tra DSGK 2024 góp phần thực hiện nhiệm vụ này của Tổng cục Thống kê.

*Thứ hai*, đối tượng điều tra có sự thay đổi. Trong các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở đã thực

hiện cũng như các cuộc điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình hàng năm, đối tượng điều tra của cuộc điều tra chỉ bao gồm người có quốc tịch Việt Nam.

Tuy nhiên khác với cuộc điều tra trước đó, đối tượng điều tra của Điều tra DSGK 2024 là hộ dân cư và nhân khẩu thực tế thường trú của hộ dân cư, không bao gồm những người đang sống trong khu vực quản lý riêng của quân đội và công an.

Bên cạnh đó, trong cuộc điều tra DSGK 2024 lần này, người có quốc tịch nước ngoài lần đầu tiên được đưa vào là đối tượng điều tra, nhằm bảo đảm các tiêu chuẩn thống kê và khuyến nghị của quốc tế về thống kê dân số, cũng như thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững để “không ai bị bỏ lại phía sau”. Công tác thu thập thông tin đối với người nước ngoài được quy định cụ thể như sau:

- Đối với hộ có người nước ngoài sống cùng người Việt Nam: Thu thập các thông tin như đối với người Việt Nam (trường hợp người nước ngoài nghe và nói được tiếng Việt: Phòng vấn trực tiếp người nước ngoài; trường hợp người nước ngoài không thể nghe và nói được tiếng Việt: Hỏi thông tin về người nước ngoài qua người Việt Nam sống cùng trong hộ).

- Đối với hộ chỉ bao gồm người nước ngoài: Sử dụng phiếu dành riêng cho người nước ngoài chỉ gồm 10 câu hỏi để thu thập thông tin về giới tính, tuổi, quốc tịch, nơi sinh, tình trạng di chuyển, tình trạng nhà ở của hộ (phiếu điều tra được dịch ra 6 ngôn ngữ (Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản) để phù hợp nhất với hộ người nước ngoài được chọn).

*Thứ ba*, Điều tra DSGK 2024 có quy mô mẫu lớn. Điều tra DSGK 2024 là cuộc điều tra chọn mẫu,

thực hiện trên phạm vi toàn quốc. Dân chọn mẫu sử dụng trong Điều tra DSGK 2024 là dân mẫu tổng thể của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (TĐTDS 2019). Điều tra DSGK 2024 có cỡ mẫu 20% địa bàn điều tra của cả nước (tương đương 39.340 địa bàn), mẫu được chọn ở tất cả các huyện với quy mô mẫu đảm bảo các chỉ tiêu về quy mô dân số được đại diện đến cấp huyện (khoảng trên 1,1 triệu hộ mẫu). Do đó, quy mô mẫu của Điều tra DSGK 2024 là khá lớn.

*Thứ tư*, kết hợp phương pháp thu thập thông tin trực tiếp và gián tiếp: Trong Điều tra DSGK 2024 lần này thu thập thông tin đối với đối tượng điều tra là người nước ngoài. Do đó, ngoài phương pháp thu thập thông tin phỏng vấn trực tiếp như các cuộc điều tra trước đây, Điều tra DSGK 2024 còn kết hợp phương pháp gián tiếp, áp dụng đối với những hộ mà toàn bộ thành viên là người nước ngoài, không giao tiếp được bằng tiếng Việt.

*Thứ năm*, sử dụng kết hợp công cụ thu thập thông tin là phiếu điều tra điện tử và phiếu điều tra in trên giấy: Điều tra DSGK 2024 sử dụng phiếu điều tra điện tử cài đặt trên thiết bị di động là chính. Bên cạnh đó còn sử dụng phiếu điều tra in trên giấy để gửi đến hộ kèm Thư gửi hộ đối với những hộ mà toàn bộ thành viên là người nước ngoài, không giao tiếp được bằng tiếng Việt.

Ngoài ra còn một số điểm mới liên quan đến an toàn, bảo mật thông tin, xử lý, tích hợp kết quả và một số khâu khác của cuộc điều tra. Để chỉ đạo triển khai thực hiện cuộc điều tra quan trọng này, các tổ công tác đã được thành lập ở cấp Trung ương và các tỉnh, thành phố với thành phần gồm ngành Thống kê, các sở, bộ, ngành liên quan như Công an, Y tế, Tư pháp.../.



**Nguyễn Tuấn Anh**

*Phó Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT thống kê - TCTK*

**T**hực hiện Quyết định số 629/QĐ-TCTK ngày 14/7/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Phương án Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024, từ ngày 01 - 30/4/2024, công tác thu thập thông tin cuộc Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 (Điều tra DSGK 2024) sẽ được tiến hành trên phạm vi cả nước<sup>1</sup>.

Điều tra DSGK 2024 là cuộc điều tra quan trọng, được thực hiện nhằm các mục đích sau:

- Thu thập thông tin về dân số và nhà ở làm cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 - 2025; xây dựng chính sách,

lập kế hoạch dân số và nhà ở phục vụ lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2026 - 2030; giám sát thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết.

- Cung cấp số liệu về quy mô dân số đến cấp huyện 5 năm sau Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (viết gọn là Tổng điều tra 2019); làm cơ sở rà soát, hiệu chỉnh số liệu dân số hàng năm giai đoạn 2020 - 2024; cập nhật kho dữ liệu dân số và nhà ở do Tổng cục Thống kê quản lý phục vụ nghiên cứu, phân tích và dự báo quá trình phát triển dân số và nhà ở giữa hai kỳ tổng điều tra trên phạm vi cả nước và từng địa phương; đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế.

Để cuộc điều tra đạt kết quả tốt nhất, công tác triển khai cuộc điều tra cần lưu ý một số nội dung sau:

*Một là*, công tác lập kế hoạch triển khai ở cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện cần tiến hành theo đúng yêu cầu của Phương án điều tra, bảo đảm tính kịp thời, khoa học và phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

*Hai là*, công tác tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phiếu điện tử được cài đặt trên thiết bị thông minh (CAPI) phải được triển khai theo đúng kế hoạch. Các giảng viên là những người nắm vững và am hiểu sâu nghiệp vụ. Trước khi tiến hành tập huấn, giảng viên cần tìm hiểu để nắm rõ về trình độ, kinh nghiệm của học viên về cuộc điều tra để chuẩn bị bài giảng phù hợp và hiệu quả. Khi tập huấn khuyến khích áp dụng phương pháp đào tạo tích cực, nghiên cứu các công cụ để hỗ trợ tăng tính tương tác của học viên (bài tập

1. Bốn huyện đảo nhỏ không bao gồm trong Điều tra DSGK 2024 là: Bạch Long Vỹ, thành phố Hải Phòng; Côn Cỏ, tỉnh Quảng Trị; Hoàng Sa, thành phố Đà Nẵng; Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa.



tình huống, thảo luận nhóm, đố vui có thưởng...). Số lượng học viên tham dự mỗi lớp tập huấn nên dưới 60 người/lớp để bảo đảm chất lượng.

**Ba là**, công tác lập bảng kê hộ: Tất cả các hộ đang thực tế thường trú trên địa bàn đều phải được lập danh sách, không phân biệt hộ đó có hộ khẩu hay không. Người lập bảng kê phải đến từng hộ để thu thập thông tin số nhà, số hộ, số người và ghi chép vào bảng kê theo hướng dẫn; lập danh sách bảng kê bao gồm cả những hộ người nước ngoài (ghi chú ngôn ngữ sử dụng). Đối với những địa bàn có tổng số hộ giảm, cần đối chiếu với bảng kê Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 để bảo đảm tránh sót thông tin. Cần xác định những địa bàn có thể có người nước ngoài từ đó kiểm tra lại với danh sách hộ xem có người nước ngoài không.

**Bốn là**, tuyển chọn điều tra viên: Tuyển chọn điều tra viên (ĐT.V) là người địa phương có tinh thần trách nhiệm cao, có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên (những nơi khó khăn, có thể lấy người có trình độ trung học cơ sở). Khuyến khích chọn ĐT.V là nữ và ưu tiên tuyển chọn ĐT.V đã tham gia các cuộc điều tra thống kê gần đây. Lưu ý: Không nên sử dụng cán bộ đang quản lý tài liệu đăng ký hộ khẩu, hộ tịch, ghi chép ban đầu về dân số hoặc chuyên trách công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình làm ĐT.V để tránh tình trạng sao chép thông tin từ sổ sách địa phương vào phiếu điều tra.

**Năm là**, công tác giám sát điều tra: Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện bằng hai hình thức là giám sát trực tuyến và giám sát trực tiếp.

- Giám sát trực tuyến: Thực hiện bằng cách cập nhật vào trang website của cuộc điều tra

để kiểm tra các thông tin về: Tiến độ, thời gian thu thập thông tin tại hộ, tính logic của số liệu; kiểm tra số liệu thông qua các thống kê tần suất, thống kê tương quan; kiểm tra một số biểu tổng hợp theo các phân tổ khác nhau để đánh giá sơ bộ tính phù hợp của dữ liệu. Khi phát hiện/nghi ngờ có lỗi trong thời gian điều tra, các giám sát viên (GSV) báo ngay cho ĐT.V để xác minh/chỉnh sửa thông tin và cập nhật lại vào chương trình. Trong trường hợp phát hiện/nghi ngờ có lỗi khi đã kết thúc thời gian điều tra GSV thông báo, xác minh với ĐT.V và hiệu đính trực tiếp vào phiếu trên chương trình.

- Giám sát trực tiếp: GSV kiểm tra đánh giá tính hợp lý về việc phân công ĐT.V của các địa phương và công tác trang bị tài liệu, thiết bị cần thiết cho ĐT.V khi thực hiện điều tra. Ngoài ra, các GSV cũng kiểm tra quá trình đến hộ để thu thập thông tin của ĐT.V có bảo đảm đúng như yêu cầu của phương án không, ĐT.V có người hỗ trợ trong trường hợp cần thiết hay có những khó khăn gì phát sinh tại địa bàn không.

**Sáu là**, công tác tuyên truyền: Huy động sự tham gia tích cực

của toàn bộ hệ thống chính trị và tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội vào hoạt động tuyên truyền bảo đảm phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương như: Truyền hình, phát thanh, báo giấy, báo điện tử, phỏng vấn, tọa đàm, loa cổ động, áp phích, thông báo trên bản tin hoặc trong các cuộc họp tổ dân phố, khu chung cư, loa phát thanh xã/phường/thị trấn, thư gửi hộ, tổ chức lễ ra quân ...

**Bảy là**, công tác điều tra thực địa: Thực hiện đúng phương pháp thu thập thông tin là phỏng vấn trực tiếp. Chủ hộ (hoặc người trưởng thành am hiểu về các thành viên trong hộ khi chủ hộ đi vắng) là người cung cấp thông tin của hộ và thành viên hộ. Đối với những thông tin về thành viên hộ mà chủ hộ không nắm chắc, ĐT.V gặp và phỏng vấn trực tiếp thành viên hộ để thu thập thông tin. Khi thu thập thông tin về nhà ở, ĐT.V hỏi chủ hộ (hoặc người cung cấp thông tin) kết hợp với quan sát trực tiếp ngôi nhà hoặc căn hộ để nhập thông tin vào phiếu điều tra.

Để có được một cuộc phỏng vấn thành công, ĐT.V cần xây dựng



được mối quan hệ tốt, tạo thiện cảm với người trả lời. ĐTV phải thực hiện và lưu ý một số việc: (1) Phải tuyên truyền, giới thiệu mục đích, ý nghĩa của cuộc điều tra trong nhân dân và khi tiếp xúc với hộ; Ăn mặc gọn gàng, lịch sự, không uống rượu, bia trong thời gian tiếp xúc với hộ; (2) Khi đến hộ, ĐTV phải chào hỏi, giới thiệu bản thân và giới thiệu mục đích của việc phỏng vấn; Luôn tỏ thái độ thiện chí, cởi mở, hòa nhã, lịch sự và thân thiện với những người mà mình tiếp xúc; (3) Trả lời thẳng thắn những câu hỏi mà đối tượng điều tra (ĐTĐT) đưa ra, đặc biệt là những câu hỏi về mục đích của việc thu thập thông tin Điều tra DSGK 2024; Tránh tỏ ra khó chịu khi người trả lời từ chối cuộc phỏng vấn; Đối với các câu hỏi về lịch sử sinh của nữ từ 10 - 49 tuổi, ĐTV cố gắng tránh sự có mặt người thứ ba trong khi phỏng vấn vì sự có mặt của người thứ ba có thể sẽ khiến ĐTĐT trả lời không đúng sự thật.

Bên cạnh những nội dung trên còn một số lưu ý về kỹ thuật phỏng vấn trong điều tra thống kê. Phỏng vấn là một nghệ thuật, không được coi đó là một việc làm máy móc. Cách phỏng vấn khác nhau có thể cho thông tin khác nhau, vì thế khi tiến hành phỏng vấn, ĐTV phải bảo đảm thực hiện tốt các yêu cầu sau:

- Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phỏng vấn: Đối với mỗi câu hỏi đưa ra ĐTV cần giữ thái độ trung lập, không tỏ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với câu trả lời của ĐTĐT;

- Không được gợi ý câu trả lời, không được đọc các phương án trả lời in sẵn bằng chữ in hoa cho ĐTĐT nghe;

- Không thay đổi từ ngữ các câu hỏi. Trường hợp từ ngữ địa phương khác với ngôn ngữ phổ thông, ĐTV có thể sử dụng từ ngữ địa phương để thay thế khi đặt câu hỏi. Nếu câu trả lời chưa rõ ràng, cần hỏi thăm dò để ĐTĐT hiểu rõ nội dung của câu hỏi. Nếu ĐTĐT không hiểu hoặc hiểu sai câu hỏi, ĐTV nhắc lại câu hỏi chậm và rõ. Nếu ĐTĐT vẫn không hiểu, ĐTV có thể diễn tả lại câu hỏi nhưng phải thận trọng, không được làm thay đổi nội dung của câu hỏi gốc;

- Không phỏng vấn vội vàng: ĐTV đọc các câu hỏi chậm và rõ ràng. Sau khi đưa ra câu hỏi, nên dành thời gian cho ĐTĐT suy nghĩ và trả lời. Trường hợp ĐTĐT đang vội giải quyết việc riêng, ĐTV có thể dừng cuộc phỏng vấn và hẹn quay trở lại vào thời điểm thích hợp, tuyệt đối không ép ĐTĐT phải tiếp tục cuộc phỏng vấn;

- ĐTV cần xác định những hộ nước ngoài và những hộ có người nước ngoài thuộc địa bàn mình được phân công để phỏng vấn hoặc gửi thư đề nghị để đối tượng điều tra tự ghi phiếu.

Như vậy, để triển khai cuộc Điều tra DSGK 2024 đạt kết quả tốt nhất các địa phương cần có một kế hoạch chi tiết cụ thể, công tác chuẩn bị kỹ lưỡng, tinh thần trách nhiệm cao của lực lượng tham gia cuộc điều tra và đặc biệt là sự vào cuộc của hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương./.

## TOÀN NGÀNH THỐNG KÊ TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2024 VÀO NGÀY 1/4/2024

Từ ngày 01/4/2024, song song với Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ, Điều tra doanh nghiệp năm 2024 cũng được triển khai trên toàn quốc. Đến nay, mọi công tác chuẩn bị cho khâu thu thập thông tin đã gần như hoàn tất. Đơn vị chủ trì ở Trung ương - Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng CNTT thống kê (Cục TTDL) và các Cục Thống kê địa phương đã triển khai theo đúng phương án đề ra nhằm đạt kết quả tốt nhất thu thập thông tin đầy đủ, chính xác về tình hình hoạt động của doanh nghiệp trên cả nước.

### Điều tra doanh nghiệp năm 2024 được tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố

Điều tra doanh nghiệp năm 2024 được tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc tất cả các ngành trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, trừ 3 ngành (do đối tượng điều tra không phát sinh trong các ngành này): Ngành O - hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc; Ngành U - hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế; Ngành T - hoạt động làm thuê các công việc trong các gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình.

Đơn vị điều tra gồm: 64 tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp có hoạt động hạch toán toàn ngành (bao gồm 3 tập đoàn, tổng công ty thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng); các doanh nghiệp, hợp tác xã; và các chi nhánh hạch toán độc lập trực thuộc doanh nghiệp.

**Các thông tin thu thập trong Điều tra doanh nghiệp năm 2024**

Điều tra doanh nghiệp năm 2024 thu thập các thông tin sau:

Thông tin nhận dạng: Thông tin định danh của đơn vị điều tra; ngành hoạt động sản xuất, kinh doanh; loại hình doanh nghiệp; cơ sở trực thuộc của doanh nghiệp;

Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động: Số lao động; thu nhập của người lao động;

Thông tin về kết quả, chi phí sản xuất kinh doanh: Kết quả hoạt động, chi phí sản xuất kinh doanh; vốn đầu tư; sản lượng sản xuất của sản phẩm; tiêu dùng năng lượng; các chỉ tiêu thống kê chuyên ngành trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phân tổ theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam;

Thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ của doanh nghiệp.

**Công tác chuẩn bị đã hoàn tất**

Đến thời điểm này, công tác chuẩn bị cho điều tra đã được hoàn tất đúng quy trình, phương án đã đề ra như: Chọn mẫu, cập nhật danh sách đơn vị điều tra; rà soát doanh nghiệp tăng mới trong năm 2023; Tuyển chọn giám sát viên và điều tra viên thống kê; Tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm...

Về chọn mẫu, cập nhật danh sách đơn vị điều tra, Cục TTDL chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan chọn mẫu các đơn vị điều tra; chủ trì phối hợp với Cục Thống kê rà soát, cập nhật đơn vị điều tra phục vụ công tác thu thập thông tin.

Danh sách đơn vị điều tra được lập dựa vào các nguồn: Danh sách các doanh nghiệp/HTX thuộc đối tượng điều tra đã thu thập

thông tin trong cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2023; Danh sách các doanh nghiệp đã thành lập trước năm 2023 nhưng không thuộc đối tượng thu phiếu trong năm 2023 (chưa hoạt động, không tìm thấy...); Danh sách doanh nghiệp mới thành lập trong năm 2023 (do Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thuế cấp); Danh sách chi nhánh hạch toán độc lập từ nguồn đăng ký thuế, kết quả tổng điều tra kinh tế 2021 và kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2023.

Về tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm, ở cấp trung ương, Cục TTDL phối hợp với các đơn vị liên quan đã tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm cho GSV, công chức của các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê; lãnh đạo Cục Thống kê và giảng viên cấp tỉnh trong 2 ngày. Ở cấp tỉnh, Cục Thống kê tổ chức tập huấn trực tiếp cho GSV và ĐTV thời gian tập huấn là 01 ngày.

Theo Phương án điều tra, do tính chất quy mô không giống nhau nên các địa phương trong cả nước có thời gian tiến hành điều tra khác nhau. Tại thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh, thời gian tiến hành từ ngày 01/4/2024 đến hết ngày 31/7/2024. Đối với các tỉnh, thành phố có số lượng doanh nghiệp từ 5.000 doanh nghiệp trở lên, thời gian tiến hành từ ngày 01/4/2024 đến hết ngày 30/6/2024. Các tỉnh, thành phố còn lại: Thời gian tiến hành từ ngày 01/4/2024 đến hết ngày 30/5/2024.

**Cả nước có khoảng 930.000 đơn vị điều tra**

Cục Thống kê cấp tỉnh tiến hành rà soát doanh nghiệp mới thành lập trong năm 2023 tại địa bàn tỉnh, thành phố. Tiến hành xác minh các thông tin chủ yếu

có liên quan gồm: Tên doanh nghiệp, địa chỉ, loại hình doanh nghiệp, ngành kinh tế, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp và một số thông tin khác để làm cơ sở xác định đơn vị điều tra cho cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2024 và phục vụ cho quy trình thực hiện phiếu điều tra web-form (phiếu điều tra trực tuyến).

Trong cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2024, trên phạm vi cả nước có khoảng 930 nghìn đơn vị điều tra.

**Huy động khoảng gần 6.500 điều tra viên và hơn 2.300 giám sát viên trong khâu thu thập thông tin tại địa bàn**

Cục Thống kê chủ trì tuyển chọn Giám sát viên (GSV), Điều tra viên (ĐTV) phục vụ công tác thu thập thông tin của cuộc điều tra. ĐTV có trách nhiệm cung cấp tài khoản (tên đăng nhập và mật khẩu) tới đơn vị điều tra để thực hiện cung cấp thông tin; hướng dẫn cung cấp thông tin trên phiếu điều tra và kiểm tra, hoàn thiện phiếu điều tra của các đơn vị được phân công thực hiện; GSV thực hiện công việc giám sát các hoạt động và hỗ trợ chuyên môn cho ĐTV trong quá trình thực hiện điều tra.

Trong cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2024, ngành Thống kê huy động khoảng 6480 điều tra viên và 2332 giám sát viên trong khâu thu thập thông tin tại địa bàn.

Hiện, đã đến thời điểm thu thập thông tin điều tra doanh nghiệp năm 2024, các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang tích cực chỉ đạo thực hiện công tác thu thập thông tin tại địa bàn, bảo đảm tiến độ và chất lượng thông tin thu thập.

Dự kiến, kết quả chính thức của cuộc điều tra doanh nghiệp 2024 sẽ được công bố vào quý I năm 2025./

**P.V**



# TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CẢ NƯỚC

## QUÝ I NĂM 2024

### TÌNH HÌNH KINH TẾ

**Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2024 ước tính tăng 5,66% so với cùng kỳ năm trước,** cao hơn tốc độ tăng của quý I các năm 2020-2023. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,98%, đóng góp 6,09% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,28%, đóng góp 41,68%; khu vực dịch vụ tăng 6,12%, đóng góp 52,23%.

Trong mức tăng chung của nền kinh tế, giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp quý I/2024 tăng 2,81% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,26 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 4,08% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 3,46%, đóng góp 0,08 điểm phần trăm. Sản xuất công nghiệp khởi sắc và tiếp tục đà tăng trưởng từ cuối năm 2023. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp quý I/2024 tăng 6,18% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 2,02 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 6,98%, đóng góp 1,73 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,97%, đóng góp 0,45 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,99%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng 6,83%,

cao hơn nhiều so với tốc độ tăng 1,87% của quý I/2023, đóng góp 0,4 điểm phần trăm. Trong khu vực dịch vụ, các hoạt động thương mại diễn ra sôi động, du lịch phục hồi mạnh mẽ nhờ hiệu quả của chính sách thị thực thuận lợi và chương trình kích cầu du lịch, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm chủ lực tăng cao.

Về cơ cấu nền kinh tế quý I/2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,77%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 35,73%; khu vực dịch vụ chiếm 43,48%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,02%.

Về sử dụng GDP quý I/2024, tiêu dùng cuối cùng tăng 4,93% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 56,77% vào tốc độ tăng chung; tích lũy tài sản tăng 4,69%, đóng góp 24,07%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 18%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 17,08%, chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 19,16%.

**Sản xuất nông nghiệp quý I/2024 tiếp tục tăng trưởng ổn định.** Chăn nuôi lợn và gia cầm phát triển tốt, dịch bệnh được kiểm soát. Sản xuất lâm nghiệp đẩy mạnh công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, thu hoạch gỗ đến kỳ khai thác. Hoạt động nuôi trồng thủy sản đạt kết quả khả quan do áp dụng mô hình nuôi tôm chất lượng cao hiệu quả, khai thác thủy sản tăng so với cùng kỳ do thời tiết ngư trường thuận lợi.

### Nông nghiệp

Tính đến trung tuần tháng Ba, cả nước gieo cấy được 2.926,1

nghìn ha lúa đông xuân, giảm 1,3 nghìn ha so với vụ đông xuân năm 2023; vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã hoàn tất công tác thu hoạch lúa vụ mùa 2023-2024. Diện tích gieo trồng lúa mùa của toàn vùng đạt 183,1 nghìn ha, tăng 5,2 nghìn ha so với vụ mùa năm trước.

Tính đến giữa tháng Ba, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 305,5 nghìn ha ngô, bằng 101,6% cùng kỳ năm trước; 98,4 nghìn ha lạc, bằng 98,5%; 9,6 nghìn ha đậu tương, bằng 99,3%; 42,3 nghìn ha khoai lang, bằng 103,0%; 522,8 nghìn ha rau đậu, bằng 101,2%.

Trong quý I năm 2024, sản lượng thu hoạch một số cây công nghiệp lâu năm như sau: Cao su đạt 134,1 nghìn tấn, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước; điều đạt 230 nghìn tấn, tăng 1,7%; chè búp đạt 173,3 nghìn tấn, tăng 0,5%. Đối với cây ăn quả, sản lượng của một số cây tăng khá như: Sầu riêng đạt 108,1 nghìn tấn, tăng 27,1%; cam đạt 323,3 nghìn tấn, tăng 4,1%; chuối đạt 697 nghìn tấn, tăng 3,8%; xoài đạt 191 nghìn tấn, tăng 3,6%; bưởi đạt 167,3 nghìn tấn, tăng 3,1%.

Chăn nuôi trâu, bò có xu hướng giảm do hiệu quả kinh tế không cao và diện tích chăn thả bị thu hẹp. Chăn nuôi lợn và gia cầm phát triển tốt, dịch bệnh được kiểm soát, giá bán thịt lợn hơi tăng, sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao hơn khi giảm quy mô sản xuất ở những hộ nhỏ lẻ và phát triển các doanh nghiệp chăn nuôi quy mô lớn có quy trình khép kín với giá thành sản xuất thấp hơn.

**Lâm nghiệp**

Ước tính quý I/2024, diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước ước đạt 37,3 nghìn ha, giảm 1,4% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán ước đạt 23,6 triệu cây, tăng 3,6%; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 3.670,1 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 4,6%. Diện tích rừng bị thiệt hại là 252,3 ha, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Diện tích rừng bị chặt, phá là 182,2 ha, tăng 1,1%; diện tích rừng bị cháy là 70,1 ha, giảm 1,9%.

**Thủy sản**

Sản lượng thủy sản tháng 3/2024 ước đạt 725,4 nghìn tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 539,7 nghìn tấn, tăng 2,2%; tôm đạt 73,6 nghìn tấn, tăng 3,7%; thủy sản khác đạt 112,1 nghìn tấn, tăng 2,8%. Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 400,3 nghìn tấn, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 325,1 nghìn tấn, tăng 0,7%. Tính chung quý I/2024, sản lượng thủy sản ước đạt 1.941,5 nghìn tấn, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 1.440,8 nghìn tấn, tăng 2%; tôm đạt 193 nghìn tấn, tăng 3,9%; thủy sản khác đạt 307,7 nghìn tấn, tăng 2%.

**Sản xuất công nghiệp trong quý I/2024 tiếp tục khởi sắc** với giá trị tăng thêm toàn ngành ước tính tăng 6,18% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,98%.

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp quý I/2024 ước tính tăng 6,18% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,98%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,97%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,99%; riêng ngành khai khoáng giảm 5,84%.

Tính chung quý I/2024, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ năm 2023 giảm 2,9%). Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 31/3/2024 tăng 9,8% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 14,1% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm trước tăng 19,8%). Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân quý I/2024 là 68,7% (bình quân quý I/2023 là 81,1%).

**Hoạt động của doanh nghiệp**

Tính chung quý I/2024, cả nước có hơn 36,2 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 332,2 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký gần 258,8 nghìn lao động, tăng 6,9% về số doanh nghiệp, tăng 7% về vốn đăng ký và tăng 21,9% về số lao động so với cùng kỳ năm trước.

Cũng trong ba tháng đầu năm, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 53,4 nghìn doanh nghiệp, tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước; hơn 15,5 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 21,7%; 5,1 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 10,1%. Bình quân một tháng có gần 24,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Như vậy, so sánh giữa số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới

và quay trở lại hoạt động với số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, trong quý I/2024, tổng số doanh nghiệp nước ta giảm 14,1 nghìn doanh nghiệp, bình quân một tháng giảm 4,7 nghìn doanh nghiệp.

**Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp**

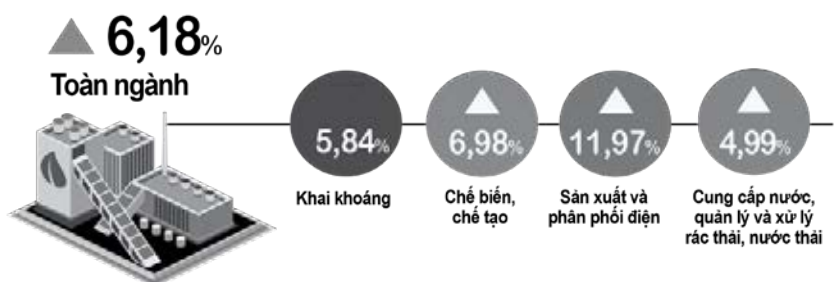
Theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý I/2024: Có 22,1% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt hơn so với quý IV/2023; 42,8% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 35,1% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn. Dự kiến quý II/2024, có 45,4% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên so với quý I/2024; 36,6% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định và 18% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn.

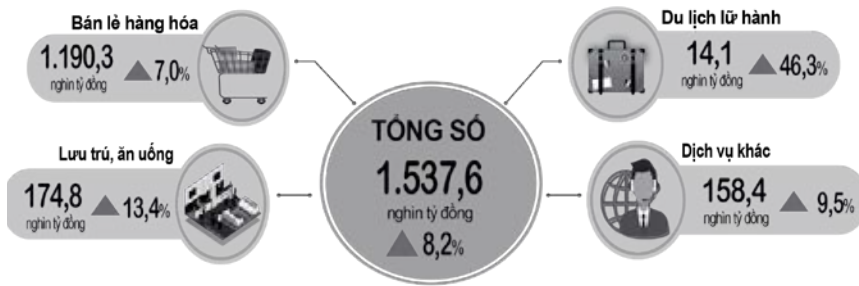
**Hoạt động thương mại và dịch vụ diễn ra sôi động trong quý I năm 2024.**

Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam tăng mạnh phản ánh hiệu quả của chính sách thị thực thuận lợi, các chương trình kích cầu du lịch. Hoạt động vận tải duy trì đà tăng trưởng tích cực cả về vận tải hành khách và hàng hóa.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng 3/2024 ước đạt 509,3 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5%

**Tốc độ tăng/giảm giá trị tăng thêm ngành công nghiệp so với cùng kỳ năm trước**



**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng**

so với tháng trước và tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 1.537,6 nghìn tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2023 tăng 13,9%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,1% (quý I/2023 tăng 10,1%).

Vận tải hành khách quý I/2024 ước đạt 1.199,6 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 27,7%) và luân chuyển đạt 66,6 tỷ lượt khách.km, tăng 10,7% (cùng kỳ năm trước tăng 57%). Vận tải hàng hóa quý I/2024 ước đạt 620,1 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 16%) và luân chuyển 129,2 tỷ tấn.km, tăng 11,2% (cùng kỳ năm trước tăng 20,7%).

Khách quốc tế đến Việt Nam quý I/2024 đạt hơn 4,6 triệu lượt người, tăng 72% so với cùng kỳ năm trước và tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch Covid-19. Trong đó, khách đến bằng đường hàng không đạt gần 3,9 triệu lượt người, chiếm 83,6% lượng khách quốc tế đến Việt Nam và tăng 60,1% so với cùng kỳ năm trước; bằng đường bộ đạt 625,3 nghìn lượt người, chiếm 13,5% và gấp 2,6 lần; bằng đường biển đạt 136,7 nghìn lượt người, chiếm 2,9% và gấp 4,1 lần.

Số lượt người Việt Nam xuất cảnh trong tháng 3/2024 là 537,4 nghìn lượt người, tăng 42,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2024, số lượt người Việt Nam xuất cảnh đạt 1,2 triệu lượt người, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước.

Lãi suất huy động và lãi suất cho vay duy trì xu hướng giảm, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm ổn định; thị trường chứng khoán tăng trưởng khởi sắc với mức vốn hóa thị trường cổ phiếu tăng 12,2%.

**Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trong quý I/2024 theo giá hiện hành tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước** đã phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh trong nước có xu hướng phục hồi ở nhiều ngành, lĩnh vực.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I/2024 theo giá hiện hành ước đạt 613,9 nghìn tỷ đồng, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước ước đạt 162,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 26,5% tổng vốn đầu tư và tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 340,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 55,5%, tăng 4,2%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 110,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 18% và tăng 8,9%.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/3/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần

của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 6,17 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong ba tháng đầu năm 2024 có 22 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 28,7 triệu USD, giảm 74,6% so với cùng kỳ năm trước; có 2 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 220 nghìn USD, giảm 96,5%. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 28,9 triệu USD, giảm 75,8% so với cùng kỳ năm trước.

**Thu ngân sách Nhà nước quý I/2024 ước tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước.** Chi ngân sách Nhà nước ước tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2023, đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước, thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như chi trả kịp thời cho các đối tượng theo quy định.

**Xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ**

*Xuất, nhập khẩu hàng hóa*

Trong tháng Ba, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 65,09 tỷ USD, tăng 35,6% so với tháng trước và tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 178,04 tỷ USD, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17%; nhập khẩu tăng 13,9%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 8,08 tỷ USD.

*Xuất, nhập khẩu dịch vụ*

Trong quý I/2024, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 5,67 tỷ USD, tăng 24,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ du lịch đạt 3,15 tỷ USD (chiếm 55,5% tổng kim ngạch), tăng 45,8%; dịch vụ vận tải đạt 1,35 tỷ USD (chiếm 23,8%), tăng 3,8%.



Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ quý I/2024 ước đạt 8 tỷ USD (trong đó đã tính trong phí dịch vụ vận tải và bảo hiểm của hàng hóa nhập khẩu là 2,69 tỷ USD), tăng 26,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ vận tải đạt 3,43 tỷ USD (chiếm 42,9% tổng kim ngạch), tăng 22,5%; dịch vụ du lịch đạt 2,35 tỷ USD (chiếm 29,4%), tăng 67,3%.

Nhập siêu dịch vụ quý I/2024 là 2,33 tỷ USD.

**Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)** tháng 3/2024 giảm 0,23% so với tháng trước, so với tháng 12/2023 tăng 1,12% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,97%. Tính chung quý I năm 2024, CPI tăng 3,77% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,81%.

Giá sản xuất quý I/2024 tăng, giảm đan xen, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất, chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và chỉ số giá dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm trước, trong khi chỉ số giá sản xuất công nghiệp giảm nhẹ và chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa có xu hướng giảm theo thị trường thế giới.

## TÌNH HÌNH XÃ HỘI

**Tình hình lao động, việc làm quý I/2024** đã quay trở lại theo xu hướng phát triển bình thường như thời kỳ trước dịch Covid-19, đó là lực lượng lao động thường giảm nhẹ so với quý trước nhưng vẫn tăng so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm tăng so với quý trước và cùng kỳ năm trước tuy nhiên tỷ lệ thất nghiệp giảm, theo quy luật thường thấy ở quý có Tết Nguyên đán.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước quý I/2024 ước tính là 52,4 triệu người, giảm 137,4 nghìn người so với quý trước và tăng 175,8 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý I/2024

là 68,5%, đều giảm 0,4 điểm phần trăm so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước.

Lao động có việc làm quý I/2024 ước tính là 51,3 triệu người, giảm 127,0 nghìn người so với quý trước và tăng 174,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động quý I/2024 là 2,03%, tăng 0,05 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,09 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,24%, giảm 0,02 điểm phần trăm và giảm 0,01 điểm phần trăm.

**Trong quý I năm nay, đời sống dân cư được cải thiện**, công tác an sinh xã hội được chính quyền các cấp quan tâm thực hiện; chương trình xây dựng nông thôn mới trong những năm qua có tác động tích cực, góp phần nâng cao đời sống người dân khu vực nông thôn, đẩy mạnh phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn.

Theo kết quả sơ bộ từ Khảo sát mức sống dân cư 2024, thu nhập bình quân đầu người quý I/2024 ước đạt 5,2 triệu đồng/tháng, tăng khoảng 8% so với quý trước và tăng 10% so với cùng kỳ năm 2023.

Tính đến ngày 19/3/2024, giá trị quà tặng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 là 8,1 nghìn tỷ đồng; hộ nghèo, hộ cận nghèo là hơn 2,4 nghìn tỷ đồng; người có công, thân nhân người có công với cách mạng là 9,2 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ đột xuất, bất thường phát sinh tại địa phương là gần 26,8 tỷ đồng. Ngoài ra, bảo hiểm xã hội đã cấp phát hơn 27,1 triệu thẻ BHYT/sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí cho các đối tượng thụ hưởng.

Lũy kế đến hết tháng 02/2024, cả nước có khoảng 6.370/8.167 xã

(khoảng 78%) đạt chuẩn nông thôn mới; có 1.737 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 301 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 280 đơn vị cấp huyện thuộc 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới. Có 23 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Trong quý I năm 2024, nhiều lễ hội truyền thống và hoạt động văn hóa, văn nghệ, được tổ chức khắp nơi, tạo nên bức tranh đặc sắc, ấn tượng trên cả nước. Các phong trào tập luyện thể dục thể thao được tổ chức rộng khắp, nhiều phong trào thể thao quần chúng được phát động.

**Tai nạn giao thông.** Tính chung quý I năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 6.552 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 4.465 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 2.087 vụ va chạm giao thông, làm 2.723 người chết, 2.924 người bị thương và 2.322 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong quý I năm nay gấp gần 2,8 lần (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên gấp 2,6 lần; số vụ va chạm giao thông gấp 3,3 lần); số người chết gấp 1,9 lần; số người bị thương gấp 3,2 lần và số người bị thương nhẹ gấp 3,5 lần.

**Thiên tai, ô nhiễm môi trường và cháy, nổ ảnh hưởng không nhỏ tới cuộc sống của người dân ở một số địa phương.**

Trong quý I, thiên tai làm 10 người mất tích và 1 người bị thương; 195 ngôi nhà bị sập đổ và hư hỏng; 1,2 nghìn con gia súc bị chết; 2,1 nghìn ha lúa và hoa màu bị hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 95 tỷ đồng, tăng 34,7% so với cùng kỳ năm 2023./.

**Nguồn: Tổng cục Thống kê**

# TĂNG TRƯỞNG GDP QUÝ I ĐẠT 5,66% LÀ BƯỚC KHỞI ĐẦU TÍCH CỰC CHO KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2024

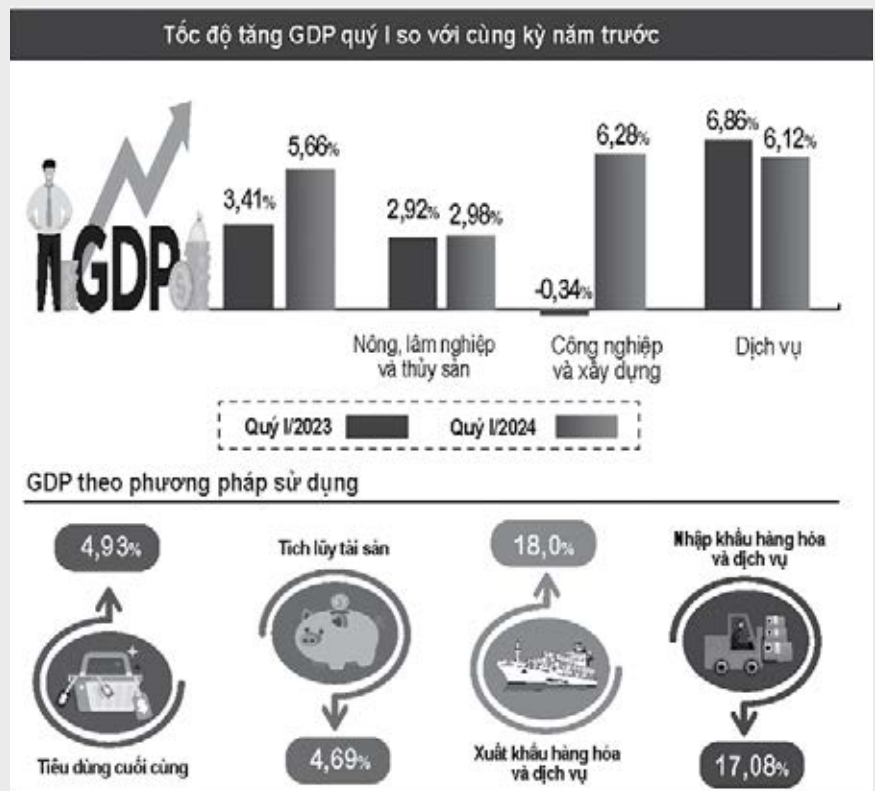
**Nguyễn Thị Mai Hạnh**

Vụ trưởng Vụ Tài khoản quốc gia - TCTK

## Kết quả tăng trưởng GDP quý I/2024

Tăng trưởng GDP quý I của nước ta đạt 5,66%, trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,98% do hoạt động sản xuất nông nghiệp vẫn tiếp tục ổn định, đáp ứng nguồn cung cho tiêu dùng trong nước, hoạt động chế biến và xuất khẩu. Khu vực công nghiệp và xây dựng đạt mức tăng 6,28% nhờ hoạt động công nghiệp chế biến đang dần tích cực với nguồn cung nguyên liệu và máy móc thiết bị từ nhập khẩu được đảm bảo; sản xuất điện tăng cao đảm bảo phục vụ sản xuất, kinh doanh dịch vụ và tiêu dùng. Khu vực dịch vụ tăng 6,12%, trong đó một số hoạt động dịch vụ cũng khá sôi động, đặc biệt dịch vụ hỗ trợ vận tải, kho bãi phục vụ xuất khẩu tăng mạnh; hoạt động du lịch có bước tăng trưởng tốt trong ba tháng đầu năm 2024, tính chung quý I/2024, Việt Nam đón khoảng 4,6 triệu lượt khách quốc tế, tăng 72% so với cùng kỳ năm 2023. Bên cạnh đó, hoạt động xuất, nhập khẩu tăng trở lại cũng đã đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế.

Tuy chưa bằng thời điểm cùng kỳ năm 2018 và năm 2019 nhưng mức tăng trưởng này là kết quả cho những nỗ lực, sát sao, kịp thời trong điều hành Chính sách của Chính phủ, Nhà nước, Bộ ngành



và sự cố gắng, quyết tâm của các địa phương, doanh nghiệp, người dân trên con đường khôi phục và phát triển kinh tế.

Theo kịch bản của Nghị quyết 01, mục tiêu tăng trưởng năm 2024 đạt từ 6%-6,5%. Trong đó, quý I có mức tăng trưởng tương ứng 5,2% và 5,6%. Như vậy, nhìn tổng thể bức tranh kinh tế, kết quả tăng trưởng quý I đạt 5,66% đang sát với kịch bản cao (5,6%). Tuy nhiên giữa các khu vực có sự dịch chuyển so với kịch bản ban đầu, cụ thể:

Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng trưởng tốt hơn cùng kỳ năm trước, đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 3 khu vực 6,28% (riêng công nghiệp tăng 6,18%), cao hơn nhiều so với kịch bản cao 5,5% đề ra trong Nghị quyết 01. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản và khu vực dịch vụ đạt mức tăng trưởng lần lượt là 2,98% và 6,12%, thấp hơn mức tăng của cả 2 kịch bản tăng trưởng (3,0% đối với nông, lâm nghiệp và thủy sản; 6,3% và 6,5% đối với công nghiệp và xây dựng).

Như vậy, với diễn biến kinh tế của 3 tháng đầu năm, có thể nói khu vực công nghiệp đã có những kết quả tốt hơn so với kỳ vọng. Trái lại khu vực dịch vụ chưa có sự bứt phá và đóng góp tốt vào tăng trưởng như kịch bản điều hành. Tuy nhiên, trước bối cảnh của kinh tế trong nước và thế giới, con số tăng trưởng 5,66% là một bước khởi đầu tích cực cho kinh tế năm 2024 của Việt Nam.

### **Các giải pháp vượt khó khăn của nền kinh tế trong các quý còn lại năm 2024**

Kinh tế thế giới bước vào năm 2024 tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức với diễn biến khó lường, hầu hết các tổ chức quốc tế đều hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024. Các yếu tố bất lợi cho khôi phục kinh tế như lạm phát cao, cầu thương mại và tiêu dùng vẫn thấp, xu hướng phục hồi chậm, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na ngày càng phức tạp, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng. Trước những khó khăn, bất ổn của kinh tế thế giới, các tổ chức quốc tế (UN, WB, OECD và EU) đều nhận định tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 sẽ thấp hơn năm 2023.

Trong nước, mặc dù chịu ảnh hưởng không nhỏ từ các khó khăn, thách thức của bối cảnh kinh tế thế giới cũng như các yếu tố nội tại của nền kinh tế, những tháng đầu năm 2024, dưới sự nỗ lực của toàn bộ hệ thống chính trị, từng bước tháo gỡ khó khăn, tận dụng và tìm kiếm cơ hội để khôi phục và phát triển kinh tế, nền kinh tế nước ta đã có những dấu hiệu phục hồi rõ nét. Trên nền tăng trưởng thấp của quý I/2023, tăng trưởng trong quý I/2024 đạt 5,66%, cao nhất kể từ năm 2020 trở lại đây. Trong đó,

khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,98%; công nghiệp và xây dựng tăng 6,28% (Riêng Công nghiệp tăng 6,18%) và dịch vụ tăng 6,12%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 4,28%.

Mặc dù kết quả tăng trưởng của một số lĩnh vực đã có dấu hiệu tích cực, nhưng trong nước vẫn hiện hữu nhiều khó khăn, thách thức. Bên cạnh đó, diễn biến phức tạp khó lường của kinh tế toàn cầu, phục hồi tăng trưởng chậm cùng với những áp lực từ giá cả, lạm phát và xu hướng giảm cầu tiêu dùng, thương mại trong nước và quốc tế vẫn là những trở ngại, thách thức lớn trong điều hành và phát triển kinh tế cũng như xây dựng các kịch bản tăng trưởng cho những quý tiếp theo.

Căn cứ kết quả hoạt động kinh tế trong nước và diễn biến kinh tế thế giới trong quý I/2024, Tổng cục Thống kê cập nhật 2 kịch bản tăng trưởng theo Nghị quyết 01 lần lượt như sau:

Kịch bản 01 (năm 2024 tăng 6%): Quý I tăng 5,66%; 9 tháng cuối năm tăng khoảng 6,12%, trong đó quý II tăng khoảng 5,85%; quý III tăng khoảng 6,22%; quý IV tăng khoảng 6,28%.

Kịch bản 02 (năm 2024 tăng 6,5%): Quý I tăng khoảng 5,66%; 9 tháng cuối năm tăng khoảng 6,75%, trong đó quý II tăng khoảng 6,32%; quý III tăng khoảng 6,79%; quý IV tăng khoảng 7,08%.

Để vượt qua khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong những quý còn lại cần duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện hiệu quả, linh hoạt các chính sách điều hành của Chính phủ, bám sát các mục tiêu và giải pháp đã được đề ra trong Nghị quyết 01 và tập trung thực hiện nhiều nhóm giải pháp theo từng lĩnh vực cụ thể sau:

### *Theo góc độ sản xuất*

Tăng cường gắn kết lưu thông với sản xuất, đẩy mạnh liên kết chuỗi nhằm kết nối cung cầu; đảm bảo phân phối sản phẩm hàng hóa gắn với quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm; Thúc đẩy mạnh mẽ mô hình chuỗi liên kết phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp và xuất khẩu.

Tiếp tục tìm kiếm và tích cực mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, chủ động áp dụng khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và tính cạnh tranh.

Xây dựng các kênh phân phối sản phẩm, mở rộng việc tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử đảm bảo nâng cao chất lượng, dịch vụ và quyền lợi, lợi ích của người tiêu dùng, từ đó thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa trong nước và xuất khẩu.

*Đối với nông, lâm nghiệp và thủy sản:* Chủ động khắc phục tối đa ảnh hưởng của xâm nhập mặn ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, đối phó với tình trạng hạn hán, đặc biệt là các tỉnh vùng Tây Nguyên; kiểm soát tốt dịch bệnh, giá thành, giá bán sản phẩm trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

*Đối với Công nghiệp và xây dựng:* Tiếp tục rà soát, thực hiện quyết liệt các giải pháp, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy hoạt động, sản xuất kinh doanh đặc biệt là các mặt hàng công nghiệp chủ lực của nước ta như dệt may, da giày... Nhanh chóng tháo gỡ khó khăn, khơi thông dòng vốn, tạo động lực cho thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án trọng điểm, quốc gia, đường cao tốc, liên vùng, ven biển và các chương trình mục tiêu quốc gia.



Chủ động đảm bảo cung ứng điện phục vụ nhu cầu điện tiêu dùng và sản xuất đặc biệt trong những tháng cao điểm trong quý II, quý III. Thực hiện các phương án ổn định giá cả nguyên vật liệu đầu vào, nguyên vật liệu xây dựng bảo đảm cân đối cung cầu;

*Đối với thương mại và dịch vụ:* Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng dịch vụ logistics, đó là cầu nối hiệu quả trong việc lưu thông hàng hóa trong nước và quốc tế, thúc đẩy mạnh mẽ xuất, nhập khẩu.

Tiếp tục thực hiện triệt để các giải pháp kích cầu du lịch nội địa, quốc tế; thu hút và giữ chân khách du lịch bằng các dịch vụ chất lượng cao, “làm mới” sản phẩm du lịch phù hợp xu hướng và nhu cầu trong nước và quốc tế, đưa ngành du lịch Việt Nam phát triển mạnh mẽ đồng thời phải gắn liền với bảo vệ môi trường để đảm bảo phát triển du lịch bền vững.

*Theo góc độ sử dụng*

Chính phủ cần tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách tài khóa, tăng cường và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công. Tiếp tục phát huy nội lực của thị trường dân số hơn 100 triệu dân bằng cách đẩy mạnh thực hiện các chính sách kích cầu tiêu dùng với các chương trình lễ hội du lịch, lễ hội mua sắm, chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước, thúc đẩy phân phối hàng hóa qua nền tảng số, thương mại điện tử để mở rộng tiêu dùng nội địa; vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam.

Chú trọng đầu tư hiện đại hóa hệ thống phân phối ở vùng nông thôn, miền núi để đẩy mạnh đưa hàng Việt về nông thôn, đẩy mạnh triển khai các hoạt động kích cầu tiêu dùng nội địa tại các địa phương có các sản phẩm đặc thù, lợi thế...;

Đối với xuất, nhập khẩu, tiếp tục rà soát, cải cách thủ tục hành chính, thủ tục hải quan hỗ trợ tối đa các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu nhằm rút ngắn thời gian trong quá trình xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ; tranh thủ tối đa cơ hội, xu hướng phục hồi của các thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu, tận dụng tốt và tiếp tục đẩy nhanh đàm phán, ký kết, thúc đẩy các hiệp định thương mại song phương và đa phương để mở rộng thị trường đầu ra cho các sản phẩm của Việt Nam.

Bên cạnh đó cần cải tiến mạnh mẽ chuỗi liên kết giá trị hàng hóa chất lượng từ nông sản tới sản phẩm chế biến, sản phẩm giá trị cao để đáp ứng được nhiều thị trường khó tính, mở rộng quy mô và đối tác, mang lại cơ hội cho các ngành sản xuất./

# TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP QUÝ I VÀ DỰ BÁO QUÝ II NĂM 2024

**Phí Thị Hương Nga**

*Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng - TCTK*

## **Bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước**

Theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, tình hình kinh tế thế giới quý I năm 2024 tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro, tình trạng bất ổn, xung đột leo thang tại một số khu vực. Mỹ, EU được dự báo tăng trưởng chậm lại so với năm 2023; Nhật Bản, Anh đã rơi vào suy thoái; Trung Quốc đối mặt với suy giảm tăng trưởng kinh tế và tiêu dùng cả trong ngắn hạn, trung và dài hạn. Xung đột tại Nga-Ucraina tiếp tục kéo dài, xung đột Biển Đỏ, dải Gaza tiếp tục leo thang, gia tăng rủi ro đối với an toàn hàng hải, chuỗi cung ứng hàng hóa, dầu thô, lương thực toàn cầu. Tác động của Elnino, thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng nặng nề hơn. Trong nước, tính tự chủ của nền kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào thị trường quốc tế và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ hoạt động sản xuất của khu vực đầu tư nước ngoài. Khu vực doanh nghiệp trong nước gặp nhiều khó khăn, lượng hàng hóa tồn kho cuối năm 2023 còn cao dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp sản xuất cầm chừng để tiêu thụ hết lượng hàng hóa tồn kho cuối năm trước. Ngoài ra, các chi phí đầu vào và chi phí vận chuyển tăng cao làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước.

## **Tình hình sản xuất công nghiệp quý I năm 2024**

*Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)*

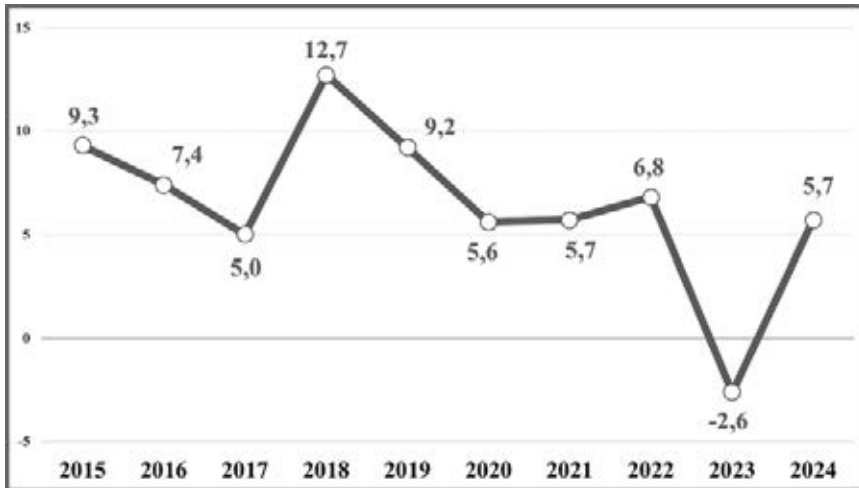
Nổi tiếp đà tăng trưởng của sản xuất công nghiệp quý IV năm 2023, quý I năm 2024, chỉ số IIP toàn ngành công nghiệp tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước. Theo ngành công nghiệp cấp I: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước,



đóng góp 5,17 điểm phần trăm vào mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp; ngành khai khoáng giảm 4,1%, làm giảm 0,65 điểm phần trăm; ngành sản xuất, phân phối điện tăng 12,1%, đóng góp 1,08 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 4,0%, đóng góp 0,06 điểm phần trăm vào mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp.

**Tốc độ tăng/giảm IIP quý I giai đoạn 2015-2024 (%)**

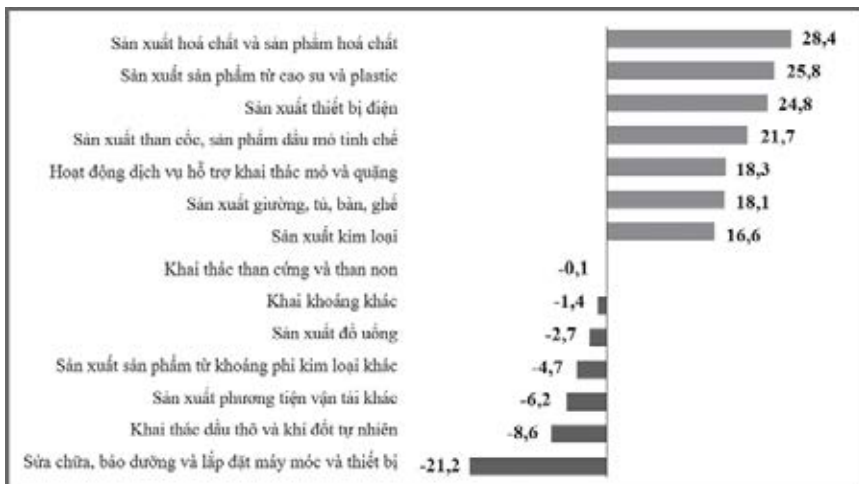
(Năm trước = 100%)



Theo ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số IIP tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất hóa chất, sản phẩm hóa chất tăng 28,4%; sản xuất sản phẩm từ cao su, plastic tăng 25,8%; sản xuất thiết bị điện tăng 24,8%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 21,7%; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng tăng 18,3%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 18,1%; sản xuất kim loại tăng 16,6%; dệt tăng 14,6%; sản xuất và phân phối điện tăng 12,1%. Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số IIP giảm so với cùng kỳ năm trước: Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị giảm 21,2%; khai thác dầu thô

**Một số ngành có tốc độ tăng/giảm IIP quý I/2024 cao nhất và thấp nhất (%)**

(Năm trước = 100%)



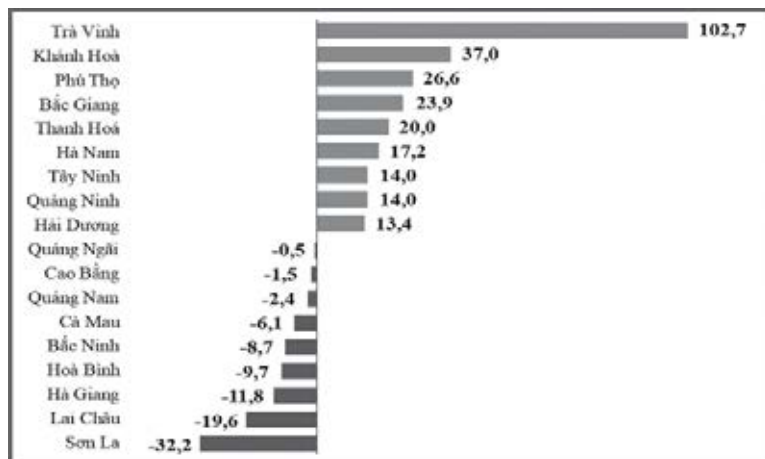
và khí đốt tự nhiên giảm 8,6%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 6,2%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 4,7%; sản xuất đồ uống giảm 2,7%; khai khoáng khác giảm 1,4%; khai thác than giảm 0,1%.

Một số sản phẩm công nghiệp quý I tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Thép thanh, thép góc tăng 29,1%; thép cán tăng 24,1%; phân hỗn hợp NPK tăng 23,1%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 21,8%; xăng, dầu các loại tăng 21,7%; phân ure tăng 16,9%; đường kính tăng 14%; sơn hóa học tăng 13,9%; điện sản xuất tăng 11,4%. Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm công nghiệp quý I giảm so với cùng kỳ năm trước như: Khí đốt thiên nhiên và điện thoại di động cùng giảm 13,3%; ô tô giảm 11,3%; tivi các loại giảm 11,1%; khí hóa lỏng LPG giảm 11%; linh kiện điện thoại giảm 5,3%; xe máy giảm 5,2%; giày, dép da giảm 4,8%; bia các loại giảm 4,1%; sắt thép thô giảm 3,8%; dầu thô khai thác giảm 3,2%.

Theo địa phương, có 54/63 tỉnh, thành phố trong cả nước có chỉ số IIP tăng so với cùng kỳ năm trước; 9/63 tỉnh, thành phố có chỉ số IIP giảm so với cùng kỳ năm 2023. Một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn có chỉ số IIP quý I năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm trước như: Bắc Giang tăng 23,9%; Thanh Hóa tăng 20%; Quảng Ninh tăng 14%; Hải Phòng tăng 12,6%; Vĩnh Phúc tăng 6,7%; Thái Nguyên tăng 6,2%; thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai cùng tăng 5,1%; Bình Dương tăng 3,9%; Hà Nội tăng 3,6%; Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 0,2%. Ở chiều ngược lại, một số địa phương là trung tâm công nghiệp lớn của cả nước có chỉ số IIP quý I năm 2024 giảm so với cùng kỳ như: Quảng Ngãi giảm 0,5%; Quảng Nam giảm 2,4%; Bắc Ninh giảm 8,7%.

### Một số địa phương có tốc độ tăng/giảm IIP quý I/2024 cao nhất và thấp nhất (%)

(Năm trước = 100%)



#### Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý I năm nay tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước (tăng cao hơn nhiều so với mức giảm 2,9% của cùng kỳ năm 2023). Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao: Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 30,8%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plasctic tăng 29,6%; sản xuất thiết bị điện tăng 22,9%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 21,4%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 16,5%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 16,2%; sản xuất kim loại tăng 14,9%; dệt tăng 14,4%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 12,3%. Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 8,9%; sản xuất đồ uống giảm 3,7%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 3,1%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 2,6%.

#### Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 31/3/2024 dự kiến tăng tăng 14,1% so với cùng thời điểm năm trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: Dệt giảm 28,3%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu giảm 14,9%; sản xuất da và các sản phẩm từ da giảm 10,7%; sản xuất thuốc lá giảm 10,3%; sản xuất trang phục giảm 8,5%. Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao: sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 76,5%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 51,7%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 40,8%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 33,7%; sản xuất đồ uống tăng 24,4%; sản xuất thiết bị điện tăng 17,3%; in, sao chép bản ghi tăng 17,2%.

Tỷ lệ tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân quý I năm 2024 là 68,7%. Một số ngành có tỷ lệ tồn kho cao: sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu 186,9%; sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đầu 145,2%; dệt 138,2%; sản xuất xe có động cơ 121,4%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa 108,7%; sản xuất sản phẩm từ cao su

và plastic 106,1%; sản xuất trang phục 105,9%; sản xuất chế biến thực phẩm 105,2%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất 104,6%.

#### Đánh giá chung hoạt động sản xuất công nghiệp quý I năm 2024

Điểm sáng của hoạt động sản xuất công nghiệp thể hiện ở các yếu tố tích cực sau:

*Thứ nhất*, chỉ số IIP toàn ngành công nghiệp quý I năm 2024 tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm trước giảm 2,6%). Trong đó, 3/4 ngành công nghiệp cấp I (gồm: Công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất và phân phối điện; cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải) tăng so với cùng kỳ năm trước với mức tăng lần lượt là 5,9%, 12,1% và 4%.

*Thứ hai*, xét theo ngành công nghiệp cấp II, có 26/33 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp quý I năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó 12 ngành tăng trưởng trên 10%. Một số ngành có chỉ số IIP quý I năm trước giảm nhưng sang quý I năm nay tăng cao như: Sản xuất thiết bị điện tăng 24,8%; sản xuất kim loại tăng 16,6%; sản xuất giường tủ bàn ghế tăng 18,1%. Bên cạnh đó, một số ngành xuất khẩu chủ lực quý I năm nay đã tăng trưởng trở lại như: Dệt tăng 14,6%; sản xuất trang phục tăng 3,7%; sản xuất da và sản phẩm có liên quan tăng 5,5%; sản xuất thiết bị điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 0,4%.

*Thứ ba*, một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn có chỉ số IIP tăng cao như: Bắc Giang tăng 23,9%; Thanh Hóa tăng 20%; Quảng Ninh tăng 14%; Hải Phòng tăng 12,6%; Vĩnh Phúc tăng 6,7%; Thái Nguyên tăng 6,2%.

*Thứ tư*, tồn kho sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có xu hướng giảm, thể hiện qua chỉ số tiêu thụ cao hơn chỉ số sản xuất, cụ thể: Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý I tăng 5,9%, chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,2% (cao hơn 2,3 điểm phần trăm so với chỉ số sản xuất), kéo theo chỉ số tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo thời điểm 31/3/2024



dự kiến tăng 14,1% so với cùng thời điểm năm trước (thấp hơn nhiều so với mức tồn kho 19,8% cùng thời điểm năm 2023). Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến chế tạo bình quân quý I năm 2024 là 68,7% (thấp hơn nhiều so với tỷ lệ tồn kho cùng cùng kỳ năm 2023 là 81,1%).

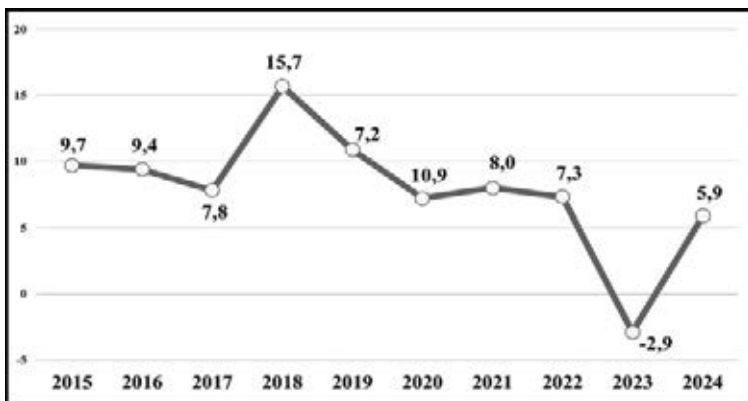
Bên cạnh các điểm tích cực, sản xuất công nghiệp quý I năm 2024 còn một số hạn chế như:

*Một là*, sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng khá nhưng trên nền sản xuất quý I năm 2023 giảm (quý I năm 2023 giảm 2,6% so với cùng kỳ năm trước). Tốc độ tăng quý I năm nay chỉ tương đương với tốc độ tăng của quý I các năm 2020, 2021 (là hai năm bị ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19) và thấp hơn tốc độ tăng trưởng của các năm trước dịch Covid-19.

*Hai là*, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý I năm 2024 tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây (chỉ cao hơn quý I năm 2023, là năm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng âm) cho thấy sản xuất công nghiệp vẫn chưa thực sự khởi sắc.

**Tốc độ tăng/giảm IIP ngành công nghiệp chế biến chế tạo quý I giai đoạn 2015-2024 (%)**

(Năm trước = 100%)



*Ba là*, trong số 33 ngành công nghiệp cấp II, có 7 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp giảm. Trong đó có 3 ngành thuộc nhóm ngành khai khoáng) gồm: Khai thác than cứng và than non giảm 0,1%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 8,6%; khai khai khoáng khác giảm 1,4%) và 4 ngành thuộc công nghiệp chế biến, chế tạo (gồm: Sản xuất đồ uống giảm 2,7%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 4,7%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 6,2%; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt máy móc thiết bị giảm 21,2%). Ngành sản xuất phương tiện vận tải khác và sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại vẫn gặp rất nhiều khó khăn khi vẫn tiếp tục đà giảm trong hai năm liên tiếp.

*Bốn là*, một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn tăng ở mức thấp hoặc giảm: Chỉ số IIP quý I của thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai cùng tăng 5,1%; Bình Dương tăng 3,9%; Hà Nội tăng 3,6%; Bà Rịa-Vũng Tàu tăng 0,2%; Quảng Ngãi giảm 0,5%; Quảng Nam giảm 2,4%; Bắc Ninh giảm 8,7%.

**Dự báo tình hình sản xuất công nghiệp quý II năm 2024**

Trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2024 được dự báo còn nhiều diễn biến phức tạp, xung đột tại Nga - Ucraina tiếp tục kéo dài, xung đột Biển Đỏ, dải Gaza tiếp tục leo thang, giá các loại hàng hóa và dịch vụ trên thế giới tăng cao làm tăng chi phí sản xuất cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các điều kiện, tiêu chuẩn hàng hóa yêu cầu theo hướng đòi hỏi cao hơn về chất lượng, quy trình, thông tin, yêu cầu sản xuất xanh... sẽ gây áp lực không nhỏ đối với các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Với xu hướng chung là chuyển đổi sang sử dụng năng lượng sạch, các ngành công nghiệp dựa vào khai thác khoáng sản dự báo vẫn tiếp tục suy giảm trong quý II/2024. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, theo dự báo của các doanh nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh quý II khả quan hơn quý I với 82,0% doanh nghiệp đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh quý II tốt hơn và giữ ổn định so với quý I (45,4% doanh nghiệp dự báo hoạt động sản xuất kinh doanh tốt hơn, 36,6% dự báo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định), chỉ có 18,0% doanh nghiệp đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh quý II khó khăn hơn quý I năm 2024. Ngành sản xuất và phân phối điện được dự báo vẫn sẽ đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của dân cư. Ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải dự báo vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực.

Để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp trong các quý còn lại của năm 2024, các doanh nghiệp kiến nghị Chính phủ, Bộ, ngành và địa phương tạo cơ hội để các doanh nghiệp được giao lưu, tìm hiểu nhằm mục đích tìm kiếm nguồn cung cấp nguyên vật liệu cũng như khách hàng mới; hỗ trợ tuyên truyền, nâng cao vai trò của các ngành nghề trong xã hội, từ đó nâng cao tay nghề và trình độ của người lao động, giảm tình trạng thiếu lao động có tay nghề và lao động tay nghề cao. Bên cạnh đó, có các biện pháp kích cầu tiêu dùng nhằm hỗ trợ tiêu thụ và sản xuất hàng hóa, ổn định giá cả và nguồn cung nguyên vật liệu cho doanh nghiệp./.

# LẠM PHÁT ĐƯỢC KIỂM SOÁT TRONG QUÝ I NĂM 2024

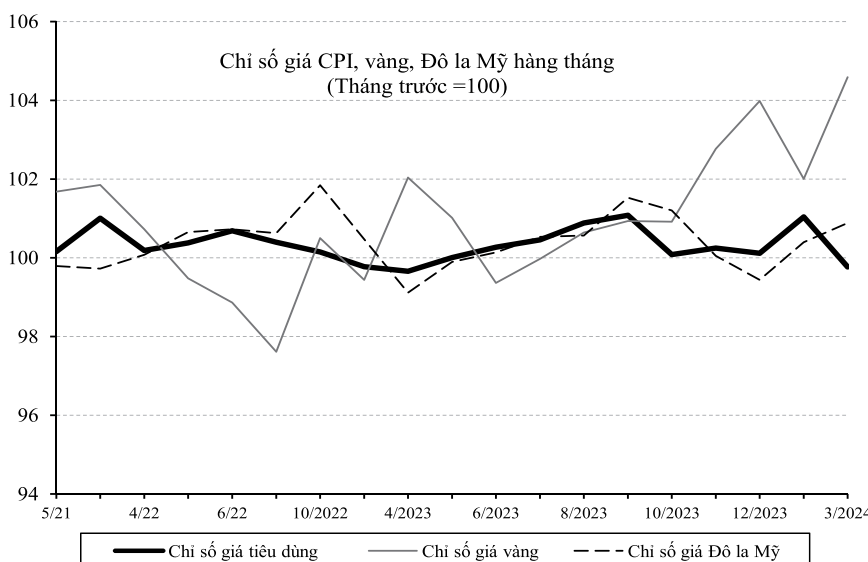
Nguyễn Thu Oanh

Vụ trưởng Vụ Thống kê Giá - TCTK

## Quý I năm 2024, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế

Trong quý I năm 2024, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục gay gắt. Nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, tổng cầu yếu khiến kinh tế thế giới tăng trưởng chậm. Lạm phát có xu hướng hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao so với mức lạm phát mục tiêu của nhiều nước. Lạm phát của Mỹ tháng 02/2024 tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước. Tại cuộc họp tháng 3/2024, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức 5,25%-5,5%, mức cao nhất 23 năm qua nhằm đưa lạm phát của Mỹ về mức mục tiêu 2%. Trong tháng 02/2024, lạm phát của khu vực đồng Euro tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước; Pháp tăng 3%; Đức tăng 2,5%; Anh tăng 3,4%. Tại châu Á, lạm phát tháng 02/2024 của Lào tăng 25,35%; Phi-lip-pin tăng 3,4%; Hàn Quốc tăng 3,1%; In-đô-nê-xi-a tăng 2,75%. Lạm phát của Việt Nam được kiểm soát ở mức phù hợp để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế, CPI tháng 3/2024 tăng 3,97% so với cùng kỳ năm trước.

Trong nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ,



ngành triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững kinh tế vĩ mô ổn định, kiểm soát lạm phát, các cân đối lớn cơ bản được bảo đảm. Nhiều giải pháp được triển khai như: Giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8%; giảm thuế môi trường với nhiên liệu bay; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp; tăng cường kết nối logistics thúc đẩy tiêu thụ, xuất khẩu nông lâm thủy sản; đảm bảo cung ứng điện, cung cấp than, khí cho sản xuất điện; gia hạn visa cho khách du lịch; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thị trường

trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản; công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện. Trước, trong và sau Tết Nguyên đán Giáp Thìn, tình hình cung cầu thị trường diễn ra sôi động như quy luật hằng năm, nguồn cung hàng hóa dồi dào, phong phú, không có hiện tượng khan hiếm hàng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân. Chỉ số giá tiêu dùng quý I năm 2024 tăng 3,77% so với cùng kỳ năm 2023.

## Những thách thức, khó khăn tác động đến lạm phát trong thời gian tới

Lạm phát của thế giới đang theo xu hướng hạ nhiệt do nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt kéo dài, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn những rủi ro có thể tạo nên cú sốc cho lạm phát của thế giới. Xung đột lợi ích và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn

ngày càng gay gắt, xung đột quân sự giữa Nga - Ukraine và tại dải Gaza kéo dài, bất ổn ở Biển Đỏ ngày càng leo thang, điều này có thể tạo nên sự đứt gãy chuỗi cung ứng một cách nặng nề, làm gia tăng chi phí vận tải, gây rủi ro về an ninh lương thực, an ninh năng lượng, đồng thời gây sức ép lên giá dầu thô và các nguyên vật liệu đầu vào chính cho sản xuất. Việt Nam có độ mở kinh tế lớn nên những thay đổi của lạm phát thế giới sẽ nhanh chóng tác động tới lạm phát của Việt Nam.

Thêm vào đó, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào trên thế giới đang ở mức cao. Do là nước nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất nên biến động của giá hàng hóa trên thế giới sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên. Ngoài ra, đồng đô la Mỹ trên thế giới vẫn tiếp tục tăng giá và duy trì ở mức cao khi thị trường kỳ vọng FED trì hoãn hạ lãi suất điều hành, điều này làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, cũng như gây sức ép lên mặt bằng giá hàng hóa trong nước.

Ở trong nước, một số yếu tố cũng có khả năng tạo áp lực lạm phát trong thời gian tới, cụ thể:

Nhu cầu nhập khẩu gạo của các quốc gia dự báo sẽ tiếp tục tăng cao như Trung Quốc, Malaysia, Hàn Quốc, UAE..., điều này giúp cho xuất khẩu gạo của Việt Nam tiếp tục được thuận lợi với giá xuất khẩu tăng cao nhưng đồng thời cũng sẽ kéo giá gạo trong nước tăng lên.

Áp lực lạm phát còn đến từ giá năng lượng. Trong đó, điện là mặt hàng rất quan trọng trong sản xuất và tiêu dùng nên có tác động khá lớn tới lạm phát, chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 10%

sẽ tác động trực tiếp làm CPI tăng 0,33 điểm phần trăm. Trong năm 2024, EVN có thể sẽ tiếp tục các đợt tăng giá điện để đảm bảo phản ánh biến động của các chi phí đầu vào của giá điện. Hiện nay, xăng dầu trong nước được điều chỉnh theo biến động của giá thế giới. Các chuyên gia quốc tế dự báo từ nay đến cuối năm, giá xăng dầu sẽ tiếp tục xu hướng tăng kéo theo giá xăng dầu trong nước tăng lên, tạo áp lực lên lạm phát.

Ngoài ra, nếu điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý theo hướng tính đúng, tính đủ các yếu tố, các chi phí thực hiện vào giá dịch vụ y tế và học phí giáo dục sẽ tác động làm tăng CPI.

Cải cách tiền lương của khu vực nhà nước và tăng lương tối thiểu cho khu vực doanh nghiệp dự kiến được thực hiện từ 01/7/2024 có thể làm gia tăng kỳ vọng lạm phát kéo theo giá các hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng lên.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh thực hiện các gói kích cầu, hạ mặt bằng lãi suất cho vay, mở rộng tín dụng, đẩy mạnh đầu tư công một mặt giúp tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nhưng mặt khác có thể tạo sức ép lên mặt bằng giá nếu nguồn cung tiền không được kiểm soát hợp lý.

### **Một số kiến nghị trong công tác điều hành giá của Chính phủ**

Để kiểm soát lạm phát năm 2024 đạt được mục tiêu Quốc hội đề ra, Tổng cục Thống kê kiến nghị một số giải pháp như sau:

Đối với việc tăng giá các hàng hóa và dịch vụ do nhà nước quản lý như mặt hàng điện, dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục, các Bộ, ngành cần sớm lên kế hoạch, xây dựng phương án, lộ trình điều chỉnh giá các mặt hàng do mình quản lý, từ đó Ban Chỉ đạo Điều hành giá của Chính phủ quyết định thời điểm, mức độ điều chỉnh giá các mặt hàng

do Nhà nước quản lý một cách đồng bộ, thống nhất sao cho phù hợp với thị trường mà vẫn đảm bảo mục tiêu kiểm soát lạm phát.

Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả, lạm phát trên thế giới, kịp thời cảnh báo các nguy cơ ảnh hưởng đến giá cả, lạm phát của Việt Nam để có các biện pháp ứng phó phù hợp nhằm đảm bảo nguồn cung, bình ổn giá trong nước.

Đảm bảo thông suốt hoạt động cung ứng, lưu thông, phân phối hàng hóa, dịch vụ, nhất là đối với xăng dầu và các mặt hàng chiến lược có khả năng bị ảnh hưởng từ sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu và xung đột căng thẳng địa chính trị Nga-Ukraine, dải Gaza và chiến sự ở Biển Đỏ khó lường, phức tạp.

Các Bộ, ngành, địa phương cần theo dõi sát diễn biến giá cả của các mặt hàng thiết yếu (lương thực, thực phẩm, thịt lợn, xăng dầu, gas...) để có giải pháp điều hành phù hợp và chủ động chuẩn bị các nguồn hàng vào dịp cuối năm nhằm hạn chế tăng giá. Đồng thời cần có các biện pháp kiểm soát, bình ổn giá, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, tránh để xảy ra hiện tượng tăng giá bất hợp lý, tung tin thất thiệt gây bất ổn thị trường.

Chính phủ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra.

Tăng cường công tác thông tin, truyền thông, đưa thông tin kịp thời, minh bạch, tạo sự đồng thuận trong dư luận đối với công tác điều hành giá của Chính phủ, ổn định tâm lý người tiêu dùng và ổn định kỳ vọng lạm phát./.





# Phát triển nền kinh tế tri thức tại Việt Nam

**ThS. Nguyễn Phương Tú**  
Đại học Công nghiệp Hà Nội

**Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh cao, phát triển kinh tế tri thức tại Việt Nam có vai trò quan trọng trong thúc đẩy sự phát triển của khoa học và công nghệ, tăng năng suất lao động, nâng cao thu nhập, tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia, hướng tới phát triển bền vững. Phát triển kinh tế tri thức cần được triển khai đồng bộ từ nhiều nguồn lực, trong đó tập trung tập nguồn nhân lực, tài sản trí tuệ và công nghệ để tạo ra giá trị kinh tế.**

## Phát triển kinh tế tri thức từ yêu cầu thực tiễn

Sau gần 40 năm đổi mới, từ một nước kém phát triển, đến nay, Việt Nam đã và đang từng bước tiến lên trên lộ trình trở thành nước có thu nhập trung bình cao vào năm 2030. Tương quan với sự tăng trưởng của đất nước, kinh tế tri thức vươn lên phát triển mạnh mẽ, trở thành xu thế tất yếu cho thời đại ứng dụng thành tựu mới, tiên tiến và hiện đại trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Trên cơ sở thực tiễn, kể từ Đại hội Đảng lần thứ IX, kinh tế tri thức đã được nhắc đến, nhấn mạnh vai trò, vị trí, tầm quan trọng và yêu cầu phát triển như một xu thế tất yếu

trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Đại hội lần thứ XII của Đảng đã đề ra một trong những nhiệm vụ tổng quát của nhiệm kỳ 2015-2020 là: *"phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực"*. Tại đây, Đảng khẳng định: *"Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tới là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu; huy động và phân bổ có hiệu quả mọi nguồn lực phát triển"*. Tiếp nối tinh thần Đại hội lần thứ XII, Đại hội XIII

đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Định hướng phát triển tới năm 2030: *"Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kị, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới"*.

Kinh tế tri thức có ảnh hưởng sâu sắc, mở ra cơ hội lớn trong tiến trình thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đem lại đóng góp

to lớn cho nền kinh tế đất nước. Kinh tế tri thức nhấn mạnh tầm quan trọng của vốn con người, tài sản trí tuệ và công nghệ thông tin trong việc tạo ra giá trị kinh tế, tập trung ở một số ngành như: Các ngành công nghệ cao, gồm: Công nghệ sinh học, công nghệ nano, công nghệ thông tin...; các ngành dịch vụ chuyên biệt, gồm: Luật sư, kiểm toán, thiết kế...; các ngành giáo dục y tế, nghiên cứu khoa học và phát triển.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm (GDP) năm 2023 của Việt Nam tăng 5,05% so với năm trước, với xu thế tăng trưởng duy trì đà tăng dần qua từng quý, quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. GDP bình quân đầu người từ 2.030 USD người năm 2014 đã đạt 4.284 USD, tương đương 101,9 triệu đồng/người vào năm 2023, tăng 160 USD so với năm 2022. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế ước đạt 199,3 triệu đồng/lao động (tương đương 8.380 USD/lao động, tăng 274 USD so với năm 2022); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 3,65% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2023 ước đạt 27%, cao hơn 0,6 điểm phần trăm so với năm 2022). Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,12%; khu vực dịch vụ chiếm 42,54%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,38%.

Báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ cho biết, năm 2023, khoa học và công nghệ đã góp phần thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa nông sản đạt trên 53 tỷ USD/năm,

thặng dư thương mại ngành đạt hơn 11 tỷ USD, mức cao nhất trong những năm gần đây và chiếm trên 42,5% xuất siêu cả nước, trong đó có 6 sản phẩm nông nghiệp có giá trị xuất khẩu trên 3 tỷ USD. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao đạt gần 50% tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu.

Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đã đem lại thuận lợi về môi trường kinh tế và thể chế xã hội cho phát triển kinh tế tri thức. Những thuận lợi cho phát triển kinh tế tri thức tại Việt Nam còn đến từ các yếu tố cơ bản như: Nền giáo dục để tạo ra nguồn nhân lực, chỉ số sáng tạo và công nghệ thông tin. Theo đó, quy mô giáo dục Việt Nam không ngừng được phát triển cả về chất và lượng; cơ sở vật chất được nâng cao, chất lượng đào tạo từng bước đáp ứng yêu cầu về nhân lực. Nhiều chỉ số về giáo dục phổ thông của Việt Nam được đánh giá cao trong khu vực.

Các chỉ số đánh giá kinh tế tri thức của Việt Nam có sự tăng trưởng đáng kể sau một thập kỷ. Theo xếp hạng về Chỉ số kinh tế tri thức (KEI) của World Bank, Việt Nam xếp thứ 104/146 quốc gia

và vùng lãnh thổ trong năm 2012 với 3,4 điểm, tăng so với thứ hạng 113/146 vào năm 2000 nhưng vẫn thấp hơn nhiều các nước Đông Nam Á tại thời điểm đó. Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) năm 2012-2013 của Việt Nam là 4,11, xếp thứ 75/144 quốc gia và vùng lãnh thổ. Tuy nhiên, đến năm 2021, thứ hạng của Việt Nam đã tăng lên đáng kể, đứng ở vị trí thứ 64/137 quốc gia và vùng lãnh thổ. Các số liệu về kinh tế tri thức năm 2021 cho thấy, Việt Nam đứng thứ ba về phát triển kinh tế tri thức trong khu vực ASEAN. Năm 2023, Chỉ số đổi mới sáng tạo (GII) của Việt Nam tăng 2 bậc so với năm 2022, xếp thứ 46/132 quốc gia/nền kinh tế, duy trì vị trí thứ 2 trong nhóm 36 nền kinh tế thu nhập trung bình thấp. Thêm vào đó, nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghệ cao của kinh tế tri thức đặc biệt được chú trọng, ưu tiên phát triển. Không chỉ từ phía Chính phủ, các doanh nghiệp Việt cũng ngày càng quan tâm nhiều hơn đến việc đầu tư cho nghiên cứu, phát triển triển khoa học và công nghệ.



### **Tập trung phát triển kinh tế tri thức với trọng tâm là nguồn nhân lực**

Trong thời đại hội nhập, việc đặt kinh tế tri thức Việt Nam vào bản đồ kinh tế tri thức thế giới được coi là tất yếu; qua đó tạo cơ hội để nắm bắt, vận dụng tri thức, công nghệ mới để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để phát triển kinh tế tri thức, Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục hoàn thiện thể chế, khung khổ pháp lý phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển các ngành thuộc kinh tế tri thức. Hỗ trợ các điều kiện cần thiết để phát huy vai trò của khoa học và công nghệ, hướng đến kinh tế tri thức. Tạo ra môi trường pháp lý lành mạnh, thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo, khuyến khích các chủ thể kinh tế phát huy tối đa tiềm năng của mình, trong đó nhấn mạnh các vấn đề về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, bản quyền...

*Thứ hai*, đầu tư hơn nữa cho khoa học và công nghệ, giải quyết mối quan hệ giữa khoa học - công nghệ và tri thức; khuyến khích mạnh sự sáng tạo và ứng dụng các thành tựu tri thức, khoa học - công nghệ vào thực tiễn vào tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin, tạo nền tảng cho nghiên cứu và phát triển khoa học - công nghệ, qua đó, khơi dậy mọi tiềm năng, nội lực trong nước. Tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI), thương mại quốc tế có chọn lọc, hướng vào chuyển giao tri thức, nâng cao trình độ công nghệ trong nước, tham gia vào các phân khúc cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu...

*Thứ ba*, phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới

sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bút phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Chú trọng nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực. Tăng cường ứng dụng công nghệ cao vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội, có tác động lan tỏa, dẫn dắt việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu.

*Thứ tư*, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu cầu thực tiễn thông qua khuyến khích đội ngũ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, cán bộ quản lý, sản xuất kinh doanh, kỹ sư, công nhân bậc cao trong các ngành kinh tế mũi nhọn tự trau dồi kiến thức, kỹ năng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, không chỉ đáp ứng yêu cầu của công việc mà còn định hướng phát triển bền vững các lĩnh vực trong tương lai. Trong đó, để có được nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế tri thức như hiện nay, phải tạo được chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo bằng cách nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực cho kinh tế tri thức. Bên cạnh đó, cần có chính sách đặc biệt phát triển mạng lưới kết nối nhân tài người Việt Nam, thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài, kết hợp nội lực để bắt kịp xu thế phát triển khoa học - công nghệ tiên tiến, phục vụ cho mục tiêu hiện đại hóa lực lượng sản xuất của đất nước.

Trong các giải pháp vừa nêu, phát triển nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ tri thức được đặt vào vị trí

trung tâm của các giải pháp phát triển kinh tế tri thức tại Việt Nam. Để xây dựng được nền kinh tế tri thức, phát triển nguồn lực con người được coi là một trong những giải pháp mang tính quyết định, ảnh hưởng đến sự thành công của cả tiến trình. Phát triển nguồn nhân lực cũng được nhấn mạnh tại văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII: *"Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người"*.

Nghị quyết 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới xác định quan điểm: *"Đội ngũ trí thức là lực lượng lao động trí óc, có trình độ học vấn cao, chuyên môn sâu về một lĩnh vực, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo;... có trách nhiệm tiên phong, tạo ra sản phẩm tinh thần, vật chất chất lượng cao cho xã hội, là nguồn lực đặc biệt trong phát triển kinh tế tri thức, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"*.

Với vai trò và tầm quan trọng kể trên, phát triển kinh tế tri thức tại Việt Nam cần có sự đồng bộ từ nhiều nguồn lực khác nhau, trong đó cần chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Qua đó phát huy nguồn lực, đồng thời xác định rõ thời cơ, thách thức để tận dụng cơ hội phát triển, góp phần nhận diện nền kinh tế tri thức Việt Nam trên bản đồ kinh tế tri thức thế giới./.



# NGHỊ QUYẾT 02/2024: ĐIỂM TỰA PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP

ThS. Lê Thị Huyền Trang  
Học viện Ngân hàng



Đầu năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 02/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Theo giới chuyên gia, Nghị quyết được kỳ vọng là điểm tựa, đem lại nguồn sinh khí mới cho doanh nghiệp phục hồi và phát triển.

## Cải cách tạo điểm tựa thúc đẩy phát triển doanh nghiệp

Từ năm 2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu cho Chính phủ hàng năm ban hành Nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia (Nghị quyết 19/NQ-CP và Nghị quyết 02/NQ-CP).

Năm 2023, Chính phủ gộp nhiệm vụ cải cách môi trường kinh doanh vào thành một nội dung của Nghị quyết 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm nhằm khẳng định môi trường kinh doanh là nhiệm vụ trong điều hành và phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, do chỉ là một trong các nhiệm vụ của Nghị quyết 01/NQ-CP nên mức độ quan tâm, động lực cải cách của các Bộ, ngành, địa phương mờ nhạt hơn.

Trong khi đó, năm 2023, doanh nghiệp tiếp tục đối mặt

với nhiều khó khăn, thách thức cả từ bên ngoài cũng như lực cản trong nước; tại nhiều lĩnh vực rào cản đầu tư, kinh doanh trở nên nặng nề hơn; môi trường kinh doanh chạm đến những vấn đề khó, mang tính liên ngành. Điều này tác động không nhỏ tới niềm tin và động lực của nhà đầu tư, doanh nghiệp. Do đó, nguồn lực doanh nghiệp chưa được khơi thông hiệu quả.

Trong bối cảnh đó, để hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp phục hồi và phát triển, năm 2023, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời chỉ đạo, sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách theo thẩm quyền và quyết liệt triển khai nhiều giải pháp để tháo gỡ khó khăn, khơi thông các điểm nghẽn thể chế cho doanh nghiệp. Nhờ đó, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, giải ngân vốn đầu tư công đạt kết quả tích cực. Kết quả này tạo đà phục hồi và phát triển cho khu vực tư nhân, đồng thời xếp hạng

tín nhiệm quốc gia được cải thiện. Trên các bảng xếp hạng quốc tế, hiệu quả thị trường tăng hạng đáng kể, từ thứ hạng 105 (năm 2020) lên thứ hạng 90 (năm 2021), 84 (năm 2022) và đạt thứ hạng 72 (năm 2023); Chỉ số Phát triển bền vững (SDG) tăng điểm liên tục qua các năm, hiện xếp thứ 55 (năm 2022); Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2023 ở vị trí thứ 46, tăng 2 bậc so với năm 2022.

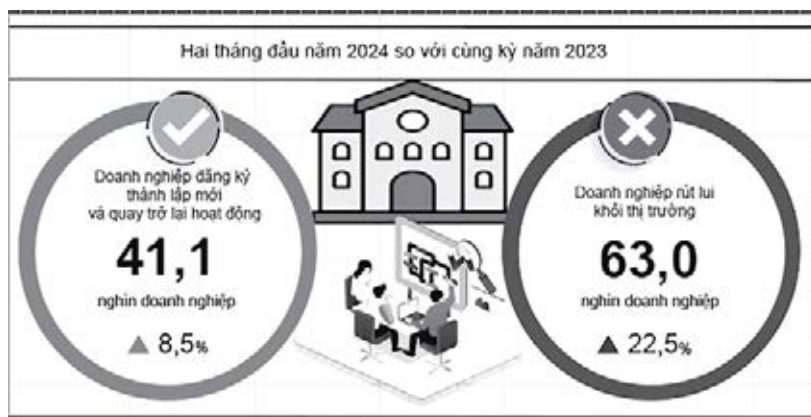
Mặc dù có nhiều cải thiện trên bảng xếp hạng toàn cầu, song tình hình hoạt động của doanh nghiệp năm 2023 lại gặp khó khăn hơn so với các năm trước. Số doanh nghiệp thành lập mới, quay trở lại hoạt động, vốn đăng ký và lao động đều giảm so với cùng kỳ năm 2022, trong khi số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường cao hơn nhiều so với cùng kỳ. Năng lực hấp thụ vốn sụt giảm khiến tăng trưởng tín dụng chậm, mặc dù Ngân hàng Nhà nước liên tục hạ lãi suất điều hành; xuất khẩu vẫn gặp nhiều khó khăn, chậm phục hồi...

Dự báo năm 2024, các thuận lợi, khó khăn vẫn tiếp tục đan xen, nhưng khó khăn nhiều hơn. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, quý I/2024, tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động đạt gần 59,9 nghìn doanh nghiệp, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm 2023. Bình quân một tháng có gần 20 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Trong khi đó, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 53,4 nghìn doanh nghiệp, tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước; hơn 15,5 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 21,7%; 5,1 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 10,1%. Bình quân một tháng có gần 24,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Như vậy, so sánh giữa số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động với số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, trong quý I/2024, tổng số doanh nghiệp nước ta giảm 14,1 nghìn doanh nghiệp, bình quân một tháng giảm 4,7 nghìn doanh nghiệp.

Thực tế này cho thấy, doanh nghiệp đang đối mặt với rất nhiều thách thức, khó khăn. Hơn lúc nào hết nỗ lực cải cách môi trường kinh doanh cần tăng tốc và thực thi thực chất để củng cố niềm tin và tạo động lực kinh doanh cho cộng đồng doanh nghiệp.

Nhằm giúp cộng đồng doanh nghiệp tháo gỡ những khó khăn trên, Chính phủ đã khôi phục lại Chương trình cải cách, cải thiện môi trường kinh doanh bằng việc ban hành Nghị quyết số 02 nhằm khơi dậy động lực, tinh thần cải cách của các bộ, ngành, địa phương.

Sự trở lại của Nghị quyết 02/2024 mang theo thông điệp rằng cải thiện môi trường kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên, thể hiện mức độ quan tâm và đồng hành của Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp. Giới chuyên gia đánh giá, Nghị quyết số 02/NQ-CP kỳ vọng góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư, doanh nghiệp về sự đồng hành của Chính phủ; khơi dậy động lực, tinh thần kinh doanh; từ đó thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế.



Nghị quyết số 02 (năm 2024): Mục tiêu dài hạn								
ĐẾN NĂM 2025								
Phát triển bền vững: Nhóm 50 nước đứng đầu	Năng lực đổi mới sáng tạo: tăng ít nhất 3 bậc	Chính phủ điện tử: tăng ít nhất 5 bậc	Duyên tài sản: tăng ít nhất 2 bậc	Hiệu quả logistics: tăng ít nhất 4 bậc	Năng lực phát triển du lịch và lữ hành: tăng ít nhất 2 bậc	An toàn an ninh mạng: duy trì thuộc nhóm 30 nước đứng đầu		
Nghị quyết số 02 (năm 2024): Mục tiêu cụ thể								
NĂM 2024								
Về phát triển doanh nghiệp:	Một số chỉ tiêu về cải cách thủ tục hành chính	Về năng lực đổi mới sáng tạo		Về quyền tài sản	Về hiệu quả logistics tăng ít nhất 0,2 điểm	Về năng lực phát triển du lịch và lữ hành:		
Số doanh nghiệp gia nhập thị trường: tăng ít nhất 10% so với năm 2023	Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường: tăng dưới 10%	Hệ tổng công nghệ thông tin: tăng ít nhất 3 bậc	Chất lượng môi trường: tăng ít nhất 10 bậc	Xuất khẩu dịch vụ ICT: tăng ít nhất 5 bậc	Đăng ký tài sản: tăng ít nhất 2 bậc	Thủ tục thông quan: tăng ít nhất 0,2 điểm	Mức độ ưu tiên cho du lịch và lữ hành: ít nhất 5 bậc	Hệ tổng dịch vụ du lịch: tăng ít nhất 3 bậc

**Cải cách có trọng tâm, đem lại nguồn sinh khí mới cho doanh nghiệp phục hồi và phát triển**

Với thông điệp rõ ràng, tiếp tục đẩy mạnh cải cách, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo niềm tin về sự đồng hành của Chính phủ với doanh nghiệp, Nghị quyết số 02/NQ-CP được thiết kế tổng thể với mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp đến năm 2025 và một số nhiệm vụ trọng tâm ngay trong năm nay.

Theo đó, Chính phủ tiếp tục xác định các mục tiêu cải cách theo thông lệ quốc tế, có chọn lọc trọng tâm để phù hợp với vấn đề, bất cập, tồn tại của từng năm. Theo đó, đặt ra cụ thể một số mục tiêu nâng hạng các chỉ số quốc tế như: Phát triển bền vững thuộc Nhóm 50 nước đứng đầu; Năng lực Đổi mới sáng tạo toàn cầu tăng ít nhất 3 bậc; Chính phủ điện tử tăng ít nhất 5 bậc; Quyền tài sản tăng ít nhất 2 bậc; Hiệu quả logistics tăng ít nhất 4 bậc; Năng lực phát triển du lịch và lễ hành tăng ít nhất 2 bậc; và An toàn an ninh mạng thuộc nhóm 30 nước đứng đầu...

Đồng thời, Chính phủ cũng xác định mục tiêu cụ thể về số doanh nghiệp gia nhập thị trường năm 2024 tăng ít nhất 10% so với năm 2023; số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường năm 2024 tăng dưới 10% so với năm 2023. Mục tiêu cuối cùng là để doanh nghiệp thành lập nhiều hơn, hoạt động thuận lợi hơn, hiệu quả hơn và số doanh nghiệp dừng, tạm dừng hoạt động, đóng cửa giảm đi, tăng số lượng doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số.

Để thực hiện các mục tiêu này, Chính phủ xác định 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong năm 2024, đồng thời gắn với trách nhiệm cụ thể của các bộ, ngành, cơ quan, địa phương.

**7 nhóm giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết 02 năm 2024**



Những nhóm giải pháp này hướng tới giải quyết các vướng mắc, bất cập cụ thể và đang gây cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp. Trong đó, có những giải pháp có thể thực hiện ngay; có những giải pháp cần có sự phối hợp và hoàn thiện trong dài hạn hơn.

Các chuyên gia kinh tế cho rằng, với những giải pháp cải cách có trọng tâm, trọng điểm của Chính phủ, cùng với sự vào cuộc của các bộ, ngành, Nghị quyết số 02/NQ-CP kỳ vọng sẽ đem lại luồng sinh khí mới, giúp cộng đồng doanh nghiệp phục hồi và phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới./.

**N**ăng lượng tái tạo (NLTT) đang trở thành xu hướng toàn cầu và dần thay thế nguồn năng lượng truyền thống hóa thạch có chỉ số phát thải cao hơn như than đá, dầu mỏ...

Có đường bờ biển dài hơn 3.260 km, với tốc độ gió trung bình 7 m/s; các tỉnh Tây Nguyên, Nam bộ và Nam Trung bộ có bức xạ mặt trời cao trung bình 1.387-1.534 Kwh/KWp/năm cùng diện tích rừng lớn, Việt Nam có tiềm năng lớn để đầu tư phát triển nguồn NLTT mới như: Điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối, điện sóng biển... Do đó, NLTT là một trong những lĩnh vực được ưu tiên nhất cho đầu tư trong những năm gần đây.

Nhờ các chính sách khuyến khích của Đảng, Nhà nước, trong 04 năm (2019-2022), NLTT ở Việt Nam đã có sự phát triển rất nhanh, đặc biệt là của điện mặt trời và điện gió. Theo số liệu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại Diễn đàn Kinh tế - Xã hội Việt Nam năm 2023 được tổ chức với chủ đề "Tăng cường năng lực nội sinh, kiến tạo động lực cho tăng trưởng và phát triển bền vững", đến hết năm 2022, đã có 8908 MW điện mặt trời, 7660MW điện mặt trời áp mái, 5059 MW điện gió, 395 MW điện sinh khối và điện chất thải rắn trong tổng công suất nguồn điện. Tổng công suất đặt của các nguồn điện gió và mặt trời đã chiếm gần 27% tổng công suất đặt của hệ thống, trong đó điện gió chiếm 6,27% và điện mặt trời chiếm 19,53%, đưa Việt Nam trở thành một trong các nước đi đầu về công suất lắp đặt điện NLTT trên thế giới và trong khu vực.

Còn theo Viện Năng lượng (Bộ Công Thương), về phát triển năng lượng điện mặt trời, tính đến cuối năm 2022, có 145 dự án điện mặt trời trang trại với tổng công suất 8.908 MW và sản lượng điện 15.293 GWh. Bên cạnh đó, Việt Nam có hơn 100 nghìn điểm điện mặt trời mái nhà với công suất 9.608 MWp sản lượng phát lên lưới đạt gần 13 tỷ kWh. Các địa phương có quy mô công suất lớn về điện mặt trời mái nhà là Bình Dương, Đồng Nai, Đắk Lắk, Gia Lai, Bình Phước, Long An... Quy mô đầu tư cho nguồn điện gió,



# CỜ TRỜI NÚT THẮT CƠ CHẾ CHO PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

ThS. Mai Thị Châu Lan - ThS. Nguyễn Thị Phương Liên  
Đại học Công nghiệp Hà Nội

điện mặt trời ước tính gần 20 tỷ USD. Dư nợ tín dụng xanh cho năng lượng tái tạo tính đến cuối năm 2022 là 233 nghìn tỷ đồng, chiếm 2,4% tổng GDP năm 2022.

Các dự án khai thác điện gió, điện mặt trời đã phát triển mạnh ở các tỉnh ven biển miền Trung và miền Nam, đơn cử như Trang trại điện gió Bạc Liêu – cánh đồng điện gió ngoài khơi lớn nhất Việt Nam và là biểu tượng cho sự đổi mới và phát triển của ngành năng lượng xanh nước ta. Điều đáng nói, các dự án NLTT đã giúp nhiều vùng đất hoang hóa, khô cằn tại các tỉnh như Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk, Đắk Nông... được khai thác sử dụng đem lại giá trị kinh tế, xã hội to lớn cho địa phương.

Để hiện thực hóa Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 Việt Nam đưa ra tại COP26, tháng 3/2023, một trong những

hành động mang tính chiến lược của Chính phủ là phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII). Quy hoạch đặt mục tiêu bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với đó, thực hiện thành công chuyển đổi năng lượng công bằng gắn với hiện đại hóa sản xuất, xây dựng lưới điện thông minh, quản trị hệ thống điện tiên tiến, phù hợp với xu thế chuyển đổi xanh, giảm phát thải, phát triển khoa học công nghệ của thế giới; hình thành hệ sinh thái công nghiệp năng lượng tổng thể dựa trên năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

Quy hoạch điện VIII xác định, điện mặt trời và điện gió (bao gồm điện gió trên bờ và ngoài khơi) sẽ là hai nguồn phát điện chính vào năm 2050, chiếm tới 63% cơ cấu nguồn điện quốc gia. Trong đó, điện mặt trời chiếm 34% và điện gió chiếm 29%. Ngược lại, nhiệt điện than

sẽ giảm từ 33% năm 2022 xuống còn 22% vào năm 2030 và đến năm 2050 không còn sử dụng than để phát điện.

Đứng trước các nguy cơ về đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đảm bảo nguồn điện cho phát triển kinh tế và quy hoạch phát triển ngành điện trong giai đoạn sắp tới phù hợp với xu thế chung của ngành năng lượng thế giới, Quy hoạch điện VIII được kỳ vọng là giải quyết các vấn đề hiện tại về phát triển hệ thống nguồn phát điện Việt Nam theo xu hướng chung của ngành năng lượng thế giới; tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của ngành điện cũng như nền kinh tế Việt Nam và là cơ hội lớn của các nhà đầu tư.

Để thích ứng với bối cảnh tình hình chuyển dịch năng lượng trên thế giới và nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước, phát triển năng lượng đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường, sinh thái, tháng 7/2023, Chính phủ tiếp tục phê duyệt Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia



thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch được xây dựng nhằm bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống của Nhân dân, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện thành công chuyển đổi năng lượng góp phần quan trọng đáp ứng mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Ngành năng lượng phát triển hài hòa giữa các phân ngành với hạ tầng đồng bộ và thông minh, đạt trình độ tiên tiến của khu vực, phù hợp với xu thế phát triển khoa học công nghệ của thế giới. Cùng với đó, phát triển ngành công nghiệp năng lượng độc lập tự chủ; hình thành hệ sinh thái công nghiệp năng lượng tổng thể dựa trên năng lượng tái tạo, năng lượng mới, hướng tới trở thành một trung tâm công nghiệp năng lượng sạch và xuất khẩu năng lượng tái tạo của khu vực.

Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tạo ra định hướng cho phát triển ngành năng lượng Việt Nam theo mục tiêu cao nhất đề ra trong Nghị quyết số 55-NQ/TW về «Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045».

Theo Quy hoạch, Việt Nam đặt ra định hướng đến năm 2030 tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng năng lượng sơ cấp 15 - 20% và năm 2050 khoảng 80 - 85%. Mức thải khí nhà kính khoảng 399 - 449 triệu tấn năm 2030 và khoảng 101 triệu tấn vào năm 2050. Mục tiêu cắt giảm khí nhà kính 17 - 26% vào năm 2030 và khoảng 90% vào năm 2050 so với kịch bản phát triển bình thường. Hướng tới đạt mức

phát thải đỉnh vào năm 2030 với điều kiện các cam kết theo Thỏa thuận hợp tác chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP) được các đối tác quốc tế thực hiện đầy đủ, thực chất. Đồng thời, tập trung phát triển ngành công nghiệp năng lượng hướng tới trở thành trung tâm công nghiệp năng lượng sạch và xuất khẩu năng lượng tái tạo của khu vực, hình thành và phát triển các trung tâm năng lượng tái tạo tại các vùng và các địa phương có lợi thế. Đến năm 2030, hình thành và phát triển một số trung tâm năng lượng sạch bao gồm sản xuất và sử dụng năng lượng, công nghiệp chế tạo thiết bị năng lượng tái tạo, chế biến dầu khí, xây dựng, lắp đặt, dịch vụ liên quan tại một số vùng kinh tế trong nước; phát triển sản xuất năng lượng mới phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được đánh giá là một quy hoạch "mở" hơn, giải quyết phát triển hài hòa các phân ngành năng lượng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động quản lý nhà nước trong ngành năng lượng và khuyến khích thu hút đầu tư vào lĩnh vực này.

Nhờ được "cởi trói" từ cơ chế, trong năm 2023 vừa qua, ngành năng lượng Việt Nam đã đạt nhiều kết quả tốt trong cung cấp năng lượng cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, dù cho khủng hoảng năng lượng đã xảy ra tại nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới, gây áp lực lớn đến cung cấp năng lượng cho Việt Nam. Theo Hiệp hội Năng lượng Việt Nam, đến cuối năm 2023, tổng công suất nguồn điện Việt Nam khoảng 80.556 MW, tăng 2.800 MW, tương ứng với tăng 3,5% so với năm 2022. Điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống là 280,6 tỷ kWh, tăng 4,56%

so với năm 2022. Quy mô hệ thống điện Việt Nam hiện đứng đầu khu vực ASEAN. Sản xuất điện đạt tới 99,99% kế hoạch năm.

Bên cạnh đó, sản lượng khai thác than và dầu cũng đạt những con số khích lệ. Toàn ngành than khai thác sản lượng ước đạt 43,5 triệu tấn; sản lượng than tiêu thụ đạt 58,9 triệu tấn; than cung cấp cho sản xuất điện (riêng TKV) đạt 40,1 triệu tấn, tăng 15% so với năm 2022 và nộp ngân sách tại Quảng Ninh 20.900 tỷ đồng. Sản lượng khai thác dầu của PVN trong năm 2023 đạt 10,41 triệu tấn, vượt 12,1% kế hoạch năm và sản lượng khai thác khí đạt 7,47 tỷ m<sup>3</sup>, vượt 25,7% so với kế hoạch, bằng 92% so với khả năng khai thác của Tập đoàn.

Nhờ những chính sách và hành động mạnh mẽ, Việt Nam đã trở thành thị trường sôi động bậc nhất khu vực châu Á - Thái Bình Dương và dẫn đầu Đông Nam Á trong lĩnh vực phát triển điện gió và điện mặt trời.

Ngày 01/3/2024 mới đây, Chính phủ Việt Nam có thêm hành động mạnh mẽ, phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, kiên định mục tiêu bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia; cung cấp đầy đủ năng lượng ổn định, có chất lượng cao



với giá cả hợp lý cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống của Nhân dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Tiến hành chuyển đổi năng lượng góp phần quan trọng đáp ứng mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Ngành năng lượng phát triển hài hòa giữa các phân ngành với hạ tầng đồng bộ và thông minh, đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN. Xây dựng thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước kết hợp với xuất, nhập khẩu năng lượng hợp lý; triệt để thực hành tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng. Chủ động sản xuất được một số thiết bị chính trong các phân ngành năng lượng; nâng cấp, xây dựng lưới điện truyền tải, phân phối điện tiên tiến, hiện đại.

Mục tiêu cụ thể của Chiến lược là đáp ứng nhu cầu năng lượng trong nước, phục vụ cho các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng năng lượng sơ cấp 15 - 20% năm 2030 và 65 - 70% năm 2045.

Chiến lược khuyến khích và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ

các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hóa thạch. Ưu tiên sử dụng năng lượng gió và mặt trời cho phát điện. Khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn. Theo định hướng này, Việt Nam sẽ hình thành và phát triển một số trung tâm năng lượng tái tạo tại các vùng và các địa phương có lợi thế; xây dựng định hướng phát triển năng lượng địa nhiệt, sóng biển, thủy triều, hải lưu; triển khai một số mô hình ứng dụng, tiến hành khai thác thử nghiệm để đánh giá hiệu quả; xây dựng một số đề án thử nghiệm sản xuất và khuyến khích sử dụng năng lượng hydro phù hợp với xu thế chung của thế giới.

Bên cạnh đó, thúc đẩy việc phát triển của các dạng năng lượng tái tạo bao gồm nhiên liệu sinh học, hydro, amoniac và các nhiên liệu tổng hợp có nguồn gốc từ hydro sử dụng trong sản xuất điện, giao thông vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không), công nghiệp (thép xanh, hóa chất, lọc hóa dầu), tòa nhà dân dụng và thương mại (nhiệt) nhằm góp phần đẩy mạnh chuyển dịch năng lượng và từng bước phi các-bon hóa nền kinh tế. Xây dựng lộ trình công nghệ cho sản xuất, sử dụng nhiên liệu hydro và các nhiên liệu có nguồn gốc từ hydro; pin nhiên liệu (fuel cell) sử dụng cho hoạt động giao thông vận tải và các mục đích khác.

Để làm được điều đó, các cơ chế, chính sách, đặc biệt là chính sách đặc thù cho một số dự án năng lượng quan trọng, sẽ tiếp tục được rà soát, điều chỉnh. Việt Nam đồng thời thực hiện cơ cấu lại toàn diện các doanh nghiệp nhà nước

trong lĩnh vực năng lượng theo hướng tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi, có thế mạnh; tạo lập môi trường thuận lợi, minh bạch; công khai quy hoạch, danh mục các dự án đầu tư, xoá bỏ mọi rào cản để thu hút vốn FDI, khuyến khích các thành phần kinh tế trong nước tham gia đầu tư, phát triển các dự án năng lượng trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực tổng thể và các chương trình đào tạo cho những khâu then chốt của ngành năng lượng; tăng cường hợp tác, quan hệ quốc tế và khu vực về năng lượng trong tất cả các phân ngành, lĩnh vực phù hợp với xu thế hội nhập, tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại, các quan hệ chính trị - ngoại giao thuận lợi để phát triển năng lượng.

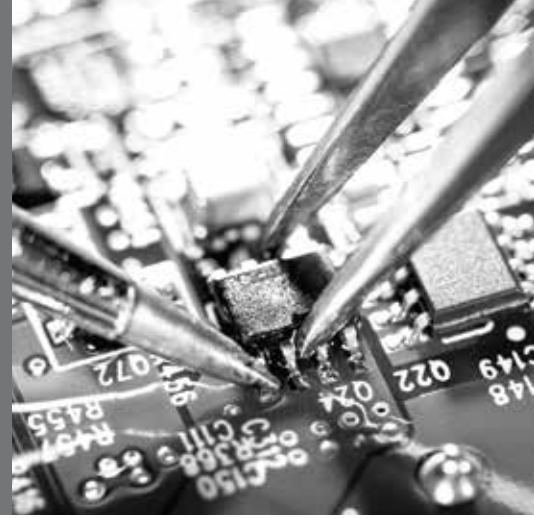
Trước bối cảnh các quốc gia đang nỗ lực chống lại biến đổi khí hậu, vai trò của NLTT trong giảm lượng khí thải carbon toàn cầu sẽ ngày càng trở nên quan trọng hơn. Việc tận dụng tiềm năng để phát triển NLTT cũng là đòi hỏi cần thiết, nếu không Việt Nam có thể phải đối mặt với hàng loạt rủi ro: Mất điện liên tục, mất lợi thế trong chuỗi cung ứng (do không kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng năng lượng tái tạo ngày một tăng của các doanh nghiệp nước ngoài), nền kinh tế bị ảnh hưởng nếu phải chịu thêm thuế carbon và rộng hơn là rủi ro về biến đổi khí hậu, mất cơ hội vào tay các quốc gia láng giềng... Do đó, Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được đánh giá như chìa khóa gỡ bỏ những nút thắt về cơ chế để Việt Nam phát triển NLTT, đẩy nhanh thực hiện cam kết "net zero" và trở thành quốc gia hàng đầu ở Đông Nam Á có nền kinh tế NLTT có giá trị cao nhất khu vực./





# TẬN DỤNG TỐT CƠ HỘI PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP ĐIỆN TỬ

Linh Nguyễn



Công nghiệp điện tử được đánh giá là ngành công nghiệp mũi nhọn và đóng vai trò lớn trong xuất khẩu. Theo Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tỷ trọng ngành điện tử, công nghệ thông tin chiếm 12 - 13% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 75 - 80% nhu cầu thị trường vào năm 2030.

## Tận dụng tốt cơ hội phát triển

Công nghiệp điện tử là ngành sản xuất có vị trí then chốt trong nền kinh tế và tác động lan tỏa mạnh mẽ đến các ngành công nghiệp khác. Theo Tổng cục Thống kê, Điện tử là mặt hàng chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Năm 2020, xuất khẩu sản phẩm điện tử, máy vi tính và linh kiện tăng 22,8% so với năm trước, chủ yếu do doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng lớn trong sản xuất và xuất khẩu, đưa Việt Nam dần trở thành công xưởng sản xuất và lắp ráp linh kiện cho các sản phẩm điện tử của nhiều hãng lớn trên thế giới như: Samsung, LG, Canon, Toshiba... Năm 2023, xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 313,73 tỷ USD, chiếm 88,3%. Các mặt hàng điện tử, máy tính và linh kiện, điện thoại và linh kiện là một trong những mặt hàng đạt giá trị trên 10 tỷ USD. Quý I năm 2024, các mặt hàng Điện tử, máy tính và linh kiện, Điện thoại và linh kiện là một trong những mặt hàng đạt giá trị trên 5 tỷ USD

Cùng với máy vi tính và sản phẩm quang học, ngành sản xuất sản phẩm điện tử là ngành

chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các ngành công nghiệp và phát triển bứt phá mạnh mẽ trong những năm gần đây. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ngành Điện tử đạt mức tăng cao nhưng tốc độ tăng không đồng đều giữa các năm: Năm 2016 tăng 12,5%; năm 2017 tăng 35,2%; năm 2018 tăng 10,7%; năm 2019 tăng 1,8%; năm 2020 tăng 12%, bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 13,9%/năm.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực công nghệ chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Theo Tổng cục Thống kê, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2023 ước đạt 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 19,08 tỷ USD, chiếm 82,3% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện. Ba tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam ước đạt 4,63 tỷ USD, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư

trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của ba tháng đầu năm trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 3,61 tỷ USD, chiếm 78% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện.

Một số tập đoàn quốc tế lớn đầu tư vào Việt Nam thời gian qua có thể kể đến như: Samsung, LG, Intel, Canon, Apple, Microsoft, Panasonic, Electronics, Nokia... Sản xuất các sản phẩm điện tử trong nước ngày càng được cải thiện như: Đa dạng về chủng loại, mẫu sắc, mẫu mã, có chất lượng tốt, đáp ứng phần lớn nhu cầu trong nước và xuất khẩu đi nhiều quốc gia trên thế giới. Trong đó, nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đã khai thác tốt các thị trường truyền thống và tìm kiếm, phát triển các thị trường mới.

Trong những năm qua, Bộ Công Thương cũng đã hợp tác và triển khai nhiều chương trình đem lại hiệu quả thiết thực góp phần nâng cao năng lực cho ngành công nghiệp hỗ trợ. Hiệu quả trong hợp tác phải kể đến Chương trình hợp tác với Samsung về đào tạo chuyên gia tư vấn lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; nâng cao năng lực

canh tranh, tính tự chủ và khả năng tham gia vào các chuỗi sản xuất toàn cầu cho doanh nghiệp. Bộ đã chủ động nâng cao năng lực cạnh tranh và tìm kiếm nhà cung cấp tiềm năng, giúp doanh nghiệp trong nước gắn kết với các tập đoàn đa quốc gia, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Bộ Công Thương cũng đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.

Bên cạnh đó, Hiệp hội Doanh nghiệp điện tử Việt Nam cũng đã tiếp nhận nhiều yêu cầu kết nối với các đối tác. Thông qua Đại sứ quán và Thương vụ đã hỗ trợ kết nối khá thành công với các đối tác Canada trong thiết lập một chuỗi cung ứng tại Việt Nam. Qua đó cho thấy, năng lực cung ứng của doanh nghiệp nội địa ngày càng tăng lên và nhận được sự tin tưởng của nhiều tập đoàn tên tuổi thế giới.

### **Đẩy mạnh phát triển công nghiệp điện tử**

Hiện, ngành sản xuất điện tử trong nước có một số lợi thế nhất định để phát triển như: Việt Nam đang có thị trường xuất khẩu quốc tế rộng lớn với việc mở rộng quan hệ quốc tế và tham gia vào các hiệp định thương mại tự do (FTAs); Có vị trí địa lý nằm trong khu vực có nền công nghiệp phát triển nhanh và năng động. Thị trường nội địa Việt Nam với 100 triệu dân và khả năng tiếp cận trực tiếp với thị trường của các nước ASEAN; Có nguồn lao động dồi dào, khả năng học hỏi nhanh trong khai thác, sử dụng và lắp ráp các thiết bị điện tử, kể cả các thiết bị điện tử hiện đại. Việt Nam đang đứng trước cơ hội để có thể phát triển và tham gia sâu vào chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng toàn cầu của các ngành công nghiệp

công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông. Để ngành công nghiệp điện tử phát triển, Việt Nam cần tận dụng tốt hơn nữa các cơ hội này trong thời gian tới.

Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 1/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 xác định điện tử là một trong các ngành được ưu tiên xem xét, lựa chọn các sản phẩm để đầu tư, phát triển.

Trước đó, ngày 9/6/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 880/QĐ-TTg về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, xây dựng ngành điện tử, công nghệ thông tin trở thành ngành công nghiệp chủ lực để tạo cơ sở hỗ trợ cho các ngành khác phát triển; Tiếp tục phát triển phương thức lắp ráp các thiết bị điện tử, tin học để đáp ứng nhu cầu sản phẩm điện tử trong nước và tham gia xuất khẩu; tăng cường liên kết với các tập đoàn điện tử, tin học lớn trên thế giới để tiếp nhận công nghệ hiện đại và tăng năng lực sản xuất linh kiện trong nước; Khuyến khích phát triển sản xuất các sản phẩm phần mềm tin học phục vụ cho các ngành công nghiệp và tham gia vào thị trường xuất khẩu.

Đến năm 2030, tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành điện tử, công nghệ thông tin đạt 19 - 21%; tỷ trọng ngành điện tử, công nghệ thông tin chiếm 12 - 13% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 75 - 80% nhu cầu thị trường; Phần đầu tư cung cấp 80% nhu cầu phần mềm cho cả nước; Đa dạng hóa chủng loại, mẫu mã các thiết bị phần cứng đáp ứng trên 70% nhu cầu trong nước, tăng tỷ trọng thiết bị không dây

theo nhu cầu; Thiết bị, công nghệ hoàn toàn chuyển sang kỹ thuật số.

Trong quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử, tập trung vào các dịch vụ cung ứng giải pháp, thiết kế, trong đó đầu tư vào các dịch vụ cao cấp để hỗ trợ cho sản xuất phần mềm, phần cứng chuyên dụng; nghiên cứu thiết kế, phát triển sản phẩm mới, trong đó tập trung xây dựng các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, giải mã công nghệ; đẩy mạnh nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp cho công nghiệp điện tử: Cung ứng linh phụ kiện, logistic, cung ứng hạ tầng, bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ có chất lượng cao.

Ngoài ra, để chủ động và phát triển nhanh, bền vững cho ngành công nghiệp điện tử hiện nay, theo các chuyên gia, các doanh nghiệp trong nước cần tham gia nhiều hơn nữa vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung hỗ trợ một số doanh nghiệp điện tử của Việt Nam có triển vọng để phát triển và đóng vai trò dẫn dắt thị trường điện tử trong nước. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho ngành điện tử phát triển và thu hút đầu tư nước ngoài, từ đó giúp doanh nghiệp tiếp cận gần hơn với công nghệ, nâng cao năng lực tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị sản xuất. Bên cạnh đó, Việt Nam cần tiếp tục quan tâm đầu tư, xem xét ưu đãi hỗ trợ đối với các doanh nghiệp trong các công đoạn nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm sản phẩm và các chương trình xúc tiến thương mại. Phát triển ngành điện tử hài hòa cả phần cứng, phần mềm để tạo nền tảng cho đổi mới sáng tạo; tập trung hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) thông qua hợp tác chung giữa tập đoàn lớn với doanh nghiệp nhỏ và vừa./



# NGÀNH Ô TÔ VIỆT NAM

## KỶ VỌNG LẤY LẠI NHỊP TĂNG TRƯỞNG TRONG NĂM 2024

Thu Hường

Trước khi bước vào năm 2024, nhiều chuyên gia trong ngành dự báo thị trường ô tô Việt Nam sẽ sớm tìm lại đà tăng trưởng trong nửa đầu năm nay. Tuy nhiên, những diễn biến và các con số thống kê sau 2 tháng đầu năm 2024 dường như đang cho thấy những khó khăn của toàn thị trường chưa thể giải quyết được trong vài tháng tới. Theo các chuyên gia, bức tranh thị trường ô tô Việt Nam năm 2024 sẽ có 2 gam màu trái ngược nhau, nửa đầu năm sẽ vượt khó và cuối năm sẽ bứt phá.

### Khó khăn trong những tháng đầu năm

Sau năm 2022 tăng trưởng khá ấn tượng, thị trường ô tô Việt Nam bất ngờ “quay đầu”, khi chứng kiến doanh số sụt giảm mạnh trong năm 2023. Doanh số bán ô tô mới trong năm 2023 có sự sụt giảm 25% so với cùng kỳ.

Theo nhiều chuyên gia trong ngành, nguyên nhân của sự lao dốc doanh số này chủ yếu đến từ những biến động tiêu cực của tình hình kinh tế, ảnh hưởng đến ngành sản xuất, kinh doanh ô tô. Bên cạnh đó, chính những khó khăn bủa vây cũng khiến người dân thắt chặt chi tiêu, dẫn đến nhu cầu mua sắm ô tô sụt giảm mạnh.

Bước sang năm 2024, trong bối cảnh tình hình kinh tế bắt đầu cho thấy những tín hiệu tích cực trở lại, các chuyên gia dự báo ngành ô tô sẽ sớm tìm lại đà phục hồi. Tuy nhiên, doanh số bán hàng 2 tháng đầu năm lại đang cho thấy điều ngược lại, khi sự ảm đạm tiếp tục bao trùm thị trường. Theo báo cáo của Hiệp hội Các nhà Sản xuất Ô tô Việt Nam (VAMA), trong tháng 1/2024, doanh số bán hàng của các doanh nghiệp thành viên tháng 1/2024 đạt 19.243 xe các loại, giảm 50% so với tháng 12/2023 và tăng 11% so với cùng kỳ năm 2023.

Thị trường ô tô Việt Nam ghi nhận mức sụt giảm 50% so với cùng kỳ và thấp nhất trong 5 năm

gần đây. Một số chuyên gia nhận định, đây là thời điểm khó khăn nhất của các hãng xe trong năm 2024.

Tháng 2/2024, doanh số bán hàng của các doanh nghiệp thành viên tiếp tục sụt giảm mạnh khi chỉ đạt 11.633 xe các loại, giảm 40% so với tháng 01/2024 và giảm 50% so với cùng kỳ năm 2023. Đây là kết quả có thể dự báo trước khi nhu cầu tiêu dùng sụt giảm.

Bên cạnh đó, chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước quy định tại Nghị định 41/2023/NĐ-CP chỉ có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023. Điều này khiến các hãng xe đối diện với quyết định khó khăn hơn





ô tô vẫn kỳ vọng thị trường ô tô sẽ lấy lại nhịp tăng trưởng trong năm 2024. Công ty Ford Việt Nam cho rằng, những khó khăn của thị trường ô tô Việt Nam chỉ mang tính chất ngắn hạn. Thị trường ô tô Việt Nam vẫn được đánh giá là tiềm năng và đầy hấp dẫn trong mắt các nhà sản xuất. Đồng thời, tin tưởng vào những triển vọng tích cực cho thị trường này trong năm 2024.

Theo dự báo từ các chuyên gia kinh tế, thị trường ô tô Việt Nam năm 2024 sẽ tăng trưởng 10% so với năm 2023, với sự phục hồi của nền kinh tế và các ưu đãi hỗ trợ từ Chính phủ.

Về xu hướng tiêu dùng, mảng xe điện trong năm nay sẽ lan toả mạnh mẽ và nhận được nhiều sự quan tâm hơn tại thị trường Việt. Thị trường xe điện Việt Nam hiện tuy nhỏ nhưng cho thấy tiềm năng tăng trưởng. Xe điện đã trở nên phổ biến hơn ở Việt Nam (ước tính chiếm 6% doanh số tiêu thụ xe du lịch trong 2023), nhờ những nỗ lực của VinFast.

Hiện, VinFast gần như không có đối thủ ở phân khúc phổ thông khi dài sản phẩm thuần điện trải dài từ cỡ A+ đến E như VF 3, e34, 5, 6, 7, 8, 9... Những hãng như Toyota, Hyundai, Mitubishi... bán các sản phẩm hybrid hoặc thuần điện mang thêm lựa chọn cho người dùng với Crolla Cross hybrid, Xpander hybrid, SantaFe hybrid... Với các hãng xe sang, ngoài BMW và Mercedes, xe điện sẽ có thêm các lựa chọn khác từ Volvo và Porsche.

Theo BMI Research, sản lượng tiêu thụ xe điện trong ngành ô tô sẽ ghi nhận mức tăng trưởng kép tới 26% trong giai đoạn 2023-2032, tương đương với sản lượng tiêu thụ hàng năm đạt 65.000 vào năm 2032./.

đó là giảm sâu để duy trì mức ưu đãi ít nhất bằng với thời điểm cuối năm 2023 để hút khách hàng.

Trong khi đó, theo báo cáo của SSI Research, trong năm 2023, giá cổ phiếu ngành ô tô đã giảm 4% so với cùng kỳ. Bất chấp các biện pháp hỗ trợ kích cầu từ cả chính phủ và các đại lý phân phối, doanh số bán hàng vẫn thấp do người tiêu dùng có xu hướng trì hoãn mua ô tô trong thời điểm kinh tế khó khăn.

Các chuyên gia kinh tế cho rằng, với tình trạng sức mua giảm sút như hiện nay, nếu không có thêm những chính sách hỗ trợ hoặc những chương trình kích cầu mạnh tay, rất khó để kỳ vọng thị trường ô tô sớm hồi phục trong giai đoạn nửa đầu năm 2024.

Công ty Ford Việt Nam cho biết, ngành ô tô trong năm 2024 sẽ vẫn tiếp tục gặp khó do chính sách ưu đãi 50% lệ phí trước bạ đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước kết thúc, cùng với việc người dân vẫn thắt chặt chi tiêu sẽ ảnh hưởng đến doanh số và lượng xe tồn kho. Vì những lý do trên, khó khăn đối với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối ô tô tại thị trường Việt Nam sẽ còn kéo dài ít nhất tới nửa đầu năm 2024.

### **Triển vọng những tháng cuối năm sẽ lạc quan hơn**

Những bất ổn của nền kinh tế vĩ mô khiến sức mua ô tô chịu ảnh hưởng và có khả năng kéo dài trong nửa đầu năm 2024. Mặc dù vậy, đại diện một số hãng xe và các chuyên gia trong ngành đều nhận định, thị trường ô tô tại Việt Nam vẫn có cơ hội tăng trưởng trong năm nay, tuy nhiên không thể cao như những năm trước đó.

Các chuyên gia của SSI Research cho rằng, thị trường sẽ dần phục hồi với tốc độ chậm. Thị trường vẫn sẽ khó khăn trong nửa đầu năm 2024 do nhu cầu tiêu dùng vẫn còn yếu và người mua có tâm lý chờ đợi các mẫu xe mới, nhưng nhìn chung cả năm 2024 thị trường sẽ phục hồi cả về số lượng và giá trị nhờ sự phục hồi kinh tế vào nửa cuối năm, các mẫu xe mới ra mắt, tình trạng thiếu chip cho xe ô tô được giải quyết, cũng như lãi suất cho vay ở mức hấp dẫn hơn so với năm 2023. Các chuyên gia của SSI Research dự báo, mức tăng trưởng doanh số ô tô trong năm 2024 lần lượt là 9% so với năm 2023.

Với tín hiệu tích cực trong giai đoạn cuối năm 2023 cũng như sự hồi phục của nền kinh tế vĩ mô... các đơn vị sản xuất, kinh doanh



# NGÀNH DỆT MAY CẦN BƯỚC TIẾN DÀI TRONG CHUYỂN ĐỔI XANH

**ThS. Hoàng Lan Anh - ThS. Nguyễn Thị Kim Anh**  
*CSII Trường ĐH Lao động - Xã Hội TP. Hồ Chí Minh*

## Chậm chuyển đổi xanh

Nhìn lại năm 2023 có thể thấy là một năm đầy sóng gió đối với ngành dệt may với bao khó khăn bủa vây. Trên thế giới, bất ổn địa chính trị kéo dài, kinh tế toàn cầu phục hồi chậm chạp, lạm phát gia tăng khiến tổng cầu suy giảm, người tiêu dùng phải thắt chặt chi tiêu dẫn đến lượng đơn hàng xuất khẩu giảm mạnh. Bên cạnh đó, vấn đề giá đặt hàng dệt may bình quân giảm cùng với xu thế chuyển dịch đơn hàng khi các doanh nghiệp đối thủ của ngành dệt may tại Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ, Indonesia nhận được chính sách hỗ trợ phục hồi rất tốt. Điều này làm cho nhiều doanh nghiệp ngành dệt may trong nước đuối sức, phải xoay sở mọi cách để có đơn hàng, thậm chí cả những đơn hàng nhỏ lẻ, nhằm duy trì sản xuất, giữ chân người lao động.

Trong khó khăn đó, các doanh nghiệp cũng rất nỗ lực đa dạng mặt hàng xuất khẩu và tìm kiếm

Ô nhiễm môi trường đang là một trong những vấn đề nhức nhối trên toàn cầu. Trước tình trạng đó, xu hướng sản phẩm xanh nổi lên mạnh mẽ trên thị trường dệt may quốc tế, nhiều nhãn hiệu và doanh nghiệp dệt may hàng đầu trên thế giới đã và đang thay đổi chiến lược “thời trang bền vững” thay cho “thời trang nhanh”. Để thích ứng kịp với sân chơi toàn cầu đòi hỏi ngành dệt may Việt Nam có những bước đi dài hơn trong hành trình xanh hóa.

những thị trường xuất khẩu mới như châu Phi, Nga, thị trường đạo Hồi... Mặc dù vậy, sản lượng và doanh thu tại các thị trường mới chưa bù đắp được thiếu hụt của các thị trường truyền thống, khiến lần đầu tiên kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may Việt Nam giảm 11,6% so năm 2022, khi chỉ đạt 33,2 tỷ USD.

Theo đánh giá của các chuyên gia, ngoài những yếu tố dẫn đến sự sụt giảm mạnh kim ngạch xuất khẩu trên, màu xám trong bức tranh dệt may năm 2023 một phần còn do các doanh nghiệp chậm chuyển đổi xanh để có thể đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu khắt khe của các nền kinh tế lớn cũng chính là thị trường xuất khẩu truyền thống của Việt Nam.

Ô nhiễm môi trường đang là một trong những vấn đề nhức nhối trên toàn cầu. Trước tình trạng đó, xu hướng sản phẩm xanh nổi lên mạnh mẽ trên thị trường dệt may quốc tế, giúp bảo vệ môi trường,

xã hội và thu hút sự quan tâm của người tiêu dùng thông minh, tạo cơ hội kinh doanh lớn cho các doanh nghiệp có tầm nhìn và cam kết bền vững. Nhiều nhãn hiệu và doanh nghiệp dệt may hàng đầu trên thế giới đã và đang thay đổi chiến lược “thời trang bền vững” thay cho “thời trang nhanh”, đầu tư nhiều hơn vào việc sử dụng nguyên liệu hữu cơ, quá trình sản xuất bền vững và công nghệ thân thiện với môi trường. Ngoài ra, thị trường dệt may toàn cầu cũng áp đặt những tiêu chuẩn, quy định mới nghiêm ngặt mang tính bắt buộc đối với các sản phẩm dệt may nhập khẩu như cơ chế EPR (trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất), cơ chế CBAM (điều chỉnh biên giới carbon)... đòi hỏi các doanh nghiệp phải thay đổi để thích ứng.

Châu Âu luôn là một trong những thị trường xuất khẩu khó tính trên thế giới. Số liệu từ Ủy ban châu Âu (EC) cho thấy, mỗi năm một người tiêu dùng bình thường thải ra các bãi rác khoảng 12 kg quần áo thời trang không dùng, tương đương 12,6 triệu tấn chất thải dệt may cho toàn khu vực. Tuy nhiên, chỉ có 22% chất thải đó được thu gom riêng để tái sử dụng hoặc tái chế, phần còn lại thường được đốt hoặc chôn lấp. Từ những con số này, đầu tháng 7/2023, EC và cơ quan hành pháp của Liên minh châu Âu (EU) đã đề xuất Chương trình trách nhiệm nhà sản xuất mở rộng bắt buộc (EPR), yêu cầu nhà sản xuất đảm nhận trách nhiệm cho toàn bộ vòng đời của sản phẩm dệt may, đồng thời hỗ trợ sự quản lý bền vững rác thải dệt may khắp EU.

Với chương trình này, EU đặt ra những tiêu chuẩn xuất khẩu, đòi hỏi sản phẩm muốn thâm nhập thị trường phải tuân theo một loạt các quy định về môi trường

và xã hội như: Chứng nhận GOTS (Global Organic Textile Standard), đảm bảo sử dụng nguyên liệu hữu cơ và quy trình sản xuất bền vững; Chứng chỉ OEKO-TEX Standard 100 - tiêu chuẩn quốc tế đảm bảo sản phẩm dệt may không chứa các hóa chất gây hại cho sức khỏe con người. Ngoài ra, các sản phẩm dệt may nhập khẩu vào thị trường EU còn phải đảm bảo các hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất phải tuân theo quy định REACH, nhằm đảm bảo an toàn cho môi trường và người tiêu dùng. Trong trường hợp sản phẩm dệt may tạo ra lượng khí thải trong quá trình sản xuất vượt quá giới hạn quy định, các doanh nghiệp xuất khẩu cần phải báo cáo lượng khí thải này và có thể phải mua “chứng chỉ khí thải” theo mức giá carbon hiện tại tại EU. Sáng kiến trên được cho rằng sẽ thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực thu gom, phân loại, tái sử dụng và tái chế riêng cho hàng dệt may ở EU, từ đó giảm bớt tác động của sản xuất hàng dệt may đối với tài nguyên thiên nhiên.

Tương tự như EU, Mỹ cũng đưa ra tiêu chuẩn nhập khẩu sản phẩm dệt may xanh, yêu cầu các sản phẩm dệt may trước khi vào thị trường phải tuân thủ quy định về môi trường và an toàn là Chứng chỉ OEKO-TEX Standard 100. Ngoài ra, nước này còn đưa ra quy định các sản phẩm dệt may xuất khẩu phải được kiểm tra Phthalates và Lead và tuân theo quy định về khí thải, nhằm đảm bảo sản phẩm đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt về môi trường và an toàn của thị trường Mỹ. Đối với sản phẩm dệt may cho trẻ em cần đáp ứng các yêu cầu an toàn của kiểm tra CPSIA (Consumer Product Safety Improvement Act) - quy định về an toàn đặc biệt quan trọng đối với sản phẩm dành cho trẻ em.

Bên cạnh các thị trường trên, Hàn Quốc, Nhật Bản và một số nước khác cũng đang đặt ra những tiêu chí xanh đối với dệt may Việt Nam.

Có thể nói yếu tố “xanh” không còn là lựa chọn mà đang dần được luật hóa tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm của ngành Dệt may Việt Nam. Điều này cho thấy, doanh nghiệp dệt may trong nước muốn tham gia cuộc chơi toàn cầu không có lựa chọn nào khác buộc phải tự đổi mới mình, đảm bảo các yếu tố chuyển đổi sang mô hình sản xuất xanh, minh bạch hơn trong sản xuất cũng như đảm bảo sản phẩm được truy xuất nguồn gốc rõ ràng... để đáp ứng tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu.

Thực tế, từ khá sớm nhiều doanh nghiệp dệt may trong nước đã chủ động triển khai các hoạt động để từng bước chuyển đổi “xanh hóa” sản xuất. Để đáp ứng yêu cầu của các nhãn hàng nhập khẩu, một số doanh nghiệp Việt Nam đã chuyển đổi hệ thống máy móc, dây chuyền hoạt động, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ không chỉ trong sản xuất mà còn trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. Hay một số doanh nghiệp nghiên cứu nguyên liệu xanh, nguyên liệu tái chế, cho ra đời các loại sợi từ cà phê, sen, hà, bạc hà đáp ứng nhu cầu xanh hóa của ngành. Có thể kể đến một số điển hình như: Công ty cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (TCM) đã đầu tư cho nghiên cứu và phát triển kinh doanh (R&D), tạo ra những sản phẩm mới có tính năng đặc thù, thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Hay như nhà máy Dệt Bảo Minh đầu tư nhiều thiết bị công nghệ cao, triển khai Giải pháp ERP của Oracle tích hợp các hệ thống điều hành Setex, Toyota



mang lại hiệu quả và sự chính xác, đồng bộ cho hoạt động sản xuất. Còn như Công ty cổ phần Dệt Trần Hiệp Thành thực hiện thành công trong việc giảm phát thải CO<sub>2</sub>, sử dụng 80% nhiên liệu xanh hóa và sử dụng 30 - 35% nguyên liệu tái chế bằng việc cắt giảm sử dụng than đá, kiểm soát năng lượng; đầu tư thay đổi máy móc, thiết bị, tìm nguồn nguyên liệu mang tính tự nhiên hơn.

Song quá trình xanh hóa sản xuất, nhiều doanh nghiệp cũng gặp không ít khó khăn. Trở ngại lớn nhất của các doanh nghiệp là vấn đề tài chính trong chuyển đổi xanh, bởi xanh hóa đòi hỏi nhu cầu về vốn rất lớn, trong đó có chi phí đầu tư vào ứng dụng công nghệ và các thiết bị tự động hóa, trong khi tiềm lực tài chính của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam còn hạn chế, có tới 80% doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Hơn nữa, các doanh nghiệp còn khá yếu trong đào tạo nguồn lực con người để đáp ứng xanh hóa cũng như đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Bên cạnh đó vẫn còn những doanh nghiệp chưa có nhận thức đúng về vấn đề vấn đề xanh hóa này để chuẩn bị các điều kiện tốt nhất cho sản phẩm xuất khẩu.

### **Xanh hóa để thích ứng với sân chơi toàn cầu**

Năm 2024, kinh tế thế giới được dự báo sẽ lạc quan hơn, tạo động lực thúc đẩy cầu tiêu dùng; trong nước, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, mặt bằng lãi suất cho vay giảm sâu, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ được kéo dài sẽ là các yếu tố tạo thuận lợi ngành dệt may lấy lại đà phát triển. Trong quý I năm 2024, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam ước đạt 7,76 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ

năm 2023. Điều đó đã cho thấy tín hiệu khởi sắc của thị trường, tạo đà cho các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa, để đạt mục tiêu tổng kim ngạch xuất khẩu năm nay đạt 44 tỷ USD, tăng 10% so với năm 2023.

Ngành dệt may Việt Nam đang đi trên con đường có tính mở toàn diện, toàn cầu. Việc ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là các hiệp định thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA đã, đang và sẽ thúc đẩy dòng chảy hội nhập, mở ra nhiều cơ hội bứt phá cho ngành dệt may Việt Nam. Tuy nhiên, để tận dụng tốt các FTA hướng đến mục tiêu dài hạn là giữ vững vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu cũng như gia tăng sức cạnh tranh, tiếp cận người tiêu dùng trong xu thế mới hiện nay, ngành Dệt may phải tuân thủ và thích ứng nhanh với luật chơi toàn cầu. Muốn vậy, các doanh nghiệp cần tập trung vào các giải pháp căn cơ là đẩy mạnh chuyển đổi số và xanh hóa sản xuất để phát triển bền vững.

Trong chiến lược phát triển ngành dệt may, da giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2035 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cuối tháng 12/2022 cũng quy định rõ, phát triển ngành dệt may, da giày phải gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm xã hội, đảm bảo phù hợp mục tiêu phát triển bền vững và các cam kết quốc tế. Mục tiêu đặt ra là đến năm 2035, ngành dệt may và da giày phát triển hiệu quả, bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn, hoàn thiện chuỗi giá trị sản xuất trong nước, tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu và phát triển được một số thương hiệu mang tầm khu vực và thế giới.

Chuyển đổi xanh không phải là việc dễ dàng, có thể diễn ra trong một sớm một chiều, mà phụ thuộc rất nhiều yếu tố. Do đó, các doanh nghiệp dệt may trong nước cần nghiên cứu kỹ những điều kiện cụ thể để có bước đi phù hợp. Các doanh nghiệp cần thay đổi tư duy, nhận thức rõ tầm quan trọng và sự cần thiết của “xanh hóa sản xuất”, dành sự quan tâm cho vấn đề hiệu quả năng lượng, bằng cách tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và đầu tư về công nghệ tự động hóa trong dây chuyền sản xuất để giảm đáng kể lượng khí thải carbon; tiết kiệm nước để giảm thiểu lượng nước thải. Bên cạnh đó, chuyển sang sử dụng các nguồn điện tái tạo để giúp tiết kiệm năng lượng; xử lý chất thải và bao bì để giảm thiểu chất thải, các vật liệu đóng gói không cần thiết; đầu tư vào quản trị số....

Trong sự phát triển của ngành dệt may thì vai trò của doanh nghiệp vẫn là quan trọng nhất. Nhưng nếu chỉ dựa vào bản thân doanh nghiệp thì chưa đủ mà cần có sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý Nhà nước. Với vị thế là lĩnh vực xuất khẩu chủ lực, Nhà nước cần có các chính sách hỗ trợ đặc thù các doanh nghiệp dệt may trong chuyển đổi xanh, từ lãi suất cho vay, cơ chế tiếp cận vốn vay đến các cơ chế, chính sách khuyến khích nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao, công nghệ sạch và công nghệ mới. Cùng với đó, cần có định hướng quy hoạch các khu công nghiệp xanh đạt chuẩn các chỉ tiêu xanh, sản xuất sạch để bắt nhịp xu thế phát triển bền vững hiện nay.

Hy vọng rằng ngành dệt may Việt Nam sẽ có những bước tiến dài hơn trong chuyển đổi xanh, thích ứng nhanh với sân chơi mới, để có được vị thế vững chắc trong chuỗi cung ứng toàn cầu./.

# THỦY SẢN VIỆT NAM 2024 CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐẠN XEN



Thu Hòa

Ngành Thủy sản đã đi qua năm 2023 với nhiều khó khăn về thị trường, đơn hàng, giá xuất khẩu giảm, do vậy kim ngạch xuất khẩu thủy sản cả năm giảm tới 17,5% so với năm 2022, trong đó kim ngạch xuất khẩu cá tra và tôm giảm mạnh so với cùng kỳ do giảm cả lượng và giá. Năm 2024, Ngành vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, song với những tín hiệu hồi phục thị trường, ngành Thủy sản được dự báo sẽ có nhiều cơ hội tốt, kỳ vọng kim ngạch xuất khẩu có thể đạt khoảng 9,5 tỷ USD, tăng 6% so với 2023.

## Ngành thủy sản Việt Nam – những nỗ lực không ngừng

Năm 2023, ngành Thủy sản trong nước tập trung chuyển đổi theo hướng bền vững, khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi, áp dụng rộng rãi nuôi trồng ứng dụng công nghệ cao. Theo số liệu thống kê, tính chung năm 2023, sản lượng thủy sản cả nước ước đạt 9.312,3 nghìn tấn, tăng 2,2% so với năm 2022; bao gồm: Cá đạt 6.612,6 nghìn tấn, tăng 1,8%; tôm đạt 1.356,1 nghìn tấn, tăng 5%; thủy sản khác đạt 1.343,6 nghìn tấn, tăng 1,7%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 5.455,8 nghìn tấn, tăng 4,2% so với năm trước, bao gồm: Cá đạt 3.631,4 nghìn tấn, tăng 3,7%; tôm đạt 1.211,6 nghìn tấn, tăng 5,8%; thủy sản khác đạt 612,8 nghìn tấn, tăng 4,8%.

Nuôi trồng cá tra ở đồng bằng sông Cửu Long phát triển do các yếu tố tự nhiên thuận lợi và nhu cầu thị trường xuất khẩu lớn. Sản lượng cá tra cả năm 2023 ước đạt 1.752,2 nghìn tấn, tăng 2,8% so với năm trước. Sản lượng tôm nước lợ tăng trưởng cao do áp dụng mô hình

công nghệ cao đối với tôm thẻ chân trắng mang lại hiệu quả kinh tế. Sản lượng tôm thẻ chân trắng tính chung cả năm ước đạt 275 nghìn tấn, tăng 2% so với năm trước.

Tính đến cuối năm 2023, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản được chứng nhận VietGAP ước đạt 13 nghìn ha, sản lượng thủy sản VietGAP năm 2023 ước đạt 1,65 triệu tấn. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2023 ước đạt 1,3 triệu ha nuôi nội địa và 9,5 triệu m<sup>3</sup> lồng nuôi biển. Trong đó, nuôi biển tăng 5,5%, bao gồm: 4,3 triệu m<sup>3</sup> lồng nuôi cá biển; 5,2 triệu m<sup>3</sup> lồng nuôi tôm hùm và 57 nghìn ha nuôi nhuyễn thể. Tổng sản lượng nuôi biển đạt 789,8 nghìn tấn, tăng 10,1% so với năm 2022, gồm: Cá biển 46 nghìn tấn; tôm hùm 3,8 nghìn tấn; nhuyễn thể 440 nghìn tấn; đối tượng khác 300 nghìn tấn.

Nuôi thủy sản nước lợ đạt tổng diện tích khoảng 920 nghìn ha, sản lượng 1,496 triệu tấn, trong đó tôm sú đạt 274 nghìn tấn và tôm thẻ chân trắng đạt 845 nghìn tấn. Nuôi thủy sản nước ngọt 380 nghìn ha, sản lượng khoảng

3,122 triệu tấn. Trong đó, diện tích thả nuôi cá tra đạt 5.700 ha, sản lượng đạt 1,71 triệu tấn, tăng 0,6% so với năm 2022. Cá rô phi: Diện tích nuôi 30 nghìn ha, sản lượng 270 nghìn tấn, tăng 3,8% so với năm 2022. Ngoài ra, nuôi hỗn hợp và thủy sản khác đạt diện tích khoảng 344 nghìn ha, sản lượng 1,142 triệu tấn, tăng 1,1%.

Tính chung năm 2023, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 3.856,5 nghìn tấn, giảm 0,5% so với năm trước, bao gồm: Cá đạt 2.981,2 nghìn tấn, giảm 0,4%; tôm đạt 144,5 nghìn tấn, giảm 0,8%; thủy sản khác đạt 730,8 nghìn tấn, giảm 0,8%. Khai thác thủy sản biển năm 2023 giảm do thực hiện khai thác bền vững đảm bảo tái tạo nguồn lợi thủy sản tự nhiên, đồng thời công tác phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp dẫn được thực hiện nghiêm túc. Sản lượng thủy sản khai thác biển năm 2023 đạt 3.643,9 nghìn tấn, giảm 0,7% so với năm trước, trong đó: Cá ước đạt 2.846,1 nghìn tấn, giảm 0,5%; tôm ước đạt 135,1 nghìn tấn, giảm 1,5%.

Thực hiện những khuyến nghị của EC trong tiến trình gỡ “thẻ vàng”, số lượng tàu cá giảm còn 83.430 chiếc, giảm 6.292 chiếc so với năm 2022 là 89.722 chiếc. Trong đó: Tàu từ 6-12m là 37.770 chiếc (giảm 5.230 chiếc); tàu từ 12-15m là 16.000 chiếc (giảm 480 chiếc); tàu từ 15-24m là 26.500 chiếc (giảm 470 chiếc); tàu trên 24m là 2.510 chiếc (giảm 112 chiếc).

Có thể thấy, thời gian qua ngành Thủy sản nước ta đã có những nỗ lực không ngừng trước nhiều khó khăn, thách thức, tác động tiêu cực từ sự bất ổn của tình hình chính trị thế giới, những cạnh tranh lớn của các đối tác, nhu cầu nhập khẩu thủy sản của các nước giảm, cũng như rào cản phòng vệ thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, theo đánh giá ngành Thủy sản trong nước còn tồn tại một số hạn chế, như: Các tiêu chuẩn, quy chuẩn về quan trắc môi trường còn thiếu, chưa đồng bộ; Công tác bảo quản sản phẩm chưa cải thiện. Việc ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ trong khai thác và nuôi trồng thủy sản chưa được nhiều, liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản chưa được chặt chẽ. Nhu cầu tiêu thụ giảm ở hầu hết các thị trường gây khó khăn cho tiêu thụ sản phẩm, giá bán sản phẩm giảm dẫn đến kim ngạch xuất khẩu giảm theo.

Cùng với đó, đối với khai thác hải sản, số lượng tàu cá có xu hướng giảm dần nhưng chưa nâng cao giá trị sản phẩm, tổn thất sau thu hoạch trong khai thác thủy sản còn ở mức cao. Sản lượng khai thác thủy sản chưa giảm đáp ứng chỉ tiêu chiến lược đề ra. Hạ tầng cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão mặc dù đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành, công tác duy tu,

bảo trì chưa được địa phương quan tâm, bố trí kinh phí thực hiện theo quy định...

### **Năm 2024 - Cơ hội và thách thức đan xen**

Theo đánh giá của Hiệp hội Chế biến Xuất khẩu Thủy sản (VASEP), năm 2023, trong bối cảnh khó khăn chung của thế giới lạm phát cao, nhu cầu giảm, tồn kho lớn, giá xuất khẩu giảm và những khó khăn, bất cập trong sản xuất kinh doanh trong nước như chi phí đầu vào cho cả chuỗi cung ứng đều tăng, thẻ vàng IUU ảnh hưởng đến xuất khẩu hải sản sang EU... thì mức sụt giảm 17,5% so với mức đỉnh gần 11 tỷ USD của năm 2022 cũng là một kết quả không quá bi quan đối với ngành Thủy sản. Bước sang năm 2024, ngành Thủy sản đã có những tín hiệu tích cực mở ra những cơ hội phát triển cho Ngành. Trong đó, ngay trong tháng 1/2024, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 730 triệu USD, tăng 60,8% so với cùng kỳ năm 2023 (do tháng 1/2024 trùng với dịp nghỉ Tết Nguyên đán). Trong đó, các mặt hàng chủ lực đều có bứt phá đáng kể so với cùng kỳ năm 2023: Tôm tăng 71%, cá tra tăng 97%, cá ngừ tăng 57%, mực tăng 45%, các loại cá khác tăng 50%.

Theo Báo cáo mới đây của Tổng cục Thống kê, ngành Thủy sản đã có những tín hiệu tích cực khi sản lượng nuôi trồng và khai thác tháng 3/2024 đều tăng. Sản lượng thủy sản tháng 3/2024 ước đạt 725,4 nghìn tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2023, bao gồm: Cá đạt 539,7 nghìn tấn, tăng 2,2%; tôm đạt 73,6 nghìn tấn, tăng 3,7%; thủy sản khác đạt 112,1 nghìn tấn, tăng 2,8%. Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước đạt 400,3 nghìn tấn, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 290,4 nghìn tấn, tăng 3,7%;

tôm đạt 61,7 nghìn tấn, tăng 4,4%. Sản lượng thu hoạch cá tra trong tháng tăng so với cùng kỳ năm trước do giá cá tra nguyên liệu tăng và xuất khẩu sang hai thị trường chính là Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu đang có triển vọng. Sản lượng cá tra tháng 3/2024 ước đạt 149,1 nghìn tấn, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng tôm trong tháng 3/2024 tăng so với cùng kỳ do áp dụng các mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh và bán thâm canh đang phát triển tích cực, mang lại hiệu quả kinh tế cao nên người dân, doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động nuôi trồng. Sản lượng tôm thẻ chân trắng trong tháng ước đạt 40,1 nghìn tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú đạt 17,8 nghìn tấn, tăng 2,6%.

Sản lượng thủy sản khai thác trong tháng 3/2024 ước đạt 325,1 nghìn tấn, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 249,3 nghìn tấn, tăng 0,5%; tôm đạt 11,9 nghìn tấn, tăng 0,2%; thủy sản khác đạt 63,9 nghìn tấn, tăng 1,6%.

Sản lượng thủy sản khai thác biển ước đạt 310,5 nghìn tấn, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước do thời tiết ngư trường thuận lợi, nguồn lợi thủy sản dồi dào, có giá trị kinh tế cao.

Tính chung quý I/2024, sản lượng thủy sản ước đạt 1.941,5 nghìn tấn, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 1.440,8 nghìn tấn, tăng 2%; tôm đạt 193 nghìn tấn, tăng 3,9%; thủy sản khác đạt 307,7 nghìn tấn, tăng 2%.

Theo ước tính của Tổng cục Thống kê, quý I năm 2024, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 1,862 triệu USD, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước. Riêng tháng 3/2024, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam ước đạt 653 triệu USD,



giảm 14,6% so với cùng kỳ năm 2023, sau mức tăng trưởng mạnh 65,1% của tháng 1/2024.

Tổng cục Hải quan cho biết, tháng 1/2024, xuất khẩu hầu hết các chủng loại thủy sản của Việt Nam tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2023. Đáng chú ý, xuất khẩu 02 mặt hàng chủ lực là tôm các loại và cá tra, cá basa có mức tăng trưởng cao nhất. Xuất khẩu tôm các loại của Việt Nam tháng 1/2024 đạt 29 nghìn tấn, trị giá 239,36 triệu USD, tăng 78,8% về lượng và tăng 71,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Nhiều nhà mua hàng ở Trung Quốc đánh giá tôm Việt Nam có chất lượng cao hơn Ecuador, Ấn Độ nên chấp nhận giá cao hơn. Hiện các chuyên gia ngành hàng nhận định hoạt động xuất khẩu tôm của Việt Nam năm nay sẽ hồi phục tích cực, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu tôm tăng trưởng. Trong đó, nhu cầu tại các thị trường tiêu thụ tôm trọng điểm của Việt Nam như Mỹ, EU và Nhật Bản dự kiến sẽ tăng tốc phục hồi của nửa cuối năm nay.

Xuất khẩu cá tra, basa tăng tới 119,6% về lượng và tăng 97,1% về trị giá so với tháng 1/2023, đạt 78,3 nghìn tấn, trị giá 164,67 triệu USD. VASEP cũng cho biết, 2 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu cá tra đã có tín hiệu tốt, đạt khoảng 365 triệu USD, tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm 2023. Điều này đến từ cả thị trường nhỏ như Anh, Canada, Mexico, đặc biệt Brazil.

Theo dự báo năm 2024, xuất khẩu tôm của Việt Nam sẽ tăng 10-15% so với năm 2023 (nhất là trong 6 tháng cuối năm) khi áp lực lạm phát hạ nhiệt, lượng hàng tồn kho tại các nhà nhập khẩu giảm, giá tôm tăng trở lại. Trong khi ngành cá tra cũng đặt mục tiêu phấn đấu diện tích thả nuôi đạt 5.700 ha, sản lượng cá tra

thương phẩm đạt khoảng 1,7 triệu tấn, trị giá xuất khẩu cá tra dự kiến đạt 2 tỷ USD.

Bên cạnh đó, xuất khẩu các mặt hàng thủy sản lớn tiếp theo như: Cá ngừ, mực, chả cá... đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2023. Đặc biệt, theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng đầu năm 2024, xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang thị trường EU tiếp tục bứt phá so với cùng kỳ năm 2023, với mức tăng 96%, đạt hơn 17 triệu USD. Tháng 1/2024, cá ngừ của Việt Nam đã xuất được sang 21 nước thành viên của EU. Trong đó: Italy, Đức và Hà Lan vẫn là 3 thị trường nhập khẩu nhiều nhất cá ngừ của Việt Nam và hiện việc xuất khẩu sang cả 3 thị trường này đều tăng trưởng tốt so với cùng kỳ.

Có thể thấy ngành Thủy sản đang có những tín hiệu tích cực cho thấy sự hồi phục tích cực của thị trường, song năm 2024, Ngành vẫn đang đối diện với nhiều khó khăn và thách thức. Trong đó, chính sách thương mại quốc tế đã và đang đặt ra những thách thức đáng kể cho ngành xuất khẩu thủy sản Việt Nam bởi việc áp các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ giá từ một số quốc gia nhập khẩu. Chính sách thương mại quốc tế không chỉ tạo ra rủi ro lớn mà còn gia tăng chi phí cho doanh nghiệp thủy sản.

Cùng với đó, yêu cầu về an toàn thực phẩm và chất lượng ngày càng trở nên khắt khe hơn, đặt ra áp lực lớn cho ngành xuất khẩu thủy sản nước ta. Do vậy, để duy trì và mở rộng thị trường, cần đảm bảo rằng mọi quy trình sản xuất đều tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn chất lượng cao. Mặc dù điều này là thách thức, song cũng là cơ hội cho những doanh nghiệp luôn nắm vững và tuân thủ nghiêm túc các tiêu chuẩn an toàn

thực phẩm và chất lượng để mở rộng thị trường.

Theo các chuyên gia, trong bối cảnh kinh tế xanh ngày càng thâm nhập vào mọi lĩnh vực của nền kinh tế, kèm theo đó là yêu cầu và tiêu chuẩn mới ngày càng khắt khe, doanh nghiệp thủy sản phải đáp ứng những yêu cầu này thông qua việc áp dụng công nghệ hiện đại và quy trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ điều này cũng đặt ra những khó khăn đối với các doanh nghiệp. Tuy vậy, cũng mở ra một cánh cửa lớn cho những doanh nghiệp thủy sản có khả năng sản xuất và quản lý nguồn cung, tuân thủ nghiêm túc các tiêu chuẩn môi trường cao. Những doanh nghiệp này có thể tiếp cận thị trường quốc tế với sản phẩm chất lượng, đơn hàng ổn định, giá bán cao và thị trường xuất khẩu đa dạng.

Ngoài ra, các khó khăn như: Tình hình an ninh trật tự trên biển diễn biến phức tạp, các nước trong khu vực tăng cường kiểm soát hoạt động khai thác trên biển, ngư trường khai thác hải sản của ngư dân bị thu hẹp đáng kể. Các vướng mắc trong việc tiếp cận nguồn vốn, các chính sách hỗ trợ và đào tạo nhân sự hay tình trạng chưa kiểm soát tốt dịch bệnh... cũng đang đặt ra những áp lực đối với ngành Thủy sản. Theo đó, ngành cần tăng cường các biện pháp phòng ngừa và quản lý một cách chặt chẽ nhằm ngăn chặn sự lây lan của các dịch bệnh, giữ cho hệ thống nuôi trồng thủy sản ổn định và bền vững.

Với khởi đầu khả quan trong những tháng đầu năm 2024, cùng với kinh tế thế giới dần phục hồi, lạm phát giảm, tồn kho giảm... bên cạnh những khó khăn, thách thức, Thủy sản Việt Nam vẫn có những cơ hội, kỳ vọng sẽ tiếp tục phục hồi tốt trong năm 2024, đặc biệt là trong những tháng cuối năm./

# LỘ TRÌNH ÁP DỤNG CHUẨN MỤC KẾ TOÁN QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM

**ThS. Nguyễn Thị Bích Liên**  
Khoa Kế toán - Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội

## Đặt vấn đề

Chuẩn mục kế toán được soạn thảo và ban hành để thống nhất các hoạt động kế toán trong một phạm vi quốc gia, trong một khu vực kinh tế hay trên phạm vi toàn cầu. Theo Điều 8 Luật kế toán số 03/2003/QH11, các chuẩn mục kế toán Việt Nam (VAS) được ban hành trên cơ sở các chuẩn mục kế toán quốc tế và Luật kế toán Việt Nam. Tuy nhiên, số lượng và nội dung của chuẩn mục kế toán Việt Nam chưa tương đương với chuẩn mục kế toán quốc tế, một số nội dung kế toán thực tế phát sinh nhưng không được quy định, hướng dẫn trong chuẩn mục.

Trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, để phù hợp và thống nhất với các quy tắc chung của chuẩn mục kế toán quốc tế, Việt Nam đã và đang thay đổi các chuẩn mục kế toán và thực hiện lộ trình áp dụng chuẩn mục báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Việc áp dụng IFRS tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trình bày báo cáo tài chính một cách nhất quán, minh bạch, tin cậy và dễ dàng so sánh với nhau không phân biệt lĩnh vực, quốc gia hay vùng lãnh thổ.

**Từ khóa:** Kế toán quốc tế, chuẩn mục, báo cáo tài chính

## Hệ thống chuẩn mục kế toán quốc tế

Chuẩn mục kế toán quốc tế (IAS) International Accounting Standards là văn bản đầu tiên về chuẩn mục kế toán quốc tế do Ủy ban Chuẩn mục Kế toán Quốc tế ban hành, trong đó tổng hợp các tiêu chuẩn quy định và hướng dẫn về phương pháp kế toán chung cho các quốc gia. Chuẩn mục kế toán quốc tế bao gồm 41 tiêu chuẩn, quy tắc.

Năm 2001, các chuẩn mục kế toán quốc tế (IAS) được thay thế và bổ sung bằng chuẩn mục báo cáo tài chính quốc tế IFRS có tên tiếng Anh là International Financial Reporting Standards do Ủy ban Chuẩn mục Kế toán Quốc tế (IASB) ban hành. IFRS gồm 17 chuẩn mục nhỏ, là một bộ quy tắc kế toán tập trung hướng dẫn chi tiết việc lập báo cáo tài chính của các công ty nhằm làm cho các Báo cáo tài chính (BCTC) trở nên thống nhất, minh bạch và dễ dàng so sánh trên toàn thế giới.

Hiện nay, IFRS đã trở thành ngôn ngữ kế toán chung phổ biến trên toàn cầu. Theo thống kê của IFRS.org, tính đến tháng 4/2018 đã có 144 quốc gia và vùng lãnh thổ đã bắt buộc sử dụng chuẩn mục IFRS. Việt Nam là một trong số 22 quốc gia còn lại vẫn sử dụng chuẩn mục kế toán riêng.

## Nội dung của chuẩn mục báo cáo tài chính quốc tế IFRS

Chuẩn mục	Tên tiếng Việt	Nội dung
IFRS 1	Lần đầu tiên áp dụng các chuẩn mục báo cáo tài chính quốc tế IFRS	Quy định các thủ tục một đơn vị cần phải tuân thủ khi lập Báo cáo tài chính theo IFRS lần đầu tiên.
IFRS 2	Thanh toán trên cơ sở cổ phiếu	Yêu cầu ghi nhận các giao dịch thanh toán trên cơ sở cổ phiếu vào Báo cáo tài chính.
IFRS 3	Hợp nhất kinh doanh	Hướng dẫn kế toán khi bên mua nắm quyền kiểm soát đối với một hoạt động kinh doanh.
IFRS 5	Tài sản dài hạn nắm giữ cho mục đích bán và hoạt động không liên tục	Hướng dẫn kế toán đối với các tài sản dài hạn nắm giữ để bán hoặc để phân phối cho chủ sở hữu.
IFRS 6	Thăm dò và đánh giá tài nguyên khoáng sản	Ghi nhận các chi phí phát sinh từ hoạt động thăm dò và khai thác tài nguyên khoáng sản của doanh nghiệp
IFRS 7	Công cụ tài chính: Trình bày	Quy định các thông tin cần trình bày liên quan đến tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với đơn vị.

Chuẩn mực	Tên tiếng Việt	Nội dung
IFRS 8	Bộ phận kinh doanh	Yêu cầu một số loại hình doanh nghiệp cần trình bày các thông tin liên quan đến bộ phận kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ, khu vực địa lý hoạt động và các khách hàng chính của đơn vị trên Báo cáo tài chính
IFRS 9	Công cụ tài chính	Quy định các yêu cầu đối với việc ghi nhận, đo lường, đánh giá suy giảm giá trị, dừng ghi nhận và kế toán phòng ngừa rủi ro chung.
IFRS 10	Báo cáo tài chính hợp nhất	Thiết lập các nguyên tắc cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất khi một đơn vị kiểm soát một hoặc nhiều đơn vị khác.
IFRS 11	Thỏa thuận liên doanh	Thiết lập các nguyên tắc cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của các đơn vị có lợi ích trong các thỏa thuận được kiểm soát chung.
IFRS 12	Thuyết minh về lợi ích trong các đơn vị khác	Yêu cầu công bố thông tin có thể khiến người sử dụng Báo cáo tài chính để đánh giá.
IFRS 13	Xác định giá trị hợp lý	Áp dụng đối với các khoản mục tài sản và nợ phải trả có giá trị được xác định theo giá trị hợp lý trình bày trên BCTC.
IFRS 14	Các khoản hoãn lại theo luật định	Ghi nhận và xác định giá trị số dư các khoản hoãn lại theo luật định trên Báo cáo tài chính được lập lần đầu theo IFRS và sau đó theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung trước đó.
IFRS 15	Doanh thu từ hợp đồng với khách hàng	Ghi nhận doanh thu toàn diện cho tất cả các hợp đồng với khách hàng.
IFRS 16	Thuê tài sản	Yêu cầu bên đi thuê phải ghi nhận hầu hết các hợp đồng thuê trên bảng cân đối kế toán.
IFRS 17	Hợp đồng bảo hiểm	Cho phép các doanh nghiệp tiếp tục với các chính sách kế toán hiện tại với các hợp đồng bảo hiểm nếu các chính sách đó đáp ứng các tiêu chí tối thiểu nhất định.

Nguồn: <https://ifrs.vn/chuan-muc>

### Lộ trình áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế tại Việt Nam

Việc áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS của Việt Nam sẽ tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý kế toán, tài chính cho các doanh nghiệp ở Việt Nam có thể hội nhập với các thị trường tài chính quốc tế. Trước những lợi ích mang lại của việc áp dụng IFRS, ngày 16/3/2020, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành

Quyết định số 345/QĐ-BTC phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại Việt Nam với lộ trình áp dụng này gồm 3 giai đoạn, cụ thể như sau:

Giai đoạn	Nội dung chính
<b>Giai đoạn chuẩn bị: Từ 2019 - 2021</b>	Bộ Tài chính chuẩn bị các điều kiện cần thiết như: - Công bố bản dịch Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS) ra tiếng Việt - Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS) - Xây dựng cơ chế tài chính liên quan - Đào tạo nguồn nhân lực, quy trình triển khai cho các doanh nghiệp
<b>Giai đoạn tự nguyện: Từ 2022 - 2025</b>	- Đối với việc lập báo cáo tài chính hợp nhất: Các doanh nghiệp sau có nhu cầu và đủ nguồn lực, thông báo cho Bộ Tài chính trước khi tự nguyện áp dụng (IFRS): + Công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước quy mô lớn hoặc có các khoản vay được tài trợ bởi các định chế tài chính quốc tế; + Công ty mẹ là công ty niêm yết; + Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ chưa niêm yết; + Các công ty mẹ khác. - Đối với báo cáo tài chính riêng: Các doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là công ty con của công ty mẹ ở nước ngoài có nhu cầu và đủ nguồn lực, thông báo cho Bộ Tài chính trước khi tự nguyện áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế IFRS.
<b>Giai đoạn bắt buộc: sau năm 2025</b>	- Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS) của giai đoạn 1, Bộ Tài chính căn cứ nhu cầu, khả năng sẵn sàng của các doanh nghiệp và tình hình thực tế, quy định phương án, thời điểm bắt buộc áp dụng IFRS để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho từng nhóm doanh nghiệp thuộc các đối tượng cụ thể sau: + Công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước; + Công ty mẹ là công ty niêm yết; + Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ chưa niêm yết; + Công ty mẹ quy mô lớn khác. - Các công ty khác không thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng nêu trên có nhu cầu và đủ nguồn lực, thông báo cho Bộ Tài chính trước khi tự nguyện áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS) để lập báo cáo tài chính hợp nhất hay báo cáo riêng.

Nguồn: Quyết định số 345/QĐ-BTC

### Giải pháp áp dụng IFRS tại Việt Nam

Việc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính sẽ tạo điều kiện cho môi trường kế toán tài chính của Việt Nam theo kịp đà phát triển trong khu vực và trên thế giới. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, khi Việt Nam là thành viên của nhiều tổ chức kinh tế trên thế giới thì việc áp dụng IFRS là vô cùng cần thiết. Hiện Chính phủ đang có những bước đi tích cực, để sẵn sàng tiến tới áp dụng IFRS. Tuy nhiên, việc triển khai



áp dụng IFRS lần đầu chắc chắn sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, không chỉ với doanh nghiệp áp dụng IFRS mà cả các bên liên quan như: Cơ quan quản lý Nhà nước, các trường đại học, các nhà nghiên cứu, công ty kiểm toán, hội nghề nghiệp... Vì vậy, để thực hiện đúng lộ trình áp dụng chuẩn mực IFRS, tác giả kiến nghị một số giải pháp sau đây:

- Về phía cơ quan nhà nước, Bộ Tài chính: Chính phủ cần quy định thời điểm có hiệu lực đối với hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) trùng với thời điểm những chuẩn mực kế toán quốc tế mới ban hành, được cập nhật hay bổ sung. Mặt khác, Luật Kế toán sửa đổi cần quy định rõ ràng về việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích chung, phải tuân thủ hoàn toàn với quy định của IFRS/VAS thay vì các quy định đặc thù.

Các báo cáo tài chính tuân thủ hoàn toàn với IFRS/VAS có nghĩa là nếu các quy định đặc thù có yêu cầu về hạch toán kế toán khác biệt với VAS, yêu cầu này sẽ được đáp ứng bằng thông tin bổ sung trong thuyết minh báo cáo tài chính; Với các hướng dẫn đặc thù, ngoại lệ với VAS cho các trường hợp đặc biệt nên được giảm dần và loại bỏ.

- Về phía Doanh nghiệp:

+ Doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch chuyển đổi từ việc tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam sang áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế từ xác định kỳ kế toán đầu tiên, đến việc dự trù ngân sách, bồi dưỡng nhân sự... Tùy thuộc vào quy mô, đặc điểm hoạt động mà các doanh nghiệp cần phải xác định sự khác biệt giữa VAS và IFRS như: Nhận diện các giao dịch, khoản mục trên báo cáo tài chính (BCTC) cần chuyển đổi; Xây dựng hệ thống hồ sơ,

dữ liệu, bộ quy tắc chuyển đổi BCTC với hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp mình.

+ Doanh nghiệp cần chuẩn bị đầy đủ các thông tin cho việc lập và trình bày BCTC theo IFRS như: Xác định các đơn vị tạo tiền của doanh nghiệp; Phân loại rõ những loại tài sản cố định (TSCĐ), BĐSĐT cần đánh giá lại định kỳ; chuẩn bị dữ liệu phù hợp với các phương pháp định giá đối với các tài sản được ghi nhận theo giá trị tương lai; Thường xuyên đánh giá và tăng cường quản trị rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường; Rà soát các hợp đồng thuê tài chính; thay đổi các điều khoản trên hợp đồng kinh tế để phù hợp với các quy định về pháp lý liên quan tới chuẩn mực IFR; Xác định mối quan hệ giữa công ty mẹ và các công ty con đảm bảo quyền kiểm soát của công ty mẹ đối với công ty con; Định hướng việc cung cấp thông tin tài chính tại các công ty con, liên doanh, liên kết theo cơ sở tài sản thuần;...

+ Yêu cầu về sự minh bạch và đầy đủ về các thông tin trong việc trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS là rất quan trọng. Vì vậy, doanh nghiệp cần phải chuẩn bị sẵn sàng để tuân thủ về việc cung cấp.

- Về phía người làm kế toán:

+ Người làm kế toán cần phải tự nhận thức và nâng cao trình độ chuyên môn bằng việc tham dự thường xuyên các khóa đào tạo trực tiếp liên quan tới việc áp dụng Chuẩn mực IFRS, để từ đó có được các kiến thức, kỹ năng xử lý dữ liệu và trình bày các dữ liệu trên báo cáo tài chính.

+ Nhiều quy định của Chuẩn mực yêu cầu sử dụng các kỹ năng tính toán tài chính, như tính dòng tiền chiết khấu, xác định giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi, ước tính tổn thất... Do vậy, người làm

kế toán cần phải có được các kiến thức về tài chính, nắm được kỹ năng tổng hợp và phân tích thông tin tài chính quá khứ và dự báo trong tương lai.

+ Ngoài ra, người làm công tác kế toán cần phải sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và các phần mềm kế toán, phần mềm quản trị, thường xuyên tự cập nhật những quy định về chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Đặc biệt, cần phải thông thạo ngoại ngữ là điều kiện để trình bày, đọc hiểu các báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập và hợp tác quốc tế.

### **Kết luận**

Chuẩn mực kế toán riêng biệt tạo ra rào cản trong việc so sánh báo cáo tài chính của các quốc gia, khiến cho việc hợp tác kinh tế quốc tế trở nên khó khăn phức tạp. IFRS ra đời như một nỗ lực nhằm thống nhất chuẩn mực kế toán quốc tế, hướng đến sự hòa hợp trong công tác kế toán tài chính. Việc áp dụng IFRS giúp Việt Nam và các quốc gia có được sự thống nhất trong hạch toán lĩnh vực tài chính kế toán, tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác kinh tế quốc tế và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chính phủ (2020), Quyết định số 345/QĐ/BTC Phê duyệt đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam.
2. Đường Thị Quỳnh Liên (2017), Khó khăn, thách thức khi áp dụng IFRS tại Việt Nam và lộ trình thực hiện
3. Trịnh Đức Vinh, Phó Cục trưởng – Cục Quản lý giám sát kế toán và kiểm toán – Bộ Tài chính, Giải pháp để áp dụng thành công IFRS tại Việt Nam

# EVFTA SAU 3 NĂM THỰC THI: CƠ HỘI RỘNG MỞ NHƯNG DOANH NGHIỆP VIỆT NAM VẪN GẶP KHÓ

Th.S Nguyễn Thị Ánh Ngọc - Th.S. Nguyễn Thị Diễm  
ThS. Lê Hương Bình - ThS. Nguyễn Quốc Bình  
Đại học Kinh tế TP.HCM, Phân hiệu tỉnh Vĩnh Long

## Tóm tắt

Ngày 01 tháng 8 năm 2020, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) chính thức có hiệu lực, đánh dấu một giai đoạn quan trọng trong 30 năm hợp tác và phát triển giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu EU. EVFTA đã mở ra một giai đoạn mới đầy hy vọng cho mối quan hệ đối tác toàn diện, thiết thực và hiệu quả. Bài nghiên cứu tổng kết kết quả sau hơn 03 năm thực hiện Hiệp định EVFTA, mặc dù bức tranh thương mại giữa Việt Nam và EU đã có những cải thiện nhất định, nhưng doanh nghiệp Việt Nam vẫn gặp phải nhiều rào cản, đòi hỏi phải xem xét kỹ các cam kết của Hiệp định để có những điều chỉnh thích hợp nhằm tăng khả năng tiếp cận thị trường EU trong thời gian tới.

**Từ khóa:** EVFTA, thương mại, Việt Nam

## Giới thiệu

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) là hiệp định thương mại tự do thế hệ mới giữa Việt Nam và 27 nước thành viên của Liên minh châu Âu (European Union - EU). EVFTA là một trong hai hiệp định thương mại tự do có phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao nhất của nước ta từ trước đến nay, cùng với Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 01/8/2020 với mục tiêu tự do hóa, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại và đầu tư giữa các bên phù hợp với các quy định.

EVFTA đánh dấu cột mốc quan trọng trên chặng đường 30 năm hợp tác và phát triển giữa Việt Nam và EU, mở ra giai đoạn mới đầy triển vọng cho mối quan hệ đối tác toàn diện có chiều sâu,

thiết thực và đầy hiệu quả. Khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam sẽ bảo hộ 171 chỉ dẫn địa lý của EU và ngược lại, EU sẽ bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của nước ta (Bộ Công Thương, 2023). Hiệp định EVFTA cũng bao gồm các chương liên quan đến cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, phát triển bền vững, hợp tác và xây dựng năng lực, pháp lý và thể chế. Các nội dung này phù hợp với hệ thống pháp luật của nước ta, tạo khuôn khổ pháp lý để hai bên tăng cường hợp tác, thúc đẩy sự phát triển của thương mại và đầu tư.

Theo các chuyên gia kinh tế, EVFTA được kỳ vọng góp phần giúp GDP bình quân của Việt Nam tăng thêm từ 2,18 - 3,25% trong giai đoạn 2019 - 2023; từ 4,57 - 5,30% trong giai đoạn 2024 - 2028 và 7,07 - 7,72% trong giai đoạn 2029 - 2033. Mặt khác, EVFTA dự kiến giúp kim ngạch

xuất khẩu của nước ta sang EU tăng thêm khoảng 42,7% vào năm 2025 và 44,37% vào năm 2030 so với khi chưa có Hiệp định (Nguyễn Thị Huyền Trang và Ngô Thị Hương, 2020).

## Thực trạng hoạt động thương mại của Việt Nam và EU trước và sau EVFTA

Thị trường EU bao gồm 27 quốc gia, dân số 450 triệu người, GDP đạt khoảng 16.000 tỷ USD/năm. Điều này cho thấy quy mô rộng lớn và sức hấp dẫn với Việt Nam trong việc thúc đẩy tăng tốc xuất khẩu qua khu vực này.

EU là khu vực chiếm tỷ trọng lớn trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và EU. Giai đoạn 2000 - 2019, tổng kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam - EU tăng hơn 13,7 lần, (từ 4,1 tỷ USD lên 56,5 tỷ USD). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu tăng 14,8 lần (từ 2,8 tỷ USD lên 41,5 tỷ USD)

và kim ngạch nhập khẩu tăng hơn 11,4 lần, từ 1,3 tỷ USD lên 15 tỷ USD (Nguyễn Thị Huyền Trang và Ngô Thị Hường, 2020).

Năm 2019, tổng kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và EU đạt 56,5 tỷ USD, chiếm 10,9% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước, tăng gấp gần 3 lần so với mức 17,6 tỷ USD trong năm 2010. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 41,5 tỷ USD (chiếm 15,7%), kim ngạch nhập khẩu đạt 15 tỷ USD, chiếm 5,9% (Nguyễn Thị Huyền Trang và Ngô Thị Hường, 2020).

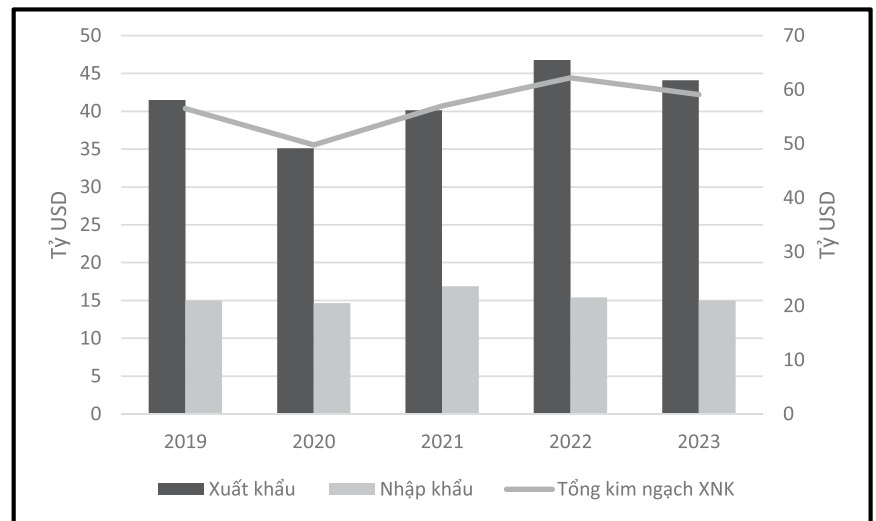
Năm 2020, đại dịch Covid-19 cùng những biến động của thị trường đã tác động đáng kể đến hoạt động xuất nhập khẩu của EU với các đối tác thương mại, trong đó có Việt Nam. Tổng kim ngạch thương mại 2 chiều của Việt Nam và EU đạt 49,78 tỷ USD, giảm 11,89% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 35,13 tỷ USD (giảm 15,35% so với cùng kỳ năm 2019); kim ngạch nhập khẩu đạt gần 14,65 tỷ USD, tăng 4,27% so với cùng kỳ năm 2019 (Đông Hà, 2021). Như vậy, có thể thấy, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, mức độ tác động của EVFTA đến quan hệ thương mại giữa nước ta và EU vẫn chưa thực sự rõ nét, đặc biệt là chiều xuất khẩu từ Việt Nam sang khối thị trường EU (Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, 2022).

Năm 2021, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và EU ghi nhận sự tăng trưởng khả quan bất chấp bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, đạt 57,01 tỷ USD, tăng 14,5% so với năm 2020. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 40,12 tỷ USD; kim ngạch nhập khẩu đạt 16,89 tỷ USD (Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, 2022).

Năm 2022, kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và EU đạt 62,2 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2021. Cụ thể: Xuất khẩu đạt 46,8 tỷ USD, tăng 16,8% với 9 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD; nhập khẩu đạt 15,4 tỷ USD, giảm 8,7%. Năm 2022, nước ta xuất siêu sang EU là 31,4 tỷ USD, tăng 35,17% so với năm 2021 (Thế Hải, 2023).

Năm 2023, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Nhu cầu hàng hóa thế giới và một số thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như Mỹ, Trung Quốc, EU, ASEAN, Nhật Bản sụt giảm. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2023, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam - EU đạt 59,1 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu 44,1 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 15 tỷ USD (Tổng cục Thống kê, 2024).

**Hình 1: Xuất nhập khẩu của Việt Nam sang EU giai đoạn 2019-2023**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Hoạt động xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU giai đoạn 2012 - 2022 có xu hướng mở rộng cả về quy mô và đối tác, tốc độ tăng trưởng trung bình xuất khẩu đạt 10,5%/năm, nhập khẩu đạt 6,4%/năm (Thế Hải, 2023).

Theo cam kết trong Hiệp định EVFTA, năm 2023 nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU được hưởng thuế xuất 0% nhưng chi phí tiếp cận thị trường lại tăng. Năm 2023, kinh tế EU được dự báo tăng trưởng 3,1%, giảm 2 điểm phần trăm so với năm 2022 (Paolo Gentiloni, 2023). Điều này tiếp tục ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng, khiến các quốc gia xuất khẩu hàng hóa vào EU, trong đó có nước ta, trở nên khó khăn hơn.

Sau 3 năm thực thi Hiệp định, EU đã xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Đối với khoảng 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại, EU cam kết dành cho nước ta hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0% (Việt Dũng, 2020). Như vậy, gần 100% kim ngạch xuất khẩu của nước ta sang EU sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau một lộ trình ngắn. Tính đến thời điểm hiện tại, đây là mức cam kết cao nhất



mà một đối tác dành cho Việt Nam trong các hiệp định thương mại tự do đã ký kết. Lợi ích này đặc biệt có ý nghĩa, khi EU liên tục là một trong hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta hiện nay.

Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU cho biết EU đã đăng công báo Quy định thực hiện Quy chế (EU) 2024/286 ký ngày 16 tháng 01 năm 2024, sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2019/1793 về việc tạm thời tăng cường các biện pháp kiểm soát chính thức và các biện pháp khẩn cấp quản lý nhập khẩu vào EU một số hàng hóa từ một số nước thứ ba thực hiện Quy định (EU) 2017/625 và (EC) số 178/2002 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu. Theo đó, các mặt hàng của Việt Nam vào EU sẽ chịu giám sát cửa khẩu là ớt chuông, mỳ ăn liền và sầu riêng với tần suất kiểm tra lần lượt là 50%, 20% và 10% (Vũ Khuê, 2024). Đồng thời, đậu bắp và thanh long vẫn nằm trong phụ lục II (thêm yêu cầu giấy chứng nhận chất lượng từ Việt Nam) với tần suất kiểm tra lần lượt là 50% và 20% tại cửa khẩu EU.

Theo bà Nguyễn Thị Hoàng Thúy - Tham tán thương mại, Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển (kiêm nhiệm thị trường Bắc Âu), định kỳ 6 tháng/lần, Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu họp để xem xét, đánh giá mức độ vi phạm về an toàn thực phẩm và thức ăn chăn nuôi của các quốc gia xuất khẩu vào EU. Sau đó, EU sẽ tuyên bố sửa đổi luật điều chỉnh các biện pháp kiểm soát. Ý kiến của bà Nguyễn Thị Hoàng Thúy nêu rõ: "Các biện pháp này là bình thường nhưng doanh nghiệp (DN) Việt Nam xuất khẩu sang EU nên kiểm soát sản phẩm của mình để tránh vi phạm, vì chỉ cần một vài DN vi phạm sẽ ảnh hưởng đến toàn ngành và sự cạnh tranh của DN".

## Cơ hội, thách thức từ EVFTA

### Cơ hội

*Một là*, cơ hội việc làm cho người lao động. EVFTA dự kiến giúp tăng thêm khoảng 146.000 việc làm/năm, trong đó tập trung vào những ngành thâm dụng lao động và có tốc độ xuất khẩu cao sang thị trường EU (Bộ Công thương, 2023). Mức tăng thêm việc làm vào năm 2025 của một số ngành dự kiến như sau: Da giày tăng 4,3%, dệt may tăng 2,3%, vận tải hàng không tăng 1,5% và vận tải đường thủy tăng 0,9% (Nguyễn Thị Huyền Trang và Ngô Thị Hường, 2020). Ngoài ra, EVFTA còn mang đến cho người lao động cơ hội tăng lương thông qua hoạt động thị trường hiệu quả hơn và tác động lan tỏa về tiền lương của các DN FDI. Thật vậy, tiền lương bình quân của người lao động đã tăng khoảng 11% so với trước khi hiệp định EVFTA có hiệu lực (Kim Thanh, 2022).

*Hai là*, cơ hội thu hút đầu tư. Bằng cách giúp các công ty Việt Nam thu hút các nhà đầu tư nước ngoài từ EU, EVFTA mở ra cơ hội cho các công ty, sản phẩm và dịch vụ của EU tiếp cận thuận lợi vào thị trường Việt Nam, nơi sinh sống của hơn 100 triệu dân của Việt Nam, đặc biệt là trong các ngành sản xuất, công nghệ cao, thực phẩm chế biến, dịch vụ tài chính, công nghệ thông tin, ô tô và nông nghiệp. Không những thế, các công ty Việt Nam sẽ thu được lợi nhuận từ các mặt hàng, nguyên liệu nhập khẩu từ EU có chất lượng tốt, ổn định và giá cả phải chăng hơn; bao gồm máy móc, thiết bị và công nghệ công nghệ cao, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp địa phương nâng cao chất lượng sản phẩm của họ. Hơn nữa, việc Việt Nam nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ từ EU sẽ gây áp lực

buộc các doanh nghiệp trong nước phải cải thiện, nâng cao năng lực cạnh tranh của chính mình.

*Ba là*, cơ hội thúc đẩy quan hệ hợp tác, khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế. EVFTA có những tác động đáng kể trong quan hệ quốc tế của Việt Nam với các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là 27 quốc gia châu Âu, giúp Việt Nam nhanh chóng tiếp cận đến các thị trường ưu đãi của EU. Đồng thời, Việt Nam cũng gia tăng cơ hội được khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế - một quốc gia đang phát triển đầu tiên tại châu Á ký kết Hiệp định đầy tham vọng với châu Âu. Đây chính là cơ hội để các DN Việt Nam chứng tỏ năng lực và khả năng cạnh tranh ở thị trường quốc tế.

*Bốn là*, EVFTA là cú hích lớn cho thị trường xuất khẩu của Việt Nam. Qua đó, giúp nước ta đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng nông, thủy sản,... Mặt khác, việc thuế nhập khẩu đối với nhiều sản phẩm từ EU vào Việt Nam đang giảm theo lộ trình đến 0% đã giúp người tiêu dùng trong nước có cơ hội tiếp cận với nhiều sản phẩm đa dạng và chất lượng cao từ EU với mức giá phù hợp.

### Thách thức

Ngoài những cơ hội, EVFTA cũng đặt ra nhiều thách thức cho DN Việt Nam. Đặc biệt, việc thực hiện các cam kết được nêu trong EVFTA liên quan đến nguồn nhân lực, nguồn gốc xuất xứ, thể chế, chính sách pháp luật, môi trường kinh doanh và pháp luật khác.

*Một là*, các DN bị ràng buộc bởi nhiều thể chế pháp lý phức tạp. Hiệp định EVFTA bao gồm những quy định, quy tắc chặt chẽ về thủ tục đầu tư, hải quan, thuận lợi hóa thương mại, tiêu chuẩn kỹ thuật, các biện pháp kiểm dịch động/v

thực vật, sở hữu trí tuệ... Điều này đòi hỏi các DN trong nước phải hiểu rõ và áp dụng linh hoạt và đúng yêu cầu của quy định.

*Hai là*, thách thức về quy tắc xuất xứ nguồn gốc của nguyên liệu. EU có thu nhập bình quân đầu người cao (36.000 USD/năm), mức sống cao nên thị trường này rất khó tính, đòi hỏi hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam phải đáp ứng các tiêu chuẩn của các quốc gia EU thì mới tận dụng được các cơ hội từ EVFTA. Để được hưởng ưu đãi về thuế quan, nguyên liệu phải đáp ứng một tỷ lệ hàm lượng nội khối nhất định. Hiện nay, nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc hoặc các quốc gia ASEAN, điều này là một thách thức lớn đối với các công ty Việt Nam. Thêm vào đó, các yêu cầu bắt buộc về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, dán nhãn, môi trường,... của EU cũng rất khắt khe và không dễ đáp ứng.

*Ba là*, nguy cơ về các biện pháp phòng vệ thương mại. Doanh nghiệp nhập khẩu thường bảo vệ ngành sản xuất nội địa bằng các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp hoặc tự vệ, điều này có thể khiến Việt Nam lúng túng về mặt pháp lý và nguy cơ về nhận diện thương hiệu. Vì các mặt hàng của nước ta có sức quảng bá kém, độ nhận diện thương hiệu không cao, hiệu quả của công tác quảng bá, xúc tiến thương mại chưa cao nên điều này cũng là một thách thức cho các doanh nghiệp trong nước. Bên cạnh đó, vấn đề về sở hữu trí tuệ cũng là một trong các yêu cầu đặt lên hàng đầu từ phía EU. Để có thể hưởng lợi từ EVFTA, các DN trong nước phải đặc biệt chú ý đến các quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ.

*Bốn là*, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Các tiêu chuẩn lao động vẫn là một thách thức đối với các DN Việt Nam. Những vấn đề phổ biến bao gồm: Làm thêm giờ, quy định về nghỉ phép, nghỉ lễ, môi trường làm việc, vệ sinh an toàn lao động, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế,... Mặt khác, hiện nay, hầu hết các DN Việt Nam là DN nhỏ và vừa, nguồn vốn ít nên chưa đủ nguồn lực để thay đổi công nghệ theo kịp với nhu cầu của thị trường EU. Trong khi đó, các DN FDI từ châu Âu có công nghệ sản xuất hiện đại, nguồn vốn lớn, tập trung đầu tư cho công nghệ, đổi mới và sáng tạo trong quy trình sản xuất.

*Năm là*, nhiều DN vẫn chưa hiểu đầy đủ, rõ ràng và chi tiết về Hiệp định EVFTA, bao gồm các cam kết về thuế quan, mở cửa thị trường, quy tắc xuất xứ và các biện pháp phi thuế quan,... Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cho biết có đến 40% DN khó cải thiện điều kiện lao động; 55% DN khó đầu tư vào công nghệ mới và 59% DN khó đáp ứng yêu cầu nội địa hóa,... (Nguyễn Thị Huyền Trang và Ngô Thị Hường, 2020). Do đó, EVFTA là sức ép hợp lý để các DN trong nước điều chỉnh, thay đổi phương thức kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

### **Kết luận và một số khuyến nghị**

Song song với những lợi ích to lớn mà Hiệp định EVFTA mang lại cho Việt Nam trên khía cạnh kinh tế - xã hội và thách thức thể chế pháp lý là vấn đề phải đổi mới trong việc cải cách cơ cấu kinh tế nói chung và kỹ thuật sản xuất của DN nói riêng để tận dụng tối đa lợi ích từ EVFTA. Để khai thác lợi ích từ Hiệp định EVFTA, một số khuyến nghị cụ thể, bao gồm:

*Thứ nhất, đối với Chính phủ và các cơ quan quản lý*

Để thực thi Hiệp định, trước hết Chính phủ phải rà soát luật và sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật hiện hành phù hợp với lộ trình quy định của EVFTA. Ngoài ra, cần xem xét thể chế, cơ sở pháp lý, chế tài để tạo môi trường kinh doanh minh bạch, thuận lợi hơn, phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Chính phủ hiện chịu trách nhiệm giám sát việc đánh giá và nâng cao năng lực của các tổ chức cũng như các chiến lược đầu tư và thương mại. Như vậy, để tuân thủ quy định và yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ sẽ tiến hành nghiên cứu, rà soát, đề xuất một số luật quan trọng, bao gồm Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường, Bộ luật Lao động và một số Luật Thuế... để phù hợp với các quy định và tuân thủ nguyên tắc hợp tác trong khuôn khổ EVFTA đưa ra.

Cơ quan quản lý cần tập trung xây dựng các chương trình hỗ trợ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ các ngành hàng, các DN, đặc biệt là đối với DN nhỏ và vừa để chuẩn bị những giải pháp ứng phó, hỗ trợ những ngành hàng chịu sức ép cạnh tranh lớn khi áp dụng các yêu cầu của Hiệp định. Ngoài ra, Chính phủ cần có những đánh giá và xác định những ngành hàng xuất khẩu mũi nhọn để đầu tư hỗ trợ các DN này về các phương diện.

Chính phủ, cơ quan quản lý liên quan xem xét, tiếp tục triển khai các khóa đào tạo về các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Anh (UKVFTA);

tăng cường bổ sung nguồn nhân lực tìm hiểu, nghiên cứu kỹ lưỡng về các hiệp định này để triển khai đồng bộ và hiệu quả cho các DN thực hiện.

*Thứ hai, đối với doanh nghiệp*

Doanh nghiệp Việt Nam phải xem xét kỹ các cam kết của Hiệp định để có những điều chỉnh thích hợp nhằm tăng khả năng tiếp cận thị trường EU trong thời gian tới. Đặc biệt nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn thị trường bằng cách đầu tư vào công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh theo tiêu chuẩn châu Âu về mô hình kinh doanh, chiến lược, quản trị, nhân lực, chất lượng hàng hóa và dịch vụ.

Đồng thời, để tận dụng tốt các cơ hội từ Hiệp định, các DN phải chịu những chi phí nhất định như đảm bảo quy tắc xuất xứ, yêu cầu về hàm lượng nội địa và thay đổi nguồn nguyên liệu sản xuất. Thay vì nhập khẩu nguyên vật liệu từ nước ngoài, các DN có thể mua hàng tại thị trường trong nước.

Bên cạnh đó, các DN cần cử người tham gia các lớp tập huấn về các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Đối với người lao động cần chủ động và tích cực nâng cao năng lực, thay đổi kỹ năng thích nghi với công nghệ mới, đáp ứng yêu cầu công việc phù hợp với tình hình mới.

**Tài liệu tham khảo:**

Báo Công thương (2023). *Năm 2023, Hiệp định EVFTA có cứu cánh cho xuất khẩu của Việt Nam sang EU.*

Bộ Công thương (2023). *Hiệp định EVFTA và những cam kết về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý.*

Đông Hà (2021). *Quan hệ thương mại Việt Nam - EU: Từng bước đi vào chiều sâu.*

Kim Thanh (2022). *Tận dụng cơ hội từ EVFTA: Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.*

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2022). *Báo cáo: Việt Nam sau 02 năm thực thi EVFTA từ góc nhìn doanh nghiệp.*

Nguyễn Thị Huyền Trang và Ngô Thị Hường (2020). *Cơ hội và thách thức từ EVFTA đối với doanh nghiệp Việt Nam. Tạp chí Tài chính, Kỳ 1 - Tháng 7/2020*

Paolo Gentiloni (2023). *Autumn 2023 Economic Forecast: A modest recovery ahead after a challenging year.*

Việt Dũng (2020). *EVFTA: Cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam.*

Thế Hải (2023). *Việt Nam xuất siêu sang EU gần 24 tỷ USD.*

Tổng cục Thống kê (2024). *Xuất, nhập khẩu năm 2023 nỗ lực phục hồi, tạo đà bứt phá cho năm 2024.*

# KỶ VỌNG THỨC ĐẨY KIM NGẠCH THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG VIỆT NAM - INDONESIA

Minh Huyền

Indonesia là một trong những đối tác kinh tế, thương mại hàng đầu khu vực của Việt Nam với kim ngạch thương mại hai chiều đứng thứ hai trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Với những tín hiệu lạc quan từ đầu năm 2024, kim ngạch thương mại Việt Nam - Indonesia được kỳ vọng sẽ được đẩy mạnh và đặt dấu mốc mới, nhất là trong bối cảnh hợp tác kinh tế thương mại được xác định là điểm sáng trong quan hệ hai nước.



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và Tổng thống Indonesia Joko Widodo tại buổi tiếp - Ảnh: VGP/Nhật Bắc

## Động lực nâng kim ngạch thương mại song phương lên tầm cao mới

Những năm qua, Việt Nam và Indonesia có mối quan hệ gắn bó, hợp tác và sự tương đồng về văn hoá. Chính phủ Indonesia luôn coi Việt Nam là đối tác có tầm quan trọng chiến lược ở khu vực và là tiêu điểm với những chính sách khuyến khích hợp tác, phát triển kinh tế, thương mại, đầu tư... Do đó, tại thị trường Indonesia, sản phẩm của Việt Nam đã có được thương hiệu và có nhiều lợi thế cạnh tranh hơn so với các đối tác khác trong khu vực và thế giới.



Năm 2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Indonesia đạt 13,8 tỷ USD, Indonesia đã vượt qua Malaysia trở thành đối tác thương mại lớn thứ 2 của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á, sau nhiều năm đứng ở vị trí thứ ba. Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu giữa hai nước khá phong phú và đa dạng.

**Indonesia hiện là nước có dân số đông nhất khu vực ASEAN và đông thứ tư trên thế giới với hơn 250 triệu người nên mức độ tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm của người dân rất lớn. Do đó, Indonesia đã và đang trở thành thị trường trọng điểm, đầy tiềm năng tại khu vực châu Á nói riêng và thế giới nói chung.**

Xuất khẩu của Việt Nam sang Indonesia năm 2023 đạt hơn 5,07 tỷ USD, trong đó có 14 nhóm hàng có kim ngạch từ 100 triệu USD. Đáng chú ý, trong năm 2023, Indonesia đã chọn Việt Nam là một trong 2 quốc gia cung cấp chính cho các đợt thu mua gạo dự trữ của quốc gia này. Nhờ đó, Indonesia đã vươn lên trở thành nhà nhập khẩu gạo lớn thứ 2 của Việt Nam với sản lượng hơn 1,1 triệu tấn, thu về hơn 640 triệu USD, tăng mạnh 878% về lượng và tăng đến 992% về trị giá so với năm 2022. Việc chọn Việt Nam là nguồn cung chính cho các đợt thu mua lúa gạo của Indonesia đã khẳng định thêm vị thế, uy tín chất lượng của hạt gạo Việt Nam. Ngoài ra, một số nhóm hàng xuất khẩu đạt kim ngạch cao phải kể đến như: Sắt thép (483 triệu USD); máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng (gần 380 triệu USD); điện thoại và linh kiện (368 triệu USD)...

Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Indonesia đạt 8,77 tỷ USD, như vậy, Việt Nam nhập siêu khoảng 3,7 tỷ USD từ đất nước đông dân nhất Đông Nam Á này. Có hai nhóm hàng nhập khẩu từ thị trường Indonesia đạt kim ngạch tỷ đô là: Than với kim ngạch đạt hơn 2 tỷ USD và sắt thép với kim ngạch hơn 1,1 tỷ USD. Các nhóm hàng nhập khẩu đáng chú ý khác với kim ngạch trên 100 triệu USD như: Dầu mỡ động, thực vật (682 triệu USD); ô tô nguyên chiếc các loại (607,5 triệu USD); giấy các loại (282,8 triệu USD)...

Việt Nam và Indonesia thường xuyên tổ chức nhiều sự kiện nhằm thúc đẩy hợp tác thương mại, đầu tư và kết nối cộng đồng doanh nghiệp và thu hút

sự quan tâm của đông đảo giới đầu tư, kinh doanh, doanh nghiệp hai nước. Nhiều cuộc tiếp xúc, làm việc đã diễn ra giữa các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và xuất, nhập khẩu những mặt hàng như gạo, hạt điều, nước giải khát, nội thất... của Việt Nam và Indonesia đã được triển khai.

Đáng chú ý, trong chuyến thăm chính thức Việt Nam của Tổng thống Indonesia Joko Widodo đầu tháng 01/2024, hai nước đã đạt được thống nhất trong việc đưa kim ngạch thương mại song phương sớm đạt 15 tỷ USD và cao hơn ở mức 18 tỷ USD trước năm 2028. Đồng thời, tạo thuận lợi, khuyến khích doanh nghiệp hai nước đầu tư vào thị trường của nhau; mở rộng hợp tác sang các lĩnh vực mới và quan trọng như trí tuệ nhân tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, năng lượng tái tạo, đầu tư phát triển hệ sinh thái xe điện và pin xe điện; mở rộng các chương trình hợp tác trong khuôn khổ Quan hệ Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JTEP); tăng cường hợp tác trong lĩnh vực Halal; tăng cường hợp tác an ninh lương thực, nghiên cứu thúc đẩy ký kết Hiệp định thương mại gạo. Đây cũng là căn cứ để tạo thuận lợi thương mại, tăng cường xuất khẩu hàng hóa Việt Nam vào thị trường Indonesia trong thời gian tới.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Indonesia trong 2 tháng đầu năm 2024 đạt 1,05 tỷ USD, tăng 39% so với cùng kỳ năm trước. Mặt hàng gạo dẫn đầu kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Indonesia đạt 141,6 triệu USD, tăng 110,5% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 13,4% tỷ trọng xuất khẩu. Tiếp đến là mặt hàng chất dẻo nguyên liệu đạt 93,6 triệu USD, tăng 67,6%, chiếm 8,8% tỷ trọng. Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng trong 2 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước như: Cà phê tăng 235,4%; hóa chất tăng 212,9%; hàng thủy sản tăng 82%; cao su tăng 40,3%; máy móc, thiết bị phụ tùng tăng 45,9%.

### **Tận dụng cơ hội gia tăng thị phần xuất khẩu tại “xứ vạn đảo”**

Việt Nam và Indonesia đều có tiếng nói chung trong việc tiếp tục thúc đẩy quan hệ Đối tác chiến lược phát triển mạnh mẽ, toàn diện và vững chắc hơn nữa giữa hai quốc gia, nhất là trong quan hệ thương mại. Hiện Việt Nam đang nhập siêu từ Indonesia với cán cân nhập siêu khoảng 3,7 tỷ USD. Bên cạnh những cam kết hợp tác kinh tế thương mại giữa hai nước, nếu nắm rõ đặc điểm thị trường, thị hiếu tiêu dùng và tận dụng được những cơ hội, Việt Nam còn có thể gia tăng thị phần hàng hóa tại xứ sở vạn đảo này.

Theo Thương vụ Việt Nam tại Indonesia, thu nhập bình quân đầu người của Indonesia hiện ở mức 10.000 USD/người/năm và được dự báo sẽ tăng lên gấp đôi trong tương lai gần. Indonesia cũng được nhận định là nước đang phát triển với dân số trẻ lớn, tầng lớp trung lưu ngày càng tăng ở Jakarta và các thành phố hạng hai khác... là những tiềm năng về một thị trường tiêu dùng rộng lớn. Đặc biệt, hệ thống siêu thị của Indonesia rất phát triển, đem lại cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng thực phẩm có nguồn gốc động vật có chứng nhận Halal liên kết, liên doanh đưa hàng hóa vào tiêu thụ. Bên cạnh đó, hệ thống thương mại điện tử tại Indonesia cũng đang phát triển hết sức mạnh mẽ, tạo thuận lợi cho người dân mua sắm cũng là thị trường tiềm năng để thương mại điện tử xuyên biên giới của Việt Nam hướng tới. Đây thực sự là thị trường đầy tiềm năng cho các nhà xuất khẩu với các mặt hàng phong phú, nhất là các mặt hàng thực phẩm, đồ uống như: Trái cây tươi, nước ép trái cây, rau đã sơ chế, thực phẩm đồ ăn nhẹ, hải sản, thịt gia cầm, gia vị,...

Ngày 26/2/2024, Chính phủ Indonesia đã quyết định tăng hạn ngạch nhập khẩu gạo trong năm 2024 thêm 1,6 triệu tấn vì nguồn cung dự trữ trong nước không đủ. Nguyên nhân là do ảnh hưởng từ hiện tượng El Nino trong năm 2023 khiến sản xuất gạo của nước này bị chậm lại vì thiếu nước canh tác (theo dự kiến, việc thu hoạch vụ lúa đầu năm của Indonesia sẽ diễn ra vào tháng 5 và tháng 6/2024, thay vì tháng 3 và tháng 4 hàng năm). Với việc tăng lượng gạo nhập khẩu thêm 1,6 triệu tấn, tổng lượng gạo hạn ngạch Chính phủ Indonesia

quyết định nhập khẩu trong năm 2024 sẽ là 3,6 triệu tấn. Theo Cơ quan thống kê Indonesia, trong tháng 1/2024, nước này đã nhập khẩu 441,93 nghìn tấn gạo, tăng 82,19% so với tháng 1/2023, tương đương giá trị 279,2 triệu USD. Trong đó, lượng gạo nhập từ Thái Lan là 237,64 nghìn tấn, từ Pakistan là 129,78 nghìn tấn, Myanmar 41,61 nghìn tấn, Việt Nam là 32,34 nghìn tấn, Campuchia 2,5 nghìn tấn.

Gạo Việt Nam đã khẳng định được uy tín trên thế giới, là đối tác quan trọng, giành được sự tin tưởng của Chính phủ và người tiêu dùng Indonesia. Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo Việt Nam cần theo dõi sát thông tin thị trường, tận dụng tranh thủ cơ hội xuất khẩu gạo trong những tháng đầu năm sang thị trường Indonesia.

Ngoài gạo là một trong những sản phẩm nhập khẩu chủ lực của Indonesia từ Việt Nam, với đa số dân số theo đạo Hồi, Indonesia là thị trường có nhu cầu tiêu thụ sản phẩm có chứng chỉ Halal lớn nhất thế giới. Do vậy, Chứng nhận Halal luôn là yêu cầu đầu tiên của bất cứ nhà nhập khẩu, phân phối nào của Indonesia khi có sản phẩm thực phẩm, đồ uống muốn tiếp cận thị trường này. Vì thế, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần chủ động tìm hiểu và xin chứng nhận Halal của Indonesia cho sản phẩm xuất khẩu để tiếp cận và mở rộng thị trường.

Để mở rộng thị trường tại Indonesia, một trong các cách tiếp cận thị trường hiệu quả mà doanh nghiệp được khuyến cáo đó là giới thiệu sản phẩm chất lượng thông qua các Hội chợ quốc tế, uy tín với quy mô lớn được tổ chức thường niên tại đất nước "vạn đảo" này. Các hội chợ quốc tế lớn thường thu hút 40.000 đến 50.000 lượt khách

thăm quan với sự tham gia của rất nhiều doanh nghiệp của Indonesia và các doanh nghiệp quốc tế đến từ 40 quốc gia trong và ngoài khu vực. Đây cũng là một trong những đặc thù của thị trường Indonesia. Bởi, do chủng loại sản phẩm nhập khẩu phong phú và đa dạng nên những doanh nghiệp lớn trong ngành bán lẻ Indonesia rất ít khi chịu tiếp xúc với các doanh nghiệp hoàn toàn mới. Chính vì vậy, chuyên gia khuyến cáo, cách tốt nhất để "xâm nhập" vào thị trường hơn 250 triệu dân này là thông qua nhà phân phối đã thông thuộc thủ tục và có sẵn giấy phép nhập khẩu của Indonesia.

Thêm vào đó, thị hiếu của người tiêu dùng Indonesia sẵn sàng đón nhận các sản phẩm có tính độc lập, có bản sắc riêng, tính năng tốt và mang lại giá trị cao cho người sử dụng hơn hẳn những sản phẩm cùng loại. Người tiêu dùng ở đất nước này sẵn sàng chi trả mức giá cao hơn để nhận được sản phẩm tốt hơn. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam muốn gia nhập và mở rộng thị trường tại Indonesia không nên cạnh tranh về giá mà cần chú trọng hơn đến chất lượng, giá trị sản phẩm, nhất là ưu tiên sản phẩm có chứng nhận Halal.

Ngoài ra, trong bối cảnh phòng vệ thương mại đã, đang trở thành xu thế bảo hộ ngày càng được các nước tin dùng, doanh nghiệp không nên quá chú trọng việc xúc tiến thương mại mà bỏ qua các quy tắc, biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ hàng hóa và quyền lợi của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế nói chung và tại thị trường Indonesia nói riêng. Đó cũng là một trong những giải pháp tăng cường thương mại một cách bền vững đối với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam tại thị trường Indonesia./.



# MỘT SỐ HÌNH ẢNH LỄ RA QUÂN ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024

